Số 4
Tháng 10, 1917

L'INFORMATION FRANÇAISE
LA FRANCE DEVANT LE MONDE. — SON ROLE DANS LA GUERRE DES NATIONS
(Publication autorisée par arrêté du 30 décembre 1916 de M. le Gouverneur Général de l'Indochine)

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

LUẬN-THUYẾT

SỰ GIÁO-DỤC ĐÀN BÀ CON GÁI

« . . . Et pour inspiratrice de la plupart de ces
« chefs-d'œuvre, la femme ! La femme dans le plus
« complet épanouissement de sa beauté morale ! »

* * *

« . . . Mà phần nhiều những công-trình tuyệt-
« tác ấy là bởi người đàn-bà mà khởi-xướng
« ra. Người đàn-bà bấy giờ đã đến cực-điểm
« nhân-cách hoàn-toàn vậy. »

(Mlle Clarisse Bader
La Femme dans l'Inde Antique)

Ông Quách Phác ở nước Tâu ngày xưa có bài ca bôn câu tả người đàn-bà :

Chẳng như mây mùa thu,
Thiếp như khói trong lò,
Cao thấp nhẽ có khác,
Một thả cùng tuyệt vời.

Ý-vị thay nhời thơ cổ ! Đàn-ông với đàn-bà thực là mây với khói, địa-vị có khác nhau mà thiên-chất thực là một ; tạo-vật cùng cho cái sức bay bổng như nhau.

Đã cùng có sức bay-bổng như nhau, sao nỡ để kẻ nhanh người chậm ?

Bởi đó mà sự giáo-dục đàn bà con gái thực là quan-trọng vô cùng vậy.

Cớ sao từ xưa đến nay, dù nước nào cũng vậy, đàn ông vẫn được trọng mà đàn bà phải chịu khinh ?

Chẳng qua là bởi nhẽ yêu mạnh tự-nhiên, nhẽ ấy bắt đầu tự khi các xã-hội mới thành lập, mà nhân-tuần mãi đến những thời-đại đã văn-minh. Đàn-bà bẩm-sinh kém đàn-ông bề lữ-lực, nên từ nguyên-thủy vẫn phải mang phận mỏng hèn. Rồi sau các xã-hội đặt pháp-luật, dựng luân-lý, cứ chuẩn y cái địa-vị lúc bắn đầu mà nhận thành một công-lệ thiên-nhiên. Từ đấy nhân-loại tiệt-nhiên chia làm hai phần: đàn-ông là bực chủ-nhân, đàn-bà là hàng nô-lệ. Xét lịch-sử các dân các nước đời xưa đời nay về khoản thân-phận người đàn-bà trong xã-hội, thực là lắm đoạn thảm-thê thê-thảm, biểu-dương mà lưu-truyền đến thiên-vạn-cổ cái ô-danh ô-hạnh của giống đực ta!

Mãi đến đời Cận-đại, văn-minh Âu-châu mới xướng lên cái thuyết đàn ông đàn bà bình-đẳng, thực là mở-mang ra một thế-giới mới. Người đàn-bà như cây hoa mọc trong buồng tối, đem ra nơi sáng-sủa mát mẻ, hô-hấp cái không-khí tự-do của giời đất, được thỏa sức mà nở-nang, thơm-tho mà tô-điểm thêm cho cuộc đời trên cõi đất.

Từ xưa thế-giới là của riêng của đàn ông, từ nay thế-giới là của chung cả đàn-bà. Đàn bà tuy không làm những sự-nghiệp nhớn-nhao, biến-cải mặt địa-cầu, nhưng cái thế-lực trong gia-đình, trong xã-hội đằm-thắm mà sâu-xa biết chừng nào! Ai cũng biết văn-minh của các nước Thái-Tây ngày nay vừa có sức mạnh-mẽ mà vừa có vẻ thanh-tao, vẻ này điều-hòa cho sức kia được mềm-mại êm-đềm, khỏi thành ra cái võ-lực thô-bỉ mà tàn-bạo. Cái sức mạnh-mẽ ấy là công của đàn ông đặt máy-móc, lập công-trình, đào sông xẻ núi, lội bể vượt không; cái vẻ thanh-tao kia là công của đàn bà, trong bể vật-chất cạnh-tranh ngày nay, gây thành một chốn bồng-lai tiên-đảo, gồm hết cái ái-tình, cái phong-thú của đời người mà bầy ra những cảnh nên thơ nên mộng. Người ta ở trong một thế-giới chỉ om-sòm những tiếng máy-móc, nồng-nàn những khí cạnh-tranh, thì sống sao được? Phải có lúc được nghe giọng hát véo-von, cung đàn dìu-dặt, trông bóng giăng mà không ghen đến chị Hằng,

Hằng-Nga đã bỏ cung mây xuống trần,

thì mới giải được mọi sự phiền muộn, thư-thái được tinh-thần mà di-dưỡng được tình-tính.

Ấy cái thiên-chức của người đàn-bà ở đời như thế. Phàm sự giáo-dục đàn-bà con gái phải tùy theo cái thiên-chức ấy mới là phải đường, mới là hợp nhẽ vậy.

Như ở nước ta từ xưa đến nay, phép dạy đàn bà con gái thế nào?

Cái trình-độ ta tuy chưa được bằng các nước Âu-châu ngày nay biết ưu-đãi người đàn-bà, nâng-niu như bông hoa hòn ngọc, nhưng cũng không đến nỗi như lắm dân bán-khai ngược-đãi kẻ nhu-thuận, coi như cái máy đẻ con hay con vật mang nặng. Người đàn-bà nước ta từ xưa

đến nay vẫn được cái địa-vị xứng đáng trong xã-hội, mà cũng không bao giờ phụ tiếng gái lành, vợ hiền, mẹ từ, là gương tốt nghìn năm của bọn nữ-lưu. Nhưng các cụ ta ngày xưa quá tin cái lý-thuyết cổ về nhẽ « âm-dương » « cương-nhu », cho đàn-bà là kém hẳn đàn ông, không thể dạy cho bằng đàn ông được. Không những thế mà lại cũng không cần phải dạy nữa, vì *âm* vốn phải tùy *dương*, *nhu* vốn phải thuận *cương*, đàn-bà đã không thể tự-chủ, được ỷ-lại vào đàn ông, thủa con gái theo cha, thủa làm vợ theo chồng, thủa làm mẹ theo con, nhất sinh gồm trong ba chữ *tòng*, thì cha hay, chồng hay, con hay là mình được hay; dạy cho lắm, học cho lắm cũng là thuộc về vô-ích. Bởi thế nên các cụ chăm-chút cho con giai bao nhiêu, nhãng bỏ con gái bấy nhiêu vậy. Nói sự giáo-dục đàn-bà con gái thì nước ta tuyệt-nhiên không có. Không phải rằng ngày xưa không có lắm bà hay chữ, lắm bực tài-tình, nhưng đó là những người lỗi-lạc xuất-chúng, không thể kể được. Cũng không phải là các cụ ta không hề dạy đến con gái chút nào, phó mặc cả cho công gây-dựng của tạo-hóa. Nhưng cách dạy ấy là bằng ở tục-truyền cả, chỉ cốt cho biết phép cư-xử khi ở nhà, khi xuất-giá, để trọn phận-sự làm con làm vợ mà thôi. Không bao giờ chủ mở-mang trí-thức cho đàn-bà con gái cũng được hiểu nghĩa-lý như đàn ông.

Nói rút lại thì người đàn-bà ở nước ta ngày xưa tuy không đến nỗi bị bạc-đãi, nhưng cũng vẫn coi như trong luật gọi là người « vị-thành-niên », chung-thân là « vị-thành-niên », đã không có tư-cách tự-chủ tự-trị, cũng không cần phải học-vấn giáo-dục cho lắm.

Ấy cái tư-tưởng của các cụ ta về người đàn-bà như thế; cái tư-tưởng ấy ngày nay có thích-hợp nữa không?

Quyết rằng không. Đàn-bà quyết không phải là giới bẩm sinh ra kém đàn ông; tính-tình trí-tuệ có khác, nhưng không phải là kém. Đàn ông là mây thì đàn-bà cũng là khói, nếu cùng thả cũng có thể cùng nhau mà bay-bổng trên từng xanh. Nhất là đàn-bà nước Nam lại có lắm tư-cách hay: linh-lợi mà can-đảm, cần-mẫn mà khôn-ngoan, xưa nay đã có tiếng giỏi về đường kinh-tế. Cuộc thương-nghiệp trong nước phần nhiều là ở trong tay các bà. Dễ cả thế-giới không đâu có cái cảnh rất đáng kính đáng phục là cảnh người vợ học-trò nuôi chồng đi học — học suốt đời, vì sự học ở nước ta không có thời-hạn, — một mình tần-tảo mà cung-cấp được cả một nhà, trên cha mẹ, dưới lũ con. Mong cho trong văn-giới nước ta xuất-hiện được một tay làm tiểu-thuyết có tài mà tả cái cảnh đáng kính đáng phục ấy, để lưu truyền mãi mãi về sau.

Một nước có những đàn-bà giỏi như thế, sao nỡ nhãng bỏ mà không chăm-chút việc giáo-dục, khiến cho thành nhân-cách hoàn-toàn,

sứng đáng với cái tư-chất tốt, với địa-vị cao trong xã-hội?

Ngày xưa nho-học giới-nghiêm về đường đạo-đức, người đàn-bà dẫu không có học cũng chịu cái cảm-hóa trong gia-đình mà đủ giữ được phẩm-hạnh. Cái cảm-hóa ấy vừa mạnh vừa sâu, người con gái mới sinh ra đã hình như hô-hấp ngay trong không-khí quanh mình. Rồi sau nhớn lên, ai nấy đều ám-hiểu mà tự biết cái đường chính nên đi, không mấy người đến nỗi sai-lạc. Nhưng đó chẳng qua là một sự huân-đào tự-nhiên của xã-hội. Cái trình-độ đạo-đức trong xã-hội còn cao bao nhiêu thì sự huân-đào ấy còn có hiệu-nghiệm bấy nhiêu. Trình-độ càng thấp xuống thì sự huân-đào cũng càng ngày càng phai nhạt đi vậy. Lò than có hồng mới đủ sức nóng mà hun được vật ngoài; lò than đã vạc thì ngoài da còn lạnh, mong chi âm-áp được đến ai?

Lòng đạo-đức trong quốc-dân ta ngày nay, tức là cái cảnh lò than đã vạc, mỗi ngày một nguội đi vậy. Phàm người biết trông biết nghĩ, ai cũng phải công-nhận như thế. Sự nguội-lạnh ấy hại cho đàn ông một mà hại cho đàn-bà mười. Đàn-bà là cái cây cảnh quí của giời-đất, bẩm-sinh ra thân yếu-ớt mà lá mong-manh, phải giống trong « nhà-ấm » (1) mới sống được; nếu đem hạ cái nhiệt-độ xuống, nếu lại để cho xông pha sương tuyết nắng mưa thì được mấy nả mà cây tàn lá rụng! . . .

Than ôi! phẩm-hạnh người đàn-ông kém cái hại cho xã-hội thực là to; hại ấy cũng chưa bằng là phẩm-hạnh người đàn-bà hư; vì đàn-bà hư là cái hại đến nguồn-gốc xã-hội vậy.

* * *

Xét như thế thì một đằng cái tư-tưởng mới của thế-giới văn-minh ngày nay, chủ-trương cái thuyết đàn-ông đàn-bà bình-đẳng, giục-giã ta phải lưu-tâm vào sự giáo-dục đàn-bà con gái, khiến cho người đàn-bà ở đời bây giờ cũng được cái địa-vị, cái nhân-cách tương-đương với đàn-ông; một đằng thì bởi nền đạo-đức cũ suy-đồi, cái tình-thế riêng trong xã-hội ta khiến cho người đàn-bà khó biết nương-tựa vào đâu mà giữ được phẩm-hạnh, dễ mắc những phong thói bại-hoại ngày nay, cần phải giáo-dục cho phải đường mới có đủ tư-cách mà tự-thủ tự-chủ được.

Hai phương-diện ấy tuy khác nhau, nhưng cứ đó mà suy, cái kết-luận đều là cần phải cho đàn-bà con gái được học, được biết nghĩa-lý mà suy-xét điều nọ nhẽ kia, không thể để mang-nhiên như xưa được nữa.

Hiện nay còn có nhiều người mang cái tư-tưởng đời Trung-cổ, mà giữ cái chính-sách bó-buộc người đàn-bà, không muốn cho thông-hiểu điều gì, nói rằng đàn-bà càng biết chữ lắm càng dễ nhiễm thói sâu nhiều; bất nhược để cho ngu-đốt như xưa lại dễ dạy hơn. — Không những cái

(1) Ở các xứ lạnh, muốn giống những cây hoa qui của nhiệt-đái phải làm cái nhà che kín bằng mặt kính, hun nóng để giống cây vào. Trong tiếng tây là *serres*, chữ nho là *ôn-thất*, dịch nôm là *nhà-ấm*.

tư-tưởng ấy không có lượng, chỉ tỏ lòng vị-kỷ của đàn-ông, mà lại thực là trái với tình-thế ngày nay. Phong-hội mỗi ngày một mở-mang, văn-minh mỗi ngày một tiến-bộ, cuộc đời như bài kịch hay, càng ngày càng kỳ, càng ngày càng thú, đàn-ông có thể giữ lấy một mình mà xem, không cho đàn-bà được dự cuộc dư? E rằng càng ngăn-cấm bao nhiêu lại càng giục cái lòng hiếu-kỳ bấy nhiêu. Mà lòng hiếu-kỳ không được thỏa-mãn để sinh ra lắm nỗi hiểm-nghèo, cái hại cho xã-hội biết bao nhiêu mà kể vậy.

Ai không nhớ truyện Phật-tổ ngày xưa, vua cha từ khi sơ-sinh cố giữ không cho ra ngoài cung để khỏi trông thấy những cảnh phiền-não ở đời. Từ nhỏ đến ngót ba mươi tuổi, Như-lai mang-nhiên không biết nông-nỗi người đời sống thác thế nào, trong bụng lấy làm khao-khát muốn được xem tận nơi. Bèn mưu với tên thị-vệ, trốn đứng Hoàng-Khảo, ra dạo chơi nơi phồ-phường. Bốn lần ra bốn cửa thành thì lần thứ nhất gặp người hành-khất, lần thứ nhì gặp kẻ bệnh-nhân, lần thứ ba gặp đám tang-ma, lần thứ tư gặp người đạo-sĩ, bốn lần dở về đều phát-phiền, nghĩ cõi trần là nơi khổ-hải, nên đi tu cho thoát nợ đời. — Bây giờ vua cha mới tự hối, muốn tránh cho con khỏi trông thấy những cảnh phiền-não mà thực là gây cái mối phiền-não ở trong lòng. . .

Ta muốn khỏi sự nguy-hiểm ấy phải kíp mưu việc giáo-dục đàn-bà con gái, xét xem như trình-độ nước ta ngày này thì sự giáo-dục ấy phải thi-hành thế nào mới thích-hợp.

Cái vấn-đề khó giải thay! Vì sự giáo-dục ấy trước chưa có cơ-sở, nay nhất-thiết phải gây-dựng cả, phải định mục-đích sự học, nghĩ phương-pháp nên theo, lượng kết-quả về sau, đo ảnh-hưởng bây giờ; nói rút lại thì phải xét xem nước ta hiện nay cần người đàn-bà có tư-cách như thế nào, mà phải dạy học ra làm sao cho có thể gây được cái tư-cách như thế.

Chúng tôi không dám tự-phụ giải được cái vấn-đề nhớn-nhao và quan-trọng ấy. Chỉ xin thiết đại-khái ra như thế và nhân bầy thêm mấy ý-kiến riêng như sau này.

* * *

Ở nước ta ngày nay những đàn-bà con gái có thể dạy học được là thuộc về hạng thượng-lưu, trung-lưu trong xã-hội. Thượng-lưu là gồm những nhà thế-gia cựu-tộc, những bực quan-tước, cùng đại-đề những nhà giầu sang nền nếp, không bị bách về đường doanh-nghiệp mà có thể lưu tâm về sự học được nhiều. Tuy bực thế-gia cựu-tộc nay tất mỗi ngày một ít đi, nhưng lại có một hạng người khác xuất-thân hàn-vi mà gặp thời gặp vận gây dựng nên cơ-đồ nhớn, giúp cho cuộc kinh-tế trong nước được thêm thịnh-vượng. Những nhà ấy như bên Âu-châu thì gọi là bực « cao-đẳng trung-lưu » (*haute bourgeoisie*), bên ta cũng có thể liệt vào hạng thượng-lưu được. Toàn là những tay phú-hào, tự mình đã quá tuổi

không học được, tất hết sức mà chăm-chút cho sự giáo-dục các con về sau này. Đến như trung-lưu thì là gồm cả những nhà

Gia-tư nghĩ cũng thường thường bực trung,

không giầu không nghèo, dư sức cho con đi học, nhưng thường coi sự học là một cái vốn về sau mà vụ đường thực-lợi. Bọn trung-lưu ấy là phần nhiều hơn nhất, lại là phần chăm-chỉ cần-mẫn, ham đường tiền-thủ ; một nước phải lấy đây làm gốc, nước giầu dân mạnh cũng là nhờ công-phu tài-trí của bọn ấy.

Trong việc giáo-dục đàn ông con giai không thể phân biệt thượng-lưu, trung-lưu, vì cái mục-đích sự giáo-dục ấy là để đào-tạo nhân-tài, mà nhân-tài thì không thể lấy đẳng-cấp hạn-chế được. Đến như sự giáo-dục đàn bà con gái thì là chủ nhất gây lấy cái nhân-cách hợp với tình-thế trong xã-hội ; xã-hội có đẳng-cấp, sự học cũng phải tùy mà thay đổi. Cậu ấm con quan lớn hay là anh cả con bà hai, nếu có tư-cách tốt cũng có thể tiến-đạt bằng nhau mà cùng làm nên sự nghiệp hay. Nhưng cô chiêu sinh nơi phú-quí với chị mỗ đẻ chồn bán buôn thì cái cảnh-ngộ đã khác, sự học-hành cũng không thể giống nhau được.

Bởi thế nên trong việc giáo-dục đàn bà con gái phải tùy cái vị-trí trong xã-hội mà xếp đặt phương-pháp vậy.

Cứ như trên kia nói về cái lý-tưởng các nước văn-minh, thì người đàn bà tuyệt-phẩm ví như cái hoa thơm, hòn ngọc quí để tô-điểm cho đời người được thêm vui thêm thú. Người đàn bà con gái đứng vào bực thượng-lưu trong nước cũng có thể mang một cái hi-vọng tuyệt-phẩm ấy ở trong lòng. Sinh-trưởng nơi phú quí, phải có cái học-thức tương-đương với địa-vị mình. Không phải lao-động về đường doanh-nghiệp, phải có cách tiêu-dùng thì giờ cho xứng-đáng. Cổ-nhân dạy đàn-bà con gái những nhà quí-tộc các nghề phong-nhã như : cầm, kỳ, thi, họa. Tuy ở đời thực-học này những nghề ấy đã mất giá đi nhiều, nhưng không phải là đáng bỏ hẳn. Nghề đàn nghề thơ bao giờ cũng vẫn là hai món tất-yếu của người con gái hay chữ. Nhưng trước hết phải biết người con gái ở nước ta nên chuyên học thứ chữ gì ? Quyết là phải học chữ quốc-ngữ, không những học để biết đọc biết viết mà thôi đâu, phải học cho đến làm được thơ được văn bằng quốc-âm. Biết đâu ? đương buổi quốc-văn hiếm-nghèo này, đàn ông vì thời-thế không thể chú tinh-lực mà luyện-tập lấy tiếng nước nhà, người đàn-bà nếu biết đem cái tài-tình riêng của mình mà uốn-nắn cho nhời nôm được mềm mại, cũng thanh-tao mà cũng yểu-điệu như mình, khá lấy diễn được hết những cảnh vui sầu trong mộng-thế, mối cảm-động trong tình-tình, thì văn-chương nôm sau này lại chẳng được nhờ cái công tô-tạo ấy mà phấn-khởi lên dư ? Cái óc khô-khan của đàn ông vun-giồng mãi chưa thành, có nhẽ cái tình đườm-nhuận của đàn-bà

tầm-tưới mà nên chăng ? Bởi thế mà ta rất là mong-mỏi ở bọn tân nữ-sĩ sau này vậy.

Nhưng đó là cái mộng-tưởng, sự hi-vọng về tương-lai. Hiện nay còn có một cái vấn-đề khó giải, là đã đành rằng dạy văn quốc-ngữ cho con gái mới là phải, nhưng văn chưa thành, sách chưa có, dạy làm sao cho được? Kể cái vấn-đề ấy cũng còn gian-nan thực, nhưng đợi đến ngày có nhiều sách hay bằng nôm xuất-hiện ra đời — mà mong rằng ngày ấy cũng không xa đâu —, hiện sách quốc-ngữ cũng đã có ít nhiều có thể cung cho sự cần dùng của các cô học-trò lúc mới đầu. Nhất là những thơ truyện cũ (như *Truyện Kiều, Cung-oán, Nhị-độ-mai, Chinh-phụ, Lục-vân-Tiên,* v.v.), lại là hợp với tính-chất người đàn-bà lắm. Một nền văn-chương như truyện *Kim-Vân-Kiều* mà khéo diễn-giải, bình-luận, thuyết-minh cho đàn-bà con gái nghe, thì thiết-tưởng không kinh thánh truyện hiền nào hay bằng, thâm-thiết mà chước-minh bằng! Các cụ ngày xưa vẫn giới-nghiêm truyện *Kiều* không cho con gái đọc, sợ dâm-loạn mất tính-tình. Thiết-tưởng là một sự nhầm, vì người ta thường nói đàn ông thuần lý, đàn-bà thuần tình; thuần lý thì dễ lấy lý mà phục, thuần tình thì phải lấy tình mới cảm được. Truyện *Kiều* thực là một kho tình vô-hạn, mỗi câu như mang nặng một gánh tương-tư với đời. Lại là một cái gương tấy liếp, phản chiếu cho ta trông hết các hạng người trong xã-hội, người nào tật nấy, in như thực, như trên cái màn chớp bóng vậy. Như thế thì những sách như truyện *Kiều* chẳng là những sách giáo-khoa tuyệt-phẩm của bọn nữ-lưu dư?

Ta bàn khí dài về sự học quốc-văn mà chưa kịp nói đến các môn học khác cần cho đàn-bà con gái. Tuy trong bọn thượng-lưu nên chuyên trọng bề văn nghệ, nhưng không phải là nhãng bỏ được mặt thực-học. Toán-pháp, cách-trí, vệ-sinh, địa-dư, lịch-sử, đều là những môn học thiết-yếu cả. Nên dùng quốc-ngữ mà dạy những điều phổ-thông phải biết. Lại các môn nữ-công khác như thêu thùa, làm bánh, kết hoa, v, v, cũng nên thông-hiểu cả. Còn nghề đàn nghề vẽ là những nghề tài-hoa, học được rất nên dụng tâm. Người con gái nào có tư-chất thông-minh muốn học lên bực cao-đẳng hơn nữa, thì phải nghiên-cứu một ít Hán-học. Đã thông văn nôm thì học chữ Hán cũng dễ, không bao lâu tất đọc sách xem thơ được. Đến khi ngâm câu Đường-thi, bình bài cổ-văn, mà hiểu được nghĩa thì bây giờ cái cổ học đã đủ, không cần phải miên-man vào kinh truyện cho lắm. Nếu còn có sức học được nữa thì thêm một ít Pháp-học lại là hay lắm. Nhưng Pháp-học không cần cho người con gái bằng Hán-học. Và muốn học chữ Pháp cho thông phải lâu năm, mà cái thời-kỳ học của người con gái, dẫu là người thượng-lưu nữa, cũng có hạn nhất-định, không thể quá được. Thiết-tưởng đến khi Hán-học đã thông thông thì nhà nữ-sĩ đã đến tuổi hôn-nhân, mà sắp vào một cuộc đời mới vậy.

Nhưng cứ cái học-thức như trên kia cũng là đủ làm một người đàn-bà thượng-lưu trong xã-hội ta. Các khoa phổ-thông đã thiệp-liệp cả, tuy chưa được rộng được sâu nhưng cũng biết ngành-khái, lại thêm đọc thơ xem sách để hàm-dưỡng tính-tình, dù lấy chồng là người phẩm-tước hay kẻ học-vấn cũng là có cái trí-thức tương-đương với địa-vị mình vậy. Trong lúc giao-tế, biết lấy tài ứng-đối mà trang-điểm nhời bàn câu truyện, ai nghị-luận về sự gì cũng am-hiểu mà có ý-kiến riêng về sự ấy ; không tất-nhiên là phải có cái tư-tưởng sâu-sắc hơn người, cốt là nhời ăn tiếng nói xuất ư tự-nhiên vậy. Đã nghiệm phàm đàn-bà ăn nói tự-nhiên, dù nhời nói rất tầm-thường cũng có cái thú-vị riêng. Đã có cái đặc-quyền hơn đàn-ông như thế không nên lạm-dùng. Vì thói thường đàn-bà ở nước ta là hễ hơi biết chữ tất lên mặt cao-kỳ. Trong khi giáo-dục phải chủ sửa cái thói ấy lại, khiến cho nhớ rằng bao giờ tính khiêm-nhu tu-sĩ vẫn là đầu các nữ-hạnh.

Ấy đại-khái phép giáo-dục đàn-bà con gái bực thượng-lưu như thế. Sự giáo-dục ấy xưa nay hầu như không có, nhà nào có cũng là còn khuyết-điểm nhiều. Đại-để các nhà quan thường cho con gái học, song sự học ấy không có định-kiến, kết-quả cũng là thuộc về hư-không vậy.

Ngày nay nếu những con gái trong bực thượng-lưu nước ta, vào khoảng mười tám, hai mươi tuổi, mà đều có cái học-thức như ta kể trên kia, thì trong xã-hội ta thực là nẩy được một cái tia sáng mới, một cái hương thơm lạ ở nơi khuê-các, chốn gia-đình vậy. Dân ta cũng nhờ đấy mà bước được một bước to lên con đường văn-minh tiến-bộ.

Nhưng bực thượng-lưu còn là số ít ; hạng trung-lưu mới thực là giữ phần nhiều trong xã-hội. Sự giáo-dục đàn-bà con gái bực thượng-lưu là không chủ một cái mục-đích cận-lợi gì, chỉ vụ gây-dựng nhân-cách. Sự giáo-dục đàn-bà con gái bọn trung-lưu, ngoài việc gây-dựng nhân-cách, còn phải chủ sự thực-lợi nữa.

Đại-để thì xưa nay các nhà phường-phố không từng cho con gái học chữ. Mới nhớn lên đã phải tập theo nghề nhà, chăm việc bán-buôn, còn lúc nào mà lưu-tâm đến sự học. Từ ngày nhà nước mở trường Nữ-học thì đã có nhiều nhà đua nhau cho con vào trường, nhưng thường-thường chỉ cho học mấy năm còn nhỏ mà thôi, đến 14, 15 tuổi thì để coi-sóc việc nhà. Nên sự học ấy cũng chưa thành kết-quả được mấy. Và chương-trình trường nữ-học cũng là chưa được thích-hợp với trình-độ nước ta. Phàm sơ-đẳng giáo-dục mà dùng chữ Pháp nhiều là thất-sách cả. Cho con giai cũng hại, phương chi là con gái.

Đại-khái phép giáo-dục con gái bực trung-lưu cũng sâm-si với bực thượng-lưu mà nên lấy quốc-văn làm chốt. Nhưng có điều khác, là bề văn-nghệ không phải chuyên-trọng bằng đường thực-học thực-nghiệp.

Nên dạy cho biết các khoa phổ-thông bằng quốc-ngữ, lại chú-trọng về các nữ-công, như vá may, thêu-thùa, đan dệt, v. v. Có một khoa cũng cần lắm là học giữ sổ-sách buôn bán, tính-toán tiền-nong đồ hàng, vì phần nhiều con gái bực trung-lưu là con nhà buôn-bán cả, nếu biết những điều yếu-cần ấy có thể giúp cho cha mẹ và có ích cho nghề-nghiệp mình về sau. Đến khi đã thuộc các môn phổ-thông rồi thì không cần phải học chữ hán là món trang-điểm cho bực thượng-lưu mà thôi. Bây giờ có thể bắt đầu học chữ Pháp được. Nhưng học vụ cho dần-dị, đủ viết được nói được mà thôi, nghĩa là để về sau trong khi buôn-bán có thể trực tiếp mà giao-thiệp với người Tây được.

Đó là cái chương-trình phác-họa trong tưởng-tượng về sự giáo-dục đàn-bà con gái ở nước ta ngày nay. Làm thế nào mà thi-hành được cái chương-trình ấy?

Thuộc về sự giáo-dục con gái bực trung-lưu, thì thiết tưởng chỉ nên cải-lương các trường nữ-học của nhà nước theo đại-ý trên kia, nghĩa là nên dạy nhiều chữ quốc-ngữ, mà chữ Pháp thì dùng cách trực-tiếp dần-dị mà dạy, cốt cho chóng biết tiếng là đủ, lại chuyên trọng về các môn thực-nghiệp thiết-yếu và có ích lợi. Về đường ấy thì cái cơ-sở đã tiệm có, chỉ nên khoáng-trương ra mà phát-hạt lên thôi.

Nhưng đến sự giáo-dục con gái bực thượng-lưu, thì mục-đích vừa khác mà vừa cao hơn, thể-chế chương-trình trường nhà nước quyết là không thích-hợp. Ngày xưa thì các nhà phiệt-duyệt thường dạy con gái ở nhà, nhưng bất quá là dạy cho biết một ít chữ Hán mà thôi. Ngày nay phạm-vi sự học rộng hơn, cái gia-đình-giáo-dục ấy không đủ nữa. Vậy phải làm thế nào mà điều-hòa được phép dạy học ngày nay với cái nền-nếp ngày xưa? Chắc rằng trường nhà nước có chương-trình nhất-định không thể chiều riêng một bọn thượng-lưu mà dạy những khoa-học đặc-biệt. Thiết-tưởng chỉ có một cách, là lập ra một nhà « Nữ học-viện » riêng để chuyên dạy những con gái bực thượng-lưu. Gọi là « học-viện », không gọi là « học-đường », là có ý biểu cái tính-cách đặc-biệt, không giống các trường khác. Học-viện là một hội học, hơn là một trường học. Cái thể-chế tất không nhất-định mà uyển-chuyển theo cái khuynh-hướng, lòng sở-thích của người học. Một người danh-giá, hoặc ông quan hay bà quan nào, đứng lên lập ra, làm giám-đốc. Giáo-viên thì chọn những người hay chữ, đứng-đắn, có nhân-cách tốt, một tuần lễ mấy ngày đến diễn-thuyết về các mục trong chương-trình. Vì lối dạy ở Nữ-học viện này là lối diễn-thuyết bình-dị, không phải đặt thành khóa như các trường. Đại-khái thì trong học-viện chia ra làm hai ban : một ban gọi là « dự-bị » để dạy các khoa phổ-thông cho những người còn ít tuổi, chưa thể nghe giảng-nghĩa được. Cách dạy ở ban ấy thì cũng sâm-si với các trường nữ-học nhà nước ; nên

không có giáo-viên riêng có thể mượn các cô-giáo trường nhà nước dạy cũng được. Một ban nữa là ban « diễn-thuyết » như ta nói trên kia. Ban này mới thực là phần chính trong học-viện, để cho những người nhớn đã hơi có chút học phổ-thông đều-đều mà có thể hiểu được những nhời giảng thuyết cao-cao. Không những các cô học-trò, các bà cũng có thể buổi buổi đến nghe được, vì ban này vừa là một lớp dạy học mà lại vừa là một nơi diễn-đàn, thể-chế kiêm cả hai đằng, đàng nọ bổ đằng kia. Nếu thuần là một lớp dạy học thì chương-trình nhất-định e đàn-bà con gái không hứng theo ; nếu thuần là một nơi diễn-đàn thì nhời diễn-thuyết hoặc thật ư quá cao, hoặc thật ư quá phiếm, sợ không thiết-thực mà ít bổ ích cho sự giáo-dục. Ngoài các khoa diễn-thuyết, lại đặt nhiều khoa nữ-công do các bà giáo dạy. Thêm một khoa dạy đàn, một khoa dạy hát nữa, cũng lại là hay lắm. Nói rút lại thì phải khéo điều-hòa các nghề văn-nhã với các môn thực-học, cho cô con gái sau khi ở học-viện ra có tư-cách người tài-hoa kiến-thức đáng giữ chủ-quyền việc giao-tế trong xã-hội.

Trong học-viện, sẽ đặt một lớp riêng dạy chữ Hán, chữ Pháp cho những người có thể học cao được đến bực ấy. Cách dạy học thì như ta đã bàn qua trên kia, trọng thông-hiểu, không vụ nghiên-cứu.

Nhưng phần cốt-chính vẫn là phần giảng-thuyết, vì chỉ có cái lối dạy ấy là hợp với tính-chất người đàn-bà. Dùng cách nói truyện mà dạy thì người học cũng vui mà người dạy cũng vui. Người học lại được cái lợi nữa, là học không khó nhọc gì, chỉ nghe mà biết. Nếu được ông giáo-viên giỏi thì cái hiệu-lực của cách dạy ấy có nhẽ bằng bội phần cách dạy thường. Đó là một điều nên chú-ý trong khi kén chọn các giáo-viên. Nên kén vừa người tân-học, vừa người cựu-học, không nệ bên nào.

* * *

Ấy đại-khái ý riêng về cách tổ-chức một nhà Học-viện cho bọn thượng-lưu nữ-giới như thế. Cũng biết đó chẳng qua là một sự mộng tưởng mà thôi, chưa có thể một mai mà thực-hành ngay được. Hiện nay nước ta chưa thành nữ-giới như các nước ; đàn-bà con gái chưa có một cuộc « giao-tế » chung, xưa nay thường ai ở nhà nấy, không hay có dịp đi lại giao-thiệp với nhau mà nghĩ đến những điều ích-lợi chung. Lại thêm phong-tục có điều chặt-chẽ, bó buộc người đàn-bà, không được tự-do cử-chỉ. Bấy nhiêu sự ngăn-trở không thể nhất-đán mà vượt qua được, nên cũng chưa mong rằng cái công-cuộc nhớn nhao về sự giáo-dục đàn-bà con gái đã sắp đến ngày khởi-hành mà thành công được ngay. Nhưng tây-nho có câu rằng: Cái mộng-tưởng là mẹ sự thực. Phàm sự thực-hành to, lúc khởi-thủy cũng là do một cái tư-tưởng xuất-hiện ra trong tâm não người

ta. Như thế thì cái mộng-tưởng trên kia không phải là vô-ích; nếu lại khiến được những bực tri-thức trong nước chú-ý vào cái vấn-đề giáo-dục này thì tưởng cũng là một cái mộng-tưởng có ích vậy.

PHẠM QUỲNH

NGHĨA-VỤ LÀ GÌ?

Tiên-nho có câu : « Muốn nhập-môn đạo Khổng-Mạnh, trước hết phải biết phân-biệt điều nghĩa, điều lợi. »

Tiên-nho gọi điều nghĩa, tức ta gọi là nghĩa-vụ; tiên-nho gọi điều lợi tức ta gọi là quyền-lợi. Hai cái quan-niệm về nghĩa-vụ quyền-lợi thực là cái chốt của luân-lý vậy. Điều nghĩa cùng điều lợi quan-hệ với nhau thế nào, đó là cái vấn-đề rất trọng, người ta dù ở đời nào, nước nào, cũng phải từng xét đến. Vì giải cái vấn-đề ấy, tức là giải cái nghĩa đời người vậy.

Đại-để các xã-hội ngày xưa lấy điều nghĩa trọng hơn điều lợi. Không những thế, mà trong hai cái quan-niệm về nghĩa-vụ cùng quyền-lợi, chỉ biết nghĩa-vụ mà không hề nghĩ đến quyền-lợi. Lại không những thế, mà trong một xã-hội những người bởi cái địa-vị của mình được có quyền-lợi đối với người khác, cũng tự coi cái quyền-lợi ấy là nghĩa-vụ. Vua đối với tôi, cha đối với con, chồng đối với vợ, đều là có quyền-lợi riêng, mà thực là có nghĩa-vụ riêng vậy. Vua có quyền trị-dân, nhưng cái quyền ấy tức là phải lo cho dân được an-lạc; cha có quyền dạy con, nhưng cái quyền ấy tức là phải gây cho con được nên người; chồng có quyền khuyên vợ, nhưng cái quyền ấy tức là phải mưu cho trong gia-đình được thuận-hòa vui-vẻ. Nói rút lại thì ngày xưa cái quan-niệm quyền-lợi thuộc về « tiêu-cực », mà cái quan-niệm nghĩa-vụ thì thuộc về « tích-cực ». Ngày nay tựa hồ như lại phản-trái lại: « tiêu-cực » chuyển ra « tích-cực » mà « tích-cực » chuyển ra « tiêu-cực »; quyền-lợi xem ra trọng hơn nghĩa-vụ.

Sự chuyển-dịch ấy khởi ra tự Âu-châu. Các nước Âu-châu xướng ra nhân-quyền, lại xướng ra dân-quyền, làm kinh-thiên động-địa vì hai chữ *quyền-lợi*. Vua có quyền-lợi đối với dân, nhưng dân cũng có quyền-lợi đối với vua, cha có quyền-lợi đối với con, nhưng con cũng có quyền-lợi đối với cha, chồng có quyền-lợi đối với vợ, nhưng vợ cũng có quyền-lợi đối với chồng. Bây nhiêu cái quyền-lợi tranh-dành sung-đột nhau, khởi lên như giáo dựng, thì phân-định làm sao cho được? Ai cũng có quyền-lợi cả, mà duy có cái quyền tối-yếu là cái quyền quyết-định mọi sự cạnh-tranh thì không thuộc về ai. Bởi vậy mà trong lịch-sử Âu-châu

đã từng làm phen biến-loạn cải-cách, gây nên cái phong-trào tự-do bình-đẳng ngày nay. Nhưng người Âu-châu giàu tính tự-trị, tập thói tự-do đã lâu đời, nên đã khởi ra mới có thể đương được cái phong-trào ấy. Thế mà lắm khi nó mạnh quá cũng còn sinh ra nhiều sự nguy-hiểm cho xã-hội. Như trong nước ai cũng đòi quyền-lợi, thậm chí người đàn-bà cũng bỏ chồn khuê-phòng mà ra nơi công-chúng yêu-sách những quyền bầu-cử, quyền chính-trị, thì xã-hội còn có chật-tự nào nữa, gia-tộc còn thể vững bền sao được?

Các nhà trí-sĩ bên Âu-châu cũng biết cái nguy đó, nên nhiều người đã tìm cách để duy-trì cho xã-hội. Các nhà ấy nghĩ rằng cái tự-do mà đem đến cực-điểm thì không phải là một sự hay nữa mà thành một cái tạ, cái quyền-lợi mà không có hạn-chế thì chỉ đủ gây nên đổi-loạn. Vậy muốn chữa lại cái tệ ấy, không gì bằng bồi-dưỡng lấy « lòng nghĩa-vụ » trong quốc-dân, khiến cho ai nấy đều hiểu rằng người ta tuy có quyền-lợi, nhưng trọng nhất là cái nghĩa-vụ của mình, muốn hưởng cái quyền-lợi kia, trước phải làm cho trọn cái nghĩa-vụ này mới được. Một nhà làm sách có danh tiếng ở nước Pháp bàn về cái vấn-đề ấy có nói rằng:

« Từ thủa đồng-ấu cho đến tuổi trưởng-thành, cả cái công giáo-dục phải là chỉ gồm lại một *bài dạy nghĩa-vụ*. Phàm việc mưu-toan, phàm sự-nghiệp, mục-đích gì, cũng phải xét theo một phương-diện cao-thượng ấy cả, khiến cho hai chữ nghĩa-vụ thành một cái đầu bài hằng ngày diễn đến, diễn ra đủ các mặt, lấy những gương danh-dự xưa nay mà minh-chứng thêm vào. Phải giải cho biết rằng Nghĩa-vụ đối với Quyền-lợi là đứng cái thế quân-bình, không những thế mà lại là điều-hòa thích-hợp với nhau nữa. Phải bảy cho rõ ràng cái nghĩa-vụ vốn nó có cái vẻ trang-nghiêm tôn-trọng, càng thực-hành ra bao nhiêu lại càng cao càng tôn lên bấy nhiêu. Phàm người làm cha, làm thầy, làm bạn, không cần phải có văn-bằng sư-phạm, đều là có tư-cách mà dạy cái nghĩa-vụ cho những bọn thiếu-niên. Phải khiến cho những bọn ấy biết cái nghĩa-vụ nó mãnh-liệt thế nào, nó phong-phú thế nào, nó cho người ta cái sức nâng nổi quả núi, nó tắm gội cho cái tâm-hồn người ta, rửa sạch mọi sự phiền-não, khiến cho trong lòng được vui-vẻ bình-tĩnh. Phàm việc gì bởi nghĩa-vụ mà làm thì làm mới được trọn-vẹn, mà những việc ấy thường lại là những việc rất khó-khăn. Làm việc nghĩa-vụ, dù không được thành-công, không được lợi-lộc, nhưng trong cái thất-bại cũng được cái thú ngầm nó đền cho công-phu mình. Cái nghĩa-vụ không bao giờ làm cho oán-

phẫn hồi hận. Bao giờ nó cũng có cái vẻ bình-tĩnh uy-nghiêm, mà không biết cái mùi cay-đắng là gì..... » (1)

Mấy nhời ấy thực là cực-tả cái thế-lực, cái uy-quyền, cái hiệu-nghiệm, cái công-đức của hai chữ Nghĩa-Vụ vậy.

Ấy các nước Âu-châu là nơi cái tư-tưởng về quyền-lợi thịnh-hành như thế, mà còn trọng còn thờ cái nghĩa-vụ như vậy. Cho hay hai cái nghĩa-vụ quyền-lợi thực như nhời nhà danh-sĩ Pháp nói, đứng thế quân-bình, nếu thiên-trọng một bên nào thì cái chật-tự trong xã-hội tất phải điên-đảo.

Âu-châu còn thế, phương-chi là ta.

Nước ta từ khi nho-học suy, cái luân-lý cũ đã thấy nhãng bỏ nhiều. Mà luân-lý cũ tức là cái luân-lý « duy-nghĩa », không có một phần nào « duy-lợi » vậy. Cả cái lâu-đài đạo-đức của ông cha ta đều là sây lên một cái nền chữ *Hiếu* cả: hiếu chẳng phải là cái nghĩa-vụ rất tôn, rất nghiêm, rất cao-thượng, rất thuần-túy dư? Nhưng hiện nay cái lâu-đài ấy không được vững như xưa nữa, mà sắp đến ngày đổ nát vậy. Thử xét khắp các hạng người trong xã-hội, đâu đâu cũng chỉ thấy đua nhau mà sô đẩy vào trường cạnh-tranh quyền-lợi. Người làm quan chỉ có một mục-đích: là vơ-vét lấy của dân cho thật nhiều, để mưu sự sung-sướng cho một mình. Kẻ đi học cũng không chăm ở sự học, chỉ chăm về đường thi-cử tiến-đạt, học để làm việc nọ cầu chức kia, không phải là học để thành người tài giỏi. Những người quốc-dân suy-tôn nhất là người khéo yêu-hãnh, kiếm được nhiều tiền, không phải là người phẩm-hạnh hay, nhân-cách cao-thượng.

Muốn cứu lại cái tình-thế nguy-hiểm ấy, phải bồi-dưỡng lấy lòng nghĩa-vụ trong quốc-dân ; phải in sâu hai chữ « Nghĩa-vụ » vào trong não-chất mỗi người, khiến cho ai làm việc gì biết coi việc ấy là một sự thuộc về bổn-phận mình phải làm cho trọn.

---

(1) Đoạn này trích-dịch trong sách ông HENRI LAVEDAN. Nguyên văn hay lắm, xin lục ra đây để các nhà tây-học thưởng-giám:

«... Il faudrait que des prairies de l'enfance, aux coteaux de l'adolescence, toute l'éducation dans son ensemble ne fût en quelque sorte qu'une « *Classe de Devoir* » continuelle ; que toutes choses : les desseins, les oeuvres, les buts, ne fussent envisagés qu'à ce point de vue exclusif et directeur..., que cette idée magnifique devînt le thème traité sans cesse et sous toutes ses faces, traduit à tout moment par les innombrables exemples d'honneur qui s'en élèvent. Du Devoir on montrerait l'évidence d'harmonie et l'obligation d'équilibre par rapport au Droit, et puis la grandeur, la beauté constante, inaltérable, croissant et s'affinant aux progrès de la pratique. Les parents, les maîtres, les amis, professeurs les plus qualifiés et les moins pédagogues de ce sentiment souverain en révéleraient la fécondité, le pouvoir, les effets inouïs, le courage angélique qu'il donne, les montagnes qu'il soulève, la force qu'il procure, la paix et le soulagement sans nom dont il baigne l'âme après l'avoir lavée. On n'accomplit vraiment en perfection que les travaux qu'il commande, quoique ce soient les plus coûteux. Et le Devoir enfin, s'il n'assure pas toujours la réussite, est le seul néanmoins qui dans l'insuccès accorde une secrète et délicieuse récompense. Il n'a jamais engendré le regret ni le dépit. Sa gravité reste sereine et ne connaît pas l'amertume... »

Một nước còn yếu-hèn như nước ta, người dân lại cần phải có lòng nghĩa-vụ mạnh hơn các nước khác. Vì thế nước mạnh cũng ví như vốn nước đã giầu, cái nợ của dân đối với nước nhẹ mà của nước đối với dân nặng ; nên dân có nhiều quyền-lợi mà ít nghĩa-vụ. Thế nước yếu cũng ví như vốn nước còn nghèo, cái nợ của dân đối với nước nặng mà của nước đối với dân nhẹ ; nên dân có nhiều nghĩa-vụ mà ít quyền-lợi. Đó là một nhẽ thừa trừ tự-nhiên vậy. Dân ta thực là thuộc vào cái cảnh-ngộ thế nước yếu mà vốn nước nghèo ; nên cái nợ của dân đối với nước có phần nặng, phải giả cho xong mới mong có ngày được hưởng quyền-lợi vậy.

Làm thế nào mà hết được nghĩa-vụ ấy ? Phải mỗi người, tùy tài tùy sức mình, làm cho trọn cái bổn-phận của mình, nghĩ đến cuộc lợi chung hơn là sự lợi riêng, đặt cho công việc mình một cái mục-đích cao mà gắng sức cho đạt tới mục-đích ấy. Cái vốn chung trong một nước tức là gồm những công-phu riêng của mỗi người vậy.

Nay xét riêng trong học-giới mà thử hỏi cái nghĩa-vụ của bọn trí-thức trong nước ta là thế nào ? Nghĩa-vụ ấy vừa to vừa rộng, vì bọn ta được cái danh-dự làm người đi trước, phải đưa đường chỉ nẻo cho quốc-dân trong cuộc văn-minh tiến-bộ. Danh-dự ấy có nhớn mà cái trách-nhiệm tương-đương nặng biết chừng nào !

Cổ-nhân có câu : « Độc thư cứu quốc » ; câu ấy thực là cái biểu-hiệu của bọn ta vậy. Vì ta học để làm gì ? Nếu cái mục-đích sự học chỉ là để sung-sướng lấy một thân ta, thì mục-đích ấy chẳng là thấp mà sự học ấy chẳng là hẹp lắm dư ? Ta phải biết cái nghĩa-vụ, cái danh-dự của ta. Nghĩa-vụ ấy, danh-dự ấy, là học để giúp cho nước ta khỏi yếu hèn mà được cường-mạnh, dân ta khỏi ngu-tối mà được sáng suốt. Vẫn biết rằng có nhiều người cho cái tư-tưởng ấy là hoang-phiêm, quá cao mà không thiết thực. Người nào nghĩ như thế là nhầm to. Phàm làm việc gì cũng phải có một mục-đích ; mục-đích ấy là cái nêu, cái mốc cho công-phu mình, là nơi công-phu mình phải đạt tới mới được hoàn-toàn. Mục-đích ấy tất phải xa, phải cao hơn công việc làm, mình càng tiến lên thì mục-đích ấy lại càng phải cao, phải xa hơn mãi ; vì sự sinh-hoạt là một sự tiến-bộ vô-hồi vô-hạn, hễ không tiến là thoái, cái nhẽ thiên-nhiên như thế. Trong các công việc của người đời còn việc gì cao hơn sự học nữa ! Lấy một cái công việc tối cao như thế mà chỉ để dùng làm cái thang tiến-đạt cho mình, thì chẳng là mất giá-trị của sự học lắm dư ?

Ai đã mang thân vào học-giới, phải có nghĩa-vụ với nước nhà. Nhất là trong buổi sự học chưa thành nền-nếp như ngày nay, nghĩa-vụ ấy lại càng quan-trọng lắm nữa. Học-giới ta lênh-đênh như chiếc bách giữa dòng, sóng này đưa đi, sóng kia đẩy lại, ta phải ra tay chèo mà đưa thuyền ta vào cửa bể kín đáo.

Nay Nhà nước đã lưu-tâm đến sự học nước ta, hết sức mở mang cho mỗi ngày một thịnh, mỗi ngày một cao mãi lên. Đồng-bào ta đã biết đường học, phải học cho đến nơi ; cốt nhất là phải tiệt cái mê-mộng những sự cầu-cạnh quyền-lợi, mà coi sự học là một cái nghĩa-vụ của mình, làm trọn được nghĩa-vụ ấy tức là thêm được một phần vào cái vốn chung của nước, giả được một phần trong cái nợ riêng của mình.

Chắc là cái kết-quả sự học phải khiến cho mình được cái ngôi-vị, cái quyền-lợi sứng-đáng với sức học mình. Nhưng không nên để cái mục-đích sự học ở đây, phải đặt nó cao hơn mới được. Đến được đây cũng chưa nên tự lấy làm mãn-nguyện, mà tưởng rằng công học đã thập phần hoàn-toàn rồi. Sự học không bao giờ là hoàn-toàn được. Cái nợ khác có khi giả hết ; nợ học là nợ chung-thân vậy.

Huống dân ta về đường học-thức mới còn thiếu-thốn nhiều. Phi kiệt lực mà theo đuổi việc học-hành, mong sao cứu bổ được sự thiếu-thốn ấy ?

Ấy cái nghĩa-vụ của học giới ta như thế. Có làm trọn nghĩa-vụ ấy mới mong được hưởng quyền-lợi về sau. Người ta thường nói : Không quyền-lợi nào là không có nghĩa-vụ, không nghĩa-vụ nào là không có quyền-lợi. Nhưng cái cách chắc hơn nhất là trước phải biết nghĩa-vụ mình ở đâu mà làm trọn nghĩa-vụ ấy : nghĩa-vụ đã trọn, quyền-lợi tất đến, không sai. Phàm việc gì cũng nên theo một phương-pháp như thế, không những là một việc học vậy.

THƯỢNG-CHI

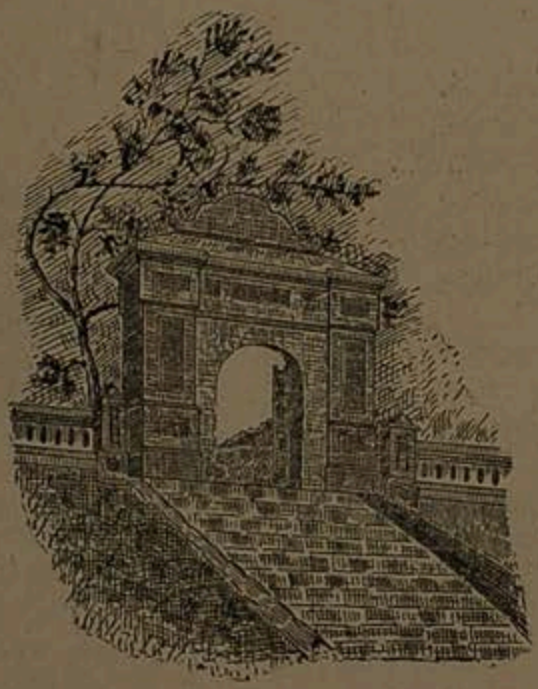

Lá liễu xanh,
Hoa hồng đỏ,
Giăng rạng tỏ,
Thấp-thoáng trong mành ai to nhỏ,
Ai to nhỏ?

Vườn xuân cỏ cây tươi tốt,
Khí xuân dầm-ấm dương-hòa,
Dan-díu cùng ai nhời thề-thốt,
Hẹn dưới hoa.

*

* *

Giời thu lạnh,
Cảnh thu buồn,
Giăng thu chiếu tỏ,
Dạ bồn chồn,
Đêm thu khắc-khoải,
Mộng kinh-hồn.

Gió thu hiu-hắt,
Khí thu tiêu-sắt,
Nhạn sa chừng,
Lòng thu lai-láng,
Lệ ngập-ngừng,
Lệ ngập-ngừng!

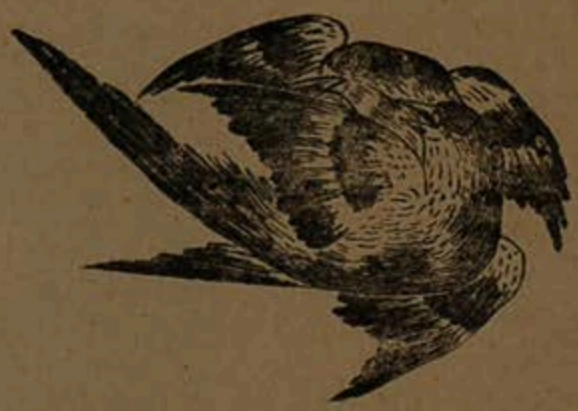

VĂN-HỌC BÌNH-LUẬN

SỬ-HỌC CHUYÊN-LUẬN

I

Trước chúng tôi đã dịch trong bản-báo [1] một bài *Sử-luận* của ông nho Tầu Đái Cát-Phu tiên-sinh bàn về phép làm sử theo lối cũ của Đông-phương ta. Chúng tôi có hứa sẽ đăng sau mấy bài chuyên-luận về sử-học theo lối mới ngày nay. Vậy bắt đầu từ kỳ này xin tham-khảo các sách tây mà tóm lược những điều yếu-cần về cách học sử, phép làm sử của Âu-châu, để hiến học-giới ta một cái phương-pháp thích-đáng cho sự nghiên-cứu lịch-sử nước nhà.

Cứ đọc bài *Sử-luận* của Đái tiên-sinh thì biết cái tính-cách riêng của sử-học của nước Tầu nước ta ngày xưa thế nào. Ta coi sử-học là một môn thuộc về luân-lý, mà dùng sử làm một cách dẫn dạy người đời. Thuật việc đời trước để làm cái gương cho người đời sau trông đấy mà cư-xử, điều phải thì theo, điều trái thì tránh, đó là cái mục-đích của các nhà làm sử ngày xưa. Bởi vậy nên không vụ nghiên-cứu sát-hạch những việc đời xưa cho đích-sác, khiến cho thu được cái hình-ảnh chân-chính của các đời trước, chỉ chủ nhân những việc ấy mà kết-luận thành bài luân-lý cho người đời.

Ấy cái tôn-chỉ của sử-học ngày xưa như thế. Đến cái phương-pháp về sử-học thì một nhà bác-sĩ Pháp chuyên-trị Hán-học [2], dịch sách *Sử-ký* của Tư-mã Thiên, trong bài tựa có phê-bình mấy nhời như sau này:

« Ở Âu-châu thì đời xưa như người Hi-lạp La-mã coi sử-học là một nghệ-thuật, đời nay coi là một khoa-học. Song bao giờ cũng là bởi cái công chước-thuật của một người mà ra; người làm sử lấy cái nhỡn-kiến, cái tư-tưởng riêng của mình mà sát-hạch, phán-đoán, kết-cấu bằng những « sử-liệu » của người đời trước để lại.

« Người Tầu thì không có cái quan-niệm về sử-học giống như thế. Người Tầu coi việc làm sử là khéo sưu-tập những nhời sách của người đời trước, sếp-đặt đoạn nọ vào đoạn kia, người làm sử hầu như không can-thiệp vào chút nào, chỉ phải so sánh những đoạn sách ấy mà nối tiếp lại với nhau mà thôi. Nếu chính là người làm sử tự mình thuật lại việc gì trước nhất, hoặc là nhân việc cũ mà tự mình phê-phán điều gì, thì cái phần riêng ấy chẳng qua cũng là một lượt đất mỏng phủ thêm vào mấy từng đất dầy của đời trước vậy. Muốn phân-biệt cái phần phụ vào thế với cái cốt cũ thực là dễ, không khó gì. Lối làm sử ấy là lối liên-tiếp, cũng ví như những chất đá kết-tinh, miếng nọ rinh vào miếng kia, muốn bẻ vỡ ra cái nguyên-chất nó cũng không thay đổi. Người làm sử không để cho biết mình, dù là việc tự mình mục-kích mà thuật lại người xem cũng không biết là nhời ai nói... Như thế thì trong một bộ sử tầu các phần không có dung-hợp với nhau,

(1) Xem *Nam-Phong*, số 2, trang 93 - 96.

(2) Là ông EDOUARD CHAVANNES, học chữ Tầu có tiếng ở nước Pháp. Có chân « Khảo-cổ-bác-sĩ-hội » (*Académie des Inscriptions et Belles-Lettres*)

toàn là những đoạn con con xếp liền lại mà thôi. Không có phương-pháp nhất-định, chỉ là một sự sưu-tập, xếp-đặt mà thôi. Còn sự « phê-phán » thì người làm sử điều gì cho là thực bèn chép lấy, điều gì cho là không thực thì bỏ đi không nói đến. Không hề bao giờ đem những điều nghi-ngờ ra mà suy-lý nghị-luận xem thực hư thế nào. Người làm sử cũng ví như cái sàng, hễ hạt thóc nào to không vừa mắt thì không để lọt xuống.... »

Ai đã quen xem sử tầu sử ta, lại từng đọc sách sử tây, mà so sánh hai đằng, thì tất cũng nhận thấy như thế vậy.

Trước khi bàn về phép làm sử theo lối khoa-học ngày nay, hẵng nên thích qua nghĩa chữ *lịch-sử*, mà xét xem người Âu-châu học sử ra thế nào.

∴

Chữ *lịch-sử* dùng về nghĩa thực rộng thì chỉ gồm những sự duyên-cách biến-thiên thuộc về đời trước. Đối với chữ *hiện-trạng* là chỉ cái hình-trạng hiện-tại của vạn-vật. Phàm sự vật, cái gì cũng có thể xét ra hai phương-diện được, một là xét về *hiện-trạng*, hai là xét về *lịch-sử*. Xét hiện-trạng là xét cái tính-chất, thể-cách, sự sinh-hoạt, vận-động, biến-hóa, hiện bây giờ thế nào; xét lịch-sử là xét những sự thay đổi sẩy ra từ xưa đến giờ, nhân-tuần đời nọ đời kia, khiến cho thành cái hiện-trạng ngày nay. Như xét một quả núi, một con sông, thì một là tả cái hiện-trạng nó, đo quả núi cao bao nhiêu, có những thứ đá gì, thứ cây gì, con sông dài bao nhiêu, phát nguyên tự đâu, chảy ra đâu; hai là cứu cái lịch-sử nó, xét xem quả núi bởi cớ gì mà thành, hỏa-diệm-sơn phun lên, hay là cù-lao ngoài bể mà đất phù-sa bồi vào, con sông mấy lần đổi dòng, khi lở khi bồi thế nào, năm nào nước to, năm nào đê vỡ.

Xét như thế thì nghĩa chữ *lịch-sử* thực là rộng, không những là dùng đối với loài người, mà dùng đối với vật-chất cũng được. Nhưng thuộc về vật-chất thì những sự duyên-cách biến-thiên thực là chậm, lấy con mắt người ta mà xét, lấy cái kỳ-hạn đời người mà so-sánh, thì hầu như không thay đổi tí gì, vì sự thay đổi ấy phải mấy nghìn mấy vạn năm mới thành được, mà cũng không ra ngoài phép-tắc thiên-nhiên. Bởi thế nên đối với vật-chất, khoa-học thường chủ xét cái hiện-trạng cho thực tường, nhân đấy mà suy ra để tìm cái phép-tắc thiên-nhiên, không mấy khi cần phải xét đến mấy nghìn mấy vạn năm về trước mới đủ hiểu được. Đến như thuộc về loài người, thuộc về công việc của người ta, thì xét lịch-sử cũng quan-trọng bằng xét hiện-trạng. Lắm khi có biết lịch-sử mới giải được hiện-trạng. Là bởi nhẽ như sau này: công việc của người ta không phải là thuộc về phép-tắc thiên-nhiên, thực là bởi tay người ta làm ra, người ta cũng là tùy cảnh-ngộ, tùy tình-thế, mỗi lúc hành-động một khác; mà cái cảnh-ngộ, cái tình-thế trong đời người thì thiên-hình vạn-trạng, không hiểu việc trước, không thể nào giải được việc sau cho châu-đáo.

Bởi vậy nên chữ *lịch-sử* tuy dùng rộng ra mọi sự mọi vật được, nhưng thường cũng chỉ dùng riêng về nhân-loại mà chỉ những công việc quá-khứ của người ta. Khu riêng trong nhân-loại thì lịch-sử thực là quan-trọng vô cùng. Vì phàm công việc của người ta, sau khi làm ra là bắt đầu thuộc về lịch-sử rồi; mà công việc của người ta thì biết bao nhiêu mà kể! Đương khi việc sẩy ra rồi thì là việc đã qua, muốn nghiên-cứu tất phải theo phương-diện của lịch-sử vậy.

Một nhà sử-học có tiếng, Droysen tiên-sinh nói rằng: « Cái thế-giới trong loài người ta là một mớ bòng-bong

những công nọ việc kia, những tình-cảnh, lợi-quyền, cạnh-tranh, tình-dục, bấy nhiêu thứ hỗn-tạp với nhau mà thành ra. Dùng khoa-học mà xét cái thế-giới phiền-phức ấy, có thể xét ra nhiều phương-diện được...Những việc sẩy ra hằng ngày, người khởi xướng ra không phải là có rắp tâm để làm lịch-sử đâu. Công-việc mà sở-dĩ thành ra lịch-sử chẳng qua là bởi cái cách minh quan-sát việc ấy sau khi việc đã sẩy ra mà thôi vậy. »

Lại một nhà sử-học đại danh ở nước Pháp, SEIGNOBOS tiên-sinh cũng nói rằng : « Phàm những việc gì gọi là việc hiện-tại, khi nghiên-cứu đến cũng là việc quá-khứ rồi, người xét tất chỉ xét được cái vết-tích mà thôi, không được trông thấy việc. Thế tất là phải dùng đến phép lịch-sử mới lý-hội được, nghĩa là phải suy ngược về trước, hoặc ít hoặc nhiều vậy. »

Như thế thì ngoài sự kinh-lịch không kể, còn sự tri-thức của người ta về việc đời phần nhiều là bởi lịch-sử mà được cả. Lịch-sử chẳng phải là quan-trọng lắm vậy dư ?

Nhưng người ta không phải là nhất-đán mà hiểu được cái nghĩa lịch-sử một cách thâm-thiết mà hoàn-toàn như thế đâu. Kể từ khi có sử-học đến giờ đã từng phải qua bao nhiêu tuần mới đến được cái quan-niệm như ngày nay vậy.

Cứ xét « lịch-sử » của sử-học thì có thể chia đại-khái ra ba tuần như sau này :

1° — Tuần « phôi-thai » (*phase rudimentaire*), kể từ khi người ta mới biết ghi nhớ những công-việc minh vào đá, vào gỗ, vào tre, vào vải, vào giấy. Thường-thường là những vua chúa muốn lưu-danh về sau, bắt bề tôi biên chép lấy những việc hiển-hách trong đời minh, cách biên chép ấy chắc là không đúng, phải thiên-vị mà không đủ-tận tin vậy.

2° — Tuần « văn-chương » (*phase littéraire*). Người ta bấy giờ đã biết làm sử, nhưng lấy việc đời trước như cái đầu bài để làm văn-chương, chỉ chọn những việc hiển-hách dễ tán-tụng phô-trương ; hoặc lấy việc đời trước làm gương dăn dạy cho người đời sau. Tức là cái lối làm sử của nước Tầu nước ta ngày xưa vậy.

3° — Tuần « khoa-học » (*phase scientifique*). Bắt đầu từ thế-kỷ thứ 17, 18, người ta dần dần hiểu nghĩa lịch-sử mỗi ngày một rộng, một thâm ra, biết coi lịch-sử là một khoa-học, như thiên-văn-học, địa-chất-học, hóa-học vậy. Mục-đích của thiên-văn-học là học các tinh-tú trên bầu giời, của địa-chất-học là học các từng đất làm ra vỏ địa-cầu, của hóa-học là học các vật chất biến-hóa ; vậy thì mục-đích của lịch-sử cũng tức là học những công việc cũ của loài người ta. Đã có mục-đích nhất-định, phải theo phương-pháp nhất-định, mới sứng-đáng tên khoa-học.

Cái phương-pháp ấy sau ta sẽ diễn-giải tường từng bộ-phận một, nhưng đại-khái cũng là tóm lại trong mấy câu của nhà sử-học G. MONOD thích phép làm sử như sau này :

« Nhà làm sử phải đem hết những vết-tích đời cổ-xưa mà sát-hạch nghiền ngẫm, theo phép-tắc nhất-định mà tuần tự tiến lên, tự nhỏ đến nhớn, từ riêng đến chung, từ bộ-phận đến toàn-thể, chỗ nào nghi-ngờ mờ ám thì dần dần khám-phá ra cho phân-minh rõ-ràng, rồi tổng-hợp lại thành từng bức, họp các việc nhỏ lại thành từng đoàn nhớn ; sau cùng mới trừu-tượng lấy một cái kết-luận chung có chứng-cớ thực-nghiệm được ; phép làm sử phải như thế mới gọi là hoàn-toàn vậy. »

PH. Q.

(*Còn nữa*).

VĂN-HỌC HI-LẠP

Bản-báo mừng mới được một người bạn giúp báo, là ông NGUYỄN-MẠNH-BỒNG, *hiệu* MẶN-CHÂU. *Ông là một người rất nhiệt-thành về sự học, rất nhiệt-thành về quốc-văn, mà rất nhiệt-thành với bản-báo. Ba sự nhiệt-thành ấy cũng tức là một mà không phải là phản trái nhau vậy.*

Ông có gửi cho bản-báo một tập bản về văn-học, triết-học, khoa-học của nước Hi-lạp (Grèce), dịch-thuật theo các sách tây sách tầu, khảo-cứu thực là dụng công mà biên-chép thực là kỹ-càng, lại phụ thêm những nhời bàn sác-đáng. Ông tự nghĩ rằng nước ta ngày nay theo đòi học-thuật của Đại-Pháp, mà học-thuật Đại-Pháp thì khởi-nguyên tự Hi-lạp, là tị-tổ của văn-minh Âu-châu. Vậy muốn biết chân-tướng của học-thuật Đại-Pháp, cần phải suy-nguyên đến học-thuật Hi-lạp trước đã. Tưởng cũng là thuộc về nhẽ phải vậy.

Kỳ này bắt đầu đăng bài thứ nhất về « Văn-học Hi-lạp », những bài khác sẽ kế-tiếp đăng sau. Mong rằng các nhà đọc báo sẽ vui xem mà lượng cái khổ-tâm, sự nhiệt-thành của dịch-giả.

Về phần bản-báo thì rất là vui mừng được một người bạn đồng-chí, từ nay còn sẵn lòng giúp đáp được nhiều.

PH. Q.

TỰ-NGÔN

Có người hỏi bỉ-nhân rằng : Bác định dịch-thuật học cổ Ai-cập, Hi-lạp, La-mã là ý thế nào ?

Đáp rằng : Trông thấy cây cao bóng mát thời phải nghĩ đến từ khi cái hột còn deo, dần dần mới có cây, có cành, có hoa, có lá, song lại phải biết cái hột kia mọc thế nào, trải bao năm, tháng, ngày, giờ, giây, phút mà đến nay kẻ qua người lại được nhờ sự che chở nắng mưa.

Thế-giới như hoa như gấm ngày nay từ đâu mà lại ? Có phải phát nguyên tự văn-minh Ai-cập, chú-nhập vào Hi-lạp, lưu-truyền đến La-mã, khoáng-đật ở Âu-châu rồi mới chuyển-sang đến phương Đông ta đó không ?

Hiện giờ ta được hưởng cái hạnh-phúc tiến-bộ có khác nào như người hành khách đi dưới bóng cây âu-hải mà cành che lá rợp của cây ấy là bởi cái hột Ai-cập, cái mầm Hi-lạp, cái gốc La-mã đó không ?

Đại-Pháp mẫu quốc ta bây giờ thật là ông thầy nông-phố đương mang những hạt cây quí báu ấy gây giống ở cánh đồng Đông-dương, là một cái bọt bể Thái-bình-dương đã bồi nên bãi-nhớn, vậy ta muốn hiểu cái sức cây mọc thế nào thời chẳng phải biết tính-chất hột giống ra làm sao ư ? Bởi nghĩ thế, bỉ-nhân muốn đem cái tài non nớt, chẳng ngại sự vụng hèn mà kẻ cứu dịch thuật ít nhiều những cái văn-học cổ-điển đã gây dừng ra các nước Âu-châu ngày nay, đã đề-tạo ra thế-giới bây giờ, cũng vì như nhặt nhạnh một vài hạt giống đã lâu năm mang dắc lên cái nấm đất có gió hòa mưa thuận, để cho các nhà thăm cảnh mến vườn liếc mắt qua đến các cái luống của kẻ thợ cây vụng dại, nếu cảm cho chắc cũng sinh tình.

Đáng nhẽ thì phải bắt đầu kể từ Ai-cập, song bỉ-nhân dại nghĩ nước ta ngày nay quốc dân đều đã biết khuynh-hướng vào Tây-học rồi mà

chữ Tây phần nhiều lấy chữ Lạp-đinh (Latin) Hi-lạp (Grec) mà chắp thành, cho nên trước hết hãi xin phô-diễn cái học-thuật của « Âu-châu văn-minh đệ-nhất tổ-quốc » ra, gọi là thêm lợi cho các bạn đồng chí vậy ! [1]

∴

Văn học nước Hi-lạp tiến bộ thực tới nơi mĩ-diệu, cao hơn các nước ngày xưa. Như thi-ca khẩu-biện, lịch-sử các nghề ấy dẫu nước văn-minh ngày nay cũng còn kém xa không bằng, cho nên văn-học cùng mĩ-thuật của nước Hi-lạp đều làm cho cái văn-minh cổ ấy được quang-vinh, khiến cho thiên-hạ hậu thế còn kính-phụng làm nghi-biểu mãi mãi.

Được hay như thế, ý chừng bởi người Hi-lạp có cái tư-tưởng cao đẹp vui sướng, và được quốc-ngữ của mình tinh tường. Các học giả đời sau thường bảo người Hi-lạp sáng tạo ra cái gì cũng đều là tận-mĩ, mà đến ngôn ngữ thời lại càng trọn vẹn lắm lắm. Đó chỉ là nhờ có cái thiên-lại mà thôi vậy.

Ngôn ngữ là cái đặc-chất của văn-học Hi-lạp ; mà văn-học Hi-lạp phát-đạt biến-thiên chia làm ba kỳ như sau :

Kỳ thứ nhất từ thượng-cổ cho đến năm 475 trước Thiên-chúa. Kỳ thứ hai vào lúc hoàng-kim thời-đại tức là hồi Nhã-điển (Athènes) toàn-thịnh (475 đến 300), kỳ thứ ba là hồi vua Á-lịch-sơn-đại (ALEXANDRE LE GRAND) (300 đến 146 trước Thiên-chúa).

Kỳ thứ nhất là hồi thơ tự-sự, tự-tình mới thịnh. Kỳ thứ hai là hồi lịch-sử, hi-khúc, khẩu-biện cực thịnh. Kỳ thứ ba là lúc văn-học đã dần suy.

I

KỲ THỨ NHẤT

Văn-học nước Hi-lạp khởi tự thi-ca, trong kỳ thứ nhất nổi tiếng có Hà-mã (HOMÈRE) tiên-sinh, cho nên người ta cũng gọi là Hà-mã thời-đại (*Période homériqüe*). Hà tiên-sinh chép ra hai tập « anh-hùng thi » rất hay : 1° Y-lê-nhã (*Iliade*), 2° Áo-đích xả (*Odyssée*), [2] đều thuật các công nghiệp của các bực hào-kiệt đương thời. Tập thơ Y-lê-nhã (*Iliade*), kể công-việc vây thành Đặc-lô-á (Troie), tập thơ Áo-đích xả (*Odyssée*) tả cái cảnh phiêu-lưu của vua Uy-lịch (Ulysse).

Người xưa bình phẩm hai tập thơ ấy nói : tập Y-lê-nhã (*Iliade*) hay vô cùng, có thần phẩm cao-tuyệt, trong 24 khúc như vẽ ra một bức tranh chuyền thần cái văn-minh Hi-lạp rất hoàn toàn ; nào tả-cảnh, nào diễn-giải, nào can-qua, nào tỉ-hiện, nào truyện-ký, thực khá gọi thiên-cổ chỉ có một bực kiệt-tác ấy thôi.

Còn tập thơ Áo-đích xả (*Odyssée*) thời cũng có 24 khúc, tả khi vua Uy-lịch, giở về Ý-tắc (Ythaque), những nơi văn-chương đại-đoạn kể hành trình vua Uy-lịch, những giọng êm đềm tô-điểm ở trong, và những quãng hình-dung cái bụng thế nhân, cũng là một bức tranh về phong tục cổ Hi-lạp vậy.

---

(1) HỮU-CẦM. — Nhân trong khi bỉ-nhân kê-cứu các văn-minh cổ ấy, thấy bể dâu biến đổi, nước Ai-cập bây giờ chỉ còn những tháp kim-tự, những tượng sư-thân, nước Hi-lạp bây giờ mất hẳn hết cái uy-hùng vua Á-lịch-sơn đại (Alexandre le Grand) mà nước La-mã bây giờ chuông sáng kinh chiều đã hóa ra tên Ý-đại-lợi ! Thế mới biết dẫu khôn ngoan tài giỏi đến đâu mà đã sinh ra kiêu căng tự thị thì lại đành phải chịu cái đào-thải của hóa-công mà thôi ! Nhưng tinh-thần còn chiếu-diệu ở hoàn-vũ là nhờ có các hiền-nhân quân-tử ; thời dù hình-thức có thay đổi song thế cũng vẫn là còn sống mãi cùng thiên-địa. Dám khuyên các bạn đồng chí ta nên chăm bồi-dưỡng tinh thần hơn hình thức để cầu cái kế cửu viễn vậy.

(2) Chúng tôi cũng khổ tâm về sự dịch tên người tên đất lắm. Đã định để nguyên văn Pháp, song sợ có người không phải tây học không đọc được. Mà dịch theo vần quốc-ngữ thì ngặt vì tiếng ta nói bình dị, khoan thai, tiếng tây nói phần nhiều phải uốn lưỡi, rút tiếng và có giọng gió, thì dịch ra cũng khó đúng. Vậy chúng tôi đành liều thế mà dịch, miễn là đạt được lý-tưởng thời thôi chứ cũng không dám quá nệ hình thức. Còn sách tàu dịch sách tây cũng mỗi nơi một khác không nhất định thế nào, thời cũng không thể theo được. Vậy sẽ xin bàn lại một bài cho rõ ràng các lẽ về sau.

Người ta lấy Hà tiên-sinh (Homère) làm tổ nghề văn-học Hi-lạp, là bởi vì nhờ có phong nhuệ giản-khiết của câu thơ tiên-sinh thấm nhiều vào người khiến cho văn-học và tôn-giáo Hi-lạp chấn-hưng lên được. Thực công nghiệp cũng to tát, khiến cho các học giả đời sau đều lấy đó làm khuôn phép vậy.

Cứ theo truyện xưa rằng : Hà tiên-sinh đẻ ra trước kỷ nguyên 900 năm ở chốn thực-dân Hi-lạp ở Tiểu Á-tế-Á (Asie mineure), chính đất Sĩ-mô-nhĩ (Smyrne), rồi sau đi lưu ngụ bốn phương, khi già thì mù lòa, lang thang hết thành phố này sang châu quận khác, đàn hát ngâm vịnh, thường ca tụng cái tài hùng-văn của mình. Khi mất rồi, bảy tỉnh tranh nhau cái vinh-dự rằng tiên-sinh đẻ ra ở đó, đến nỗi đánh nhau mãi [1].

Đến thế-kỷ thứ 18, học-giả nước Đức là Hoa-nhĩ-phu (Wolf) thích đọc hai tập thơ của Hà-tiên-sinh, nhân kê cứu mà quyết rằng : không phải là một tay tiên-sinh làm ra. Nhưng các nhà học giả gần đây, nhiều người lại quyết rằng : chính tay tiên-sinh làm ra đó. Sự biện nan ấy chẳng biết bên nào là phải, song cũng nên đoán chắc rằng : hai tập thơ ấy phần nhiều là văn của tiên-sinh, còn thời cũng có một đôi khúc của các bè bạn tiên-sinh rồi tiên-sinh phủ-chính lại mà chép vào vậy.

Nối gót tiên-sinh có thi-hào Hi-tiết-đức (Hésiode), làm thơ đều tả những thần-nhân cổ-truyện, khi bấy giờ truyền tụng cực nhiều.

Hi tiên-sinh lại khéo làm thơ tả cái vui thú điền giã, cái khó nhọc những người nông phu, một tập « Công tác chi nhật » (*Les Travaux et les jours*) thuật những sự cần khổ của nhà nông rất là tường tất, ngụ ý khuyên dăn đời vậy. Lại tập « Căn-thiên » (*Théogonie*) kể những nguyên do thần-nhân Hi-lạp, cũng là một tập văn cao tuyệt đó.

Từ Hà-tiên-sinh (Homère) cho đến Hi-tiên-sinh (Hésiode) đều là thể thơ tự-sự cả. Thế mới biết thể thơ ấy bấy giờ thịnh hành biết là dường nào.

Từ khi các nhà thơ tự-sự trên ấy quá khứ, trải cũng lâu năm, lại có một thể thơ mới ra là thể thơ tự-tình vậy.

Cuối kỳ thứ nhất các nhà văn tranh nhau bắt-chước lối thơ tự-tình ấy, đã thành ra một thời-đại riêng, gọi là « huyền-ca-điệu thời-đại » (*période lyrique*), bởi vì làm thơ, làm ca sao cho có thể hòa vào đàn nhạc được. Thế cho nên người ta thường nói các thi-sĩ ngày xưa đem đàn theo mình mà ngâm thơ. Thời bấy giờ thơ hợp với đàn đã gây nên cái âm-vận khiến cho lòng người đổi được, cho nên ai cũng thích nghe.

Ông Á-nhĩ-khắc (Alcée) và bà Tản-phi (Sapho) đều là hai nhà đại danh ở thời-đại thơ tự-tình đó.

Bà Tản-phi (Sapho) là một bực nữ-tài, người Hi-lạp rất là tán phục. Nhưng than ôi ! « cho hay mạnh bạc ấy giời », người tài-nữ ấy trong một cơn thất vọng đã vội liều mình ở chốn Lục-cát-đức (Leucade) trong bể, mà bây giờ « hồn thơ còn vẫn như nhường trêu ai » vậy.

Lại còn ông Ai-na-khắc-lý (Anacréon) với ông Tây-mạc-nại-đặc (Semonide) đều cũng nổi danh.

Ai tiên-sinh (Anacréon) sinh ra ở đất Tế-ốc (Téos), văn-chương có duyên tươi-tỉnh, có vẻ thanh-tao, khoái trá miệng người vô-hạn, cho nên cái tên Ai-na-khắc-lý (Anacréon) kia đã từng qua lại dưới bút các nhà văn

---

(1) Các nước Âu-châu xưa nay đều có cái đức sùng-bái kính phụng các bực danh nhân, cho nên chốn nào mà các danh nhân thác tích ở đó, đều là cái kỷ niệm quí báu, cái vinh quang cao-thượng riêng của xứ ấy, nên thường tranh nhau như vậy.

bút hậu thế luôn luôn, ai cũng muốn được như tiên-sinh, vì tiên-sinh có cái thần ở trong văn-chương sán lạn vậy.

Song, ông Tân-đạt-nhĩ (PINDARE) mới lại là một tay kiệt xuất hơn cả.

Tân tiên-sinh sinh ra từ năm 520 trước-kỷ nguyên ở tại đất Bối-âu-tây (Béotie) mất năm 440. Thơ tiên-sinh đại khái thuật những cái vĩ-quan của hội-quốc tế Hi-Lạp, nhời trong-trẻo, cao-thượng khác cả mọi người. Ấy cái tài ấy đã làm cho đến đời sau, vua Á-lịch-sơn-đại đánh đất Bối-âu-tây (Béotie) mà chừa nhà tiên-sinh không dám phá đó. Xem thế thời biết lòng người Hi-Lạp kính trọng Tân tiên-sinh biết là dường nào !

∴

Người ta lúc còn ở cái thế-giới mông-muội, thấy cảnh thiên-nhiên tốt đẹp mà ngơ-ngẩn, thấy sự sống sự chết vô-thường mà ghê sợ, không biết từ đâu mà có, cái hiểm-lý tạo-hóa chẳng tìm ra được, càng nghĩ càng lạ, mới sinh tức bực mà thổ lộ ra nhời cho nó vợi bớt tấm lòng uất ức, thành ra khúc hát anh hùng, nhời thơ thần thánh, như có, như không, như sầu, như oán, như sướng, như vui, muôn hình vạn trạng.

Xem lại cổ sử thời dân-tộc nào lúc ban đầu văn-chương mới phát hiện ra cũng đều ở thi ca cả. Những câu phong-dao nước ta, những giọng Mao-thi nước Tầu, khí vị thuần nhã, chất phác, hùng-hồn cũng chẳng khác gì thơ tự-sự, tự-tình Hi-Lạp, đều là khai-mạc cho nghề văn-tự. Thế mới biết thơ là tiếng nói của con tim người ta, cho nên suy nguyên để xét cái trình-độ, tư-cách dân-tộc thời-đại trước thì cứ xem thơ, ca, cũng đủ biết rõ được vậy.

NGUYỄN-MẠNH-BỒNG

(Còn nữa)

Les espaces me sont témoins
que j'ai, depuis l'enfance,
habitué mes yeux
à rejoindre
d'un trait brûlant le ciel.
Oui, il n'y a pas de rumeur
qui ne m'ait fait rêver,
depuis l'enfance,
d'amour sans bornes
et d'éternité.

Cte̊sse DE NOAILLES

Non sông
chứng cho tôi rằng
từ thủa gây hình
vẫn dậy cho con mắt
bắn lửa lên giời xanh.
Thực thế,
từ thủa nhỏ,
tôi không từng nghe thấy
một tiếng rung động
mà không sực nghĩ mơ-màng
những sự ái-tình
vô-hạn.

TRIẾT-HỌC BÌNH-LUẬN

PHƯƠNG-PHÁP-LUẬN

Sách triết-lý của Pháp-nho Descartes nhất-danh là « Sách dạy dùng trí-tuệ cho phải đường cùng tìm chân-lý trong các khoa-học » (1)

PHẠM QUỲNH *dịch nôm*

CHƯƠNG THỨ II

TÓM LƯỢC ĐẠI-Ý. — *Nhân khi ngồi không, tư-tưởng một mình, ông nhận rằng phàm việc gì bởi tay một người làm, nghĩ sao làm vậy, thường tốt hơn là bởi nhiều người làm, mỗi người một ý. — Ông suy tự cái nhà, cái phố, cho đến pháp-luật trong một nước, cho đến việc học-vấn, sự suy-xét nghĩa-lý, đều thấy như thế cả. — Ông tự nghĩ phàm sự tư-tưởng sai nhầm là bởi những ý-kiến bất-nhất tích-lũy trong óc, làm sai trí người ta đi; nếu ai từ thủa nhỏ cũng đã biết dùng nhẽ phải của mình, tự suy xét lấy, không phải chịu ý-kiến ở ngoài (thầy học, thói quen, v.v.) thì có nhẽ ai cũng có thể đạt chân-lý được. — Bởi vậy, muốn đạt được chân-lý, ông định nhất-luật bỏ hết những ý-kiến nhận được ở ngoài, mà tự-lực suy-xét lấy. Ông tự nghĩ sự « phá-hoại » ấy tuy thi-hành ra việc chung thì không được, nhưng mỗi người làm riêng trong việc tư-tưởng của mình thì được. — Song không phải là việc dễ ai ai cũng làm được; nhất là có hai hạng người quyết không thể làm được việc ấy: một là những người nóng-nẩy tự-phụ, hai là những người nhu-nhược tự-khiêm. — Ông cũng muốn tự-liệt vào hạng người sau ấy, song ông đã từng theo nhiều thầy, ông lại từng kinh-lịch nhiều việc, thấy ý-kiến người ta thực là bất-nhất, có khi cùng một người mà tùy cái cảnh-ngộ mỗi lúc một khác, không biết nên theo ai bỏ ai; bất nhược không theo ai cả, tự mình suy-nghĩ một mình là hơn. — Dù vậy, ông cũng không dám khinh-xuất, trước khi xét kỹ chưa dám bỏ hẳn một cái ý-kiến nào. — Ông còn vụ tìm lấy một cái phương-pháp chắc-chắn, để làm đường lối mà theo. Thủa trước ông đã chuyên-trị triết-học số-học, ông muốn cho cái phương-pháp của ông cũng phân-minh như khoa luận-lý-học (Logique), cũng đích-sác như khoa kỷ-hà-học (Géométrie), cũng dản-tiện như khoa đại-số-học (Algèbre) mà không mắc phải những điều khuyết-điểm của ba khoa ấy. — Ông bèn đặt ra bốn cái phép-tắc như sau này: 1° Cái gì có đích sác mới chịu nhận là thực; 2° Xét cái gì phải chia ra từng phần nhỏ mà xét; 3° Tư-tưởng phải có thứ-tự lần-lượt; 4° Xét sự gì phải đếm cho khắp, cộng cho đủ. — Muốn thi-hành cái phương-pháp ấy thì ông tưởng không gì bằng theo lối các nhà số-học, phàm xét vấn-đề gì, trước phân-tách ra từng phần nhỏ, bắt đầu xét từ cái dễ rồi dần-dần đến cái khó, xong rồi tổng-cộng lại mà kết-luận vậy. — Tức là ông muốn lợi-dụng những điều hay của hai khoa kỷ-hà-học, đại-số-học, mà không mắc phải những sự khuyết-điểm của hai khoa ấy. — Ông thi-nghiệm cái phương-pháp của ông đặt ra ấy thì thấy kiến-hiệu lắm, cũng dùng như làm một cái tính-cộng vậy. — Ông bèn quyết-chí đem ra ứng-dụng,*

(1) Xem *Nam-Phong*, số 3, trang 169-173.

không những là về số-học mà về cả các khoa-học khác nữa, nhất là về triết-học, vì triết-học là gồm cả các khoa.

Bấy giờ tôi đương ở nước Đức, tôi sang đấy là nhân vì việc trận mạc chưa xong. Khi đi xem lễ gia-miện Hoàng-đế rồi giở về quân-doanh, thì tiết giời vừa sang đông, tôi bèn dinh lại ở trọ trong một phố ở đấy, không có ai truyện trò vui vẻ, lại nhờ Giời trong bụng cũng không có sự gì lo lắng, cả ngày ngồi một mình trong buồng đốt lò sưởi, được thư-thái mà nghiền-ngẫm những sự tư-tưởng của mình. Trong bấy nhiều cái tư-tưởng có một cái xuất-hiện ra trước nhất là thế này : tôi thường xét phàm những công-trình bởi nhiều phần nhỏ mà họp lại, bởi tay nhiều người mà làm ra, vẫn không được hoàn-toàn bằng bởi một người dựng thành nên. Như cái nhà do tay một nhà kiến-chúc khởi công sây dựng từ đầu đến cuối, trông vẫn đẹp, vẫn chỉnh-đốn hơn là cái nhà bởi nhiều người chữa sửa lại, chắp nối những mảnh tường cũ trước sây để việc khác. Lại trông như những nơi thành-thị cổ kia, lúc khởi-thủy mới là những xóm nhỏ, rồi đời nọ sang đời kia dần-dần thành tỉnh nhớn, đem sánh với những đường phố ngay ngắn do tay một nhà kỹ-sư tùy ý vạch ra ở giữa cánh đồng, thì thấy nhà cửa trong tỉnh sếp đặt xấu biết chừng nào ; không phải rằng cứ xét từng cái một lại không có lắm cái cũng đẹp bằng, có khi đẹp hơn các nhà khác nữa, nhưng trông cái cách nó sếp đặt, chỗ này cái to, chỗ kia cái nhỏ, làm cho đường phố sô-sếch cong queo, thì ai chẳng tưởng rằng tỉnh-cờ mà họp lại đấy, không phải là bởi ý người đã suy-nghĩ mà sếp đặt ra như thế. Lại thử nghĩ tuy vậy trong tỉnh bao giờ cũng có mấy ông quan trách-nhiệm là phải coi-sóc việc nhà cửa của ngtrời riêng cho trong tỉnh-thành được đẹp chung, thì mới biết rằng phàm làm phụ thêm vào công trình của người khác, khó lòng mà làm cho được tốt lắm vậy. Tôi lại tự-nghĩ rằng những dân-tộc khi trước còn vào bực bán-khai, sau dần-dần mới văn-minh hơn lên, thấy trong xã-hội sẩy ra những sự tranh-dành phạm-tội, bách phải đặt ra pháp-luật để ngăn-ngừa, thì dân ấy cai-trị không được khéo bằng những dân-tộc kia lúc mới họp thành xã-hội đã biết chọn nhà lập-pháp khôn-ngoan đặt hiến-pháp cho mà theo ; cũng tức như trong Giáo-hội kỷ-luật định tự Thiên-chúa tất được chỉnh-bị hơn là trong các đoàn-thể khác. Ấy là nói về tôn-giáo, nói đến sự-nghiệp người ta thì tôi thiết-tưởng như thành Sparte (Ti-ba-dạt) ngày xưa sở-dĩ được thịnh-trị như thế, khổng phải là bởi pháp-luật trong nước cái nào cũng tốt cả đâu, vì có nhiều cái rất là kỳ-lạ mà trái với luân-lý thường, nhưng thực là bởi những pháp-luật ấy do tay một người làm ra, mà cũng là khuynh-hướng về một mục-đích vậy. Cũng bởi thế mà tôi lại thiết-nghĩ rằng cái học-thức trong các sách-vở — là nói sách-vở bàn về những nhẽ chưa được sác-nhiên, không có chứng-cứ — là bởi ý-kiến nhiều người thêm-thắt họp-tập lại mà thành ra, không được gần chân-lý bằng sự suy-xét dẫn-dị của một người bình-thường, lấy nhẽ tự-nhiên mà quan-sát các sự-vật sẩy ra. Cũng lại bởi thế nữa mà tôi nghĩ rằng phàm người ta ai cũng trước là trẻ con đã rồi sau mới thành người nhớn, ai cũng từng trong lâu năm bị cái tình-dục ở trong người với ông thầy dạy ở ngoài chế-ngự, mà hai đằng thường phản-trái nhau, vị-tất đằng nào đã khuyên nhủ được cho ta điều hay, như thế thì những sự phán-đoán của ta thề nào mà được thuần-chính, được chắc-chắn bằng giá từ khi mới sinh ra ta đã được tận-dụng cái nhẽ phải của ta mà chỉ bị một cái nhẽ phải ấy nó chế-ngự ta mà thôi.

Chắc rằng không thấy ai đem phá đổ cả nhà trong một tỉnh đi, chỉ chủ để sây lại ra cách khác cho đường phố được đẹp hơn ; nhưng mà thường cũng trông thấy nhiều người phá nhà riêng của mình để sây lại, cũng có khi nhà sắp đổ nát hoặc nền nhà không được vững mà bị bách phải phá nữa ; cứ suy đấy thì tôi hiểu rằng không có nhẽ nào một người riêng lại mong cải-cách được một nước, biến đổi cả từ gốc giở lên, phá-đổ đi mà sây dựng lại được ; và cũng không có nhẽ nào biến-đổi được cái thể-chế các khoa-học cùng chương-trình dạy trong các trường ; nhưng về phần tôi thì tôi định rằng phàm những ý-kiến tôi đã nhận ở ngoài từ xưa đến nay không gì bằng đem bỏ cả đi một lượt, để tìm lấy cái khác tốt hơn, hay là cũng cùng những cái ấy nữa, nhưng đem so-sánh cho nó thích-hợp với nhẽ phải của tôi trước đã. Tôi rất tin rằng cứ dùng kế ấy tôi có thể khiến đời tôi khéo hơn là chỉ sây lên cái nền cũ, chỉ tựa vào những phép nhẽ của người ngoài đã « cám-dỗ » tôi từ thửa nhỏ, mà chưa từng xét xem những phép nhẽ ấy thực-hư thế nào. Vì tuy sự đó kể cũng có một đôi chút khó-khăn, song không phải là không thể chữa được, không phải là khó bằng sự cải-cách những điều quan-hệ đến công-chúng. Cái gì thuộc về công-chúng ví như những hình-thể to nhớn, đã đổ xuống rồi khó lòng mà nhấc lên được, đã lung-lay cũng khó lòng mà cầm-giữ, mà rơi xuống tất là phải mạnh. Vả đến như những điều khuyết-điểm của nó -- cứ xét nó tạp-nhạp như thế cũng đủ biết rằng nhiều cái khuyết-điểm, — thì thói quen tất đã làm cho giảm bớt đi nhiều, có khi cứ tự-nhiên cũng sửa đổi chữa-tránh được nhiều nữa, người ta dẫu muốn cẩn-thận vị tất đã chữa sửa được khéo hơn ; sau nữa những sự khuyết-điểm ấy cứ để vậy còn dễ chịu hơn là đem biến-đổi đi. Cũng ví như những con đường nhớn đi vòng-quanh núi, người ta đi lại luôn, dần dần thành ra vừa phẳng vừa tiện, đi đấy còn tốt hơn là muốn theo đường thẳng mà phải chèo lên tận đỉnh núi, bước xuống tận đáy khe.

Bởi thế nên tôi rất là không ưng một chút nào những kẻ tính nóng-nảy sung-sằng, không phải ngôi-thứ, không phải địa-vị mình được xử-trí những việc công, mà bao giờ trong bụng cũng nghĩ muốn cải-cách sự này sự khác ; nếu trong bài này tôi tự nghĩ có một điều gì khiến cho người ta ngờ tôi cũng điên-cuồng như thế, thì tôi thực là lấy làm ân-hận đã đem sách này xuất-bản vậy. Mục-đích tôi chỉ là cố sửa-sang lấy cái tư-tưởng riêng của tôi, mà kết-cấu bằng cái vốn riêng của tôi mà thôi. Còn như tôi lấy cái công-trình của tôi ấy là vừa ý mà tôi muốn bầy cái mẫu ra cho các ông xem, không phải rằng nhân thế mà tôi muốn khuyên ai bắt chước tôi đâu. Những người bẩm-sinh ra được chịu ơn Giời nhiều hơn tôi, dễ còn có cái mục-đích cao hơn nữa, nhưng mà tôi e rằng cái mục-đích của tôi này nhiều người cũng đã cho là quá bạo rồi. Cứ quyết-chí rằng phải bỏ hết cả những ý-kiến nhận được ở ngoài từ trước, cũng đã là một sự không phải là ai ai cũng nên theo vậy. Mà ở đời hầu như chỉ có hai hạng người, quyết là không thể theo được một chút nào : một là hạng những người tưởng mình khôn khéo hơn mình, dù khi phán-đoán cũng không khỏi hấp-tấp vội-vàng, dù khi tư-tưởng cũng không thể kiên-nhẫn mà sếp-đặt cho thứ-tự, thành ra nếu một lần đã dám tự-do nghi-ngờ những phép-nhẽ nhận được từ trước mà đi ra ngoài con đường thường, thì không bao giờ lại biết theo đường chính để đi cho được thẳng hơn, tất sai lạc cả đời ; hai là hạng những người biết suy-xét, biết tự-khiêm, tự

nghĩ rằng mình chẳng đủ tài mà phân-biệt điều phải điều trái được bằng những kẻ đã dậy mình, thì bất nhược cứ theo ý-kiến của những kẻ ấy còn hơn là muốn tự mình tìm lấy ý-kiến tốt hơn.

Về phần tôi, giả-sử từ xưa tôi chỉ được theo học một ông thầy, mà tôi không được biết những ý-kiến của các ông thầy thực giỏi xưa nay vẫn phản trái nhau là chừng nào, thì dễ tôi cũng tự-liệt vào hạng người sau ấy. Nhưng mà từ khi ở nhà trường tôi đã từng nhận rằng không có một sự gì quái-đản bất-kinh đến đâu mà không có nhà triết-học nói đến, lại từ đấy đi du-lịch các nơi tôi thường thấy những kẻ tính-tình thực là phản-trái với mình mà không phải là giả-man mọi-dợ gì, có lắm kẻ cũng biết suy-xét nhẽ phải bằng ta, có khi hơn ta nữa ; lại xét cứ đem một người cùng một tâm-tính ấy mà nuôi từ thủa nhỏ cùng với người Pháp hay người Đức, nhớn lên tất khác hẳn là nếu từ trước vẫn nuôi cùng với người Tàu hay người Phi-châu ; lại xét đến cách ăn-mặc của ta nữa, cái lối mười năm trước ta thích, dễ mười năm sau ta lại thích nữa, hiện nay ta cho là nhố-nhăng dị-thường ; thành ra chính là cái thói quen tục thường nó dạy ta hơn là sự tri-thức đích-sác ; như thế thì đến những nhẽ huyền-bí khó giải, nhiều người đồng ý nhau cũng chưa cho là một cái chứng-cớ đích-thực được, vì rằng có nhẽ chỉ một người mà giải được những nhẽ ấy hơn là cả một dân một nước ; vậy thì tôi không thể mong tìm được ai có cái ý-kiến nên theo hơn người khác, mà hình như bị bách phải tự mình tìm lấy cái đường lối cho sự tư-tưởng của mình vậy.

Nhưng mà tôi làm như thế cũng tựa hồ như người đi một mình trong đám tối, phải cố ý đi rất thong thả, rất cẩn thận, để cho dù có chỉ bước được ít, cũng được không đến nỗi phải ngã. Nên phàm những ý-kiến tôi nhận được ở ngoài từ xưa, chưa từng lấy nhẽ phải suy-xét bao giờ, tôi cũng không muốn bỏ-bác hẳn một cái nào, trước khi đã ngẫm nghĩ chín về cái công-trình tôi định làm, mà cố tìm lấy phương-pháp chân-chính để thấu-hiểu các sự-vật mà cái trí tôi có thể hiểu được.

Thủa trẻ tôi đã học qua triết-học số-học, về triết-học thì học khoa *lý-luận* [1] mà về số-học thì học khoa *kỷ-hà* [2], khoa *đại-số* [3], ba khoa-học ấy tưởng cũng có thể giúp được ít nhiều cho cái việc tôi mưu-toan vậy ; nhưng xét kỹ ra thì tôi thấy những lối « tam-đoạn-luận » [4] cùng các phép-tắc khác của khoa lý-luận bất quá chỉ là dùng để thuyết-minh cho người ta nghe những điều mình đã biết, hay là nói phiếm những điều mình không biết như cái thuật lý-luận của LULLE, [5] ngày-xưa, chớ không phải là dùng để học cho biết được ; vả tuy trong khoa lý-luận cũng có nhiều điều rất thực rất hay, nhưng cũng có nhiều điều nữa hoặc vô-ích hoặc hoang-phiếm lẫn-lộn vào, khó lòng mà phân-biệt được, chẳng khác gì như súc đá chưa phác mà muốn lấy ra được một tượng DIANE hay một tượng MINERVE [6] vậy. Đến như lối phân-tích số-học của người đời xưa với khoa đại-số của người đời nay, thì không kể rằng những môn học ấy thuộc về những sự-vật siêu-hình, không dùng được việc gì thực-lợi, nhưng xét ra môn thứ nhất là môn phân-tích số-học thường-thường chỉ khu trong sự quan-sát các hình-tượng, luyện được cho trí-tuệ thì làm

(1-3) Lý-luận (*logique*) ; kỷ-hà (*géometrie*) ; đại-số (*algèbre*). — Xem TỰ-VỰNG.
(4) Là lối luận-lý có ba đoạn. Tiếng tây là *syllogisme*. — Xem TỰ-VỰNG.
(5) Nhà học-giả người Tây-ban-nha. Làm sách về những môn bí-thuật (1235-1315).
(6) Tên hai vị thần Hi-lạp, chỉ cái tượng đẹp.

nhọc tưởng-tượng nhiều, mà môn thứ nhì là môn đại-số thì đặt ra nhiều những phép-tắc số-mục rất phiền phức, thành một cái thuật bối-dối trí-khôn, chớ không phải là sự mở-mang trí-khôn nữa. Bởi thế tôi mới nghĩ phải nên đặt lấy một cái phương-pháp khác, vừa gồm được những điều lợi mà lại vừa không mắc phải những sự khuyết-điểm của ba khoa-học ấy. Vả như trong một nước pháp-luật phiền-phức thì dễ sinh ra tệ, pháp-luật ít mà tuân-theo đúng thì việc nước mới được chỉnh-đốn ; vậy tôi không muốn đặt ra nhiều phép-tắc như trong khoa lý-luận làm gì, thiết-tưởng như bốn điều sau này cũng là đủ, miễn là phải kiên-tâm chú-ý mà tuân-theo không được sai một chút nào vậy.

Điều thứ nhất là phàm sự gì tôi chưa biết đích-sác là thực thì không được bao giờ nhận cho là thực vội, nghĩa là phải giữ-gìn cẩn thận đừng hấp-tấp vội-vàng, sự gì có trình-bầy ra phân-minh rõ-ràng trong trí tôi mà tôi không còn nghi-ngờ một chút nào nữa thì mới chịu phán-đoán cho là phải ;

Điều thứ nhì là phàm những vấn-đề khó giải phải phân-tách ra từng phần nhỏ để giải-quyết cho dễ ;

Điều thứ ba là phải khiến cái tư-tưởng tôi cho có thứ-tự, bắt đầu từ vật dẫn-dị dễ biết trước, rồi dần-dần lên từng bực mà xét đến những vật phiền-phức hơn, dẫu vốn nó không phải là liên-tiếp nhau cũng nên đặt cho nó thành thứ-tự ;

Điều thứ tư là điều cuối cùng thì phàm xét sự-vật gì cũng phải đếm cho thực khắp, cộng cho thực đủ, cho chắc không bỏ sót tí gì.

Tôi từng trông thấy những nhà kỷ-hà-học muốn thuyết minh điều gì rất khó-hiểu, thường dùng những nhẽ rất dẫn-dị mà sếp lại thành giây dài ; tôi bèn nhân thế tự nghĩ rằng phàm sự-vật gì người ta có thể suy-biết được cũng là liên-tiếp nhau như thế cả, mà miễn là sự gì chưa đích-sác mình đừng nhận vội, miễn là trong khi suy-diễn sự nọ ra sự kia phải nên giữ thứ-tự luôn, như thế thì những nhẽ sâu-xa đến đâu mà chẳng đạt tới được, ẩn-áo đến đâu mà chẳng khám-phá được. Mà tôi cũng chẳng phải khó lòng tìm nên bắt đầu từ đâu, vì tôi biết nên bắt đầu từ những nhẽ dẫn-dị dễ biết trước nhất. Tôi xét phàm những người từ xưa vụ tìm chân-lý trong các khoa-học, chỉ có những nhà số-học là tìm được mấy điều minh-chứng, nghĩa là những nhẽ chắc-thực chính-sác, thì tôi chắc rằng như thế cũng là bởi đã bắt đầu xét những nhẽ dẫn-dị dễ biết trước nhất. Không phải tôi mong rằng cái cách học ấy có ích-lợi gì khác nữa đâu, nhưng được một điều là nó luyện tập cho trí tôi quen chỉ nhận những nhẽ chân-chính, không chịu những nhẽ giả-dối. Nhưng không phải vì thế mà tôi mưu muốn học cả các khoa người ta thường gọi tổng danh là số-học ; tôi thường thấy những khoa ấy tuy mỗi khoa học một thứ khác, nhưng cũng là giống nhau cả, vì chẳng qua là xét những tỉ-lệ sai-lệ trong hình-số, tôi bèn thiết-nghĩ rằng như thế thì cứ xét chung về các tỉ-lệ sai-lệ còn hơn, phàm sự gì có thể giúp để hiểu được thì hãng xét đến, mà cũng không cần phải câu-nệ lắm, để về sau có sự gì nên dùng đến lại có thể đem ra ứng-dụng được. Tôi lại từng nhận rằng muốn biết những tỉ-lệ sai-lệ về số-học ấy có khi cần phải xét riêng từng cái một, có khi cần phải xét gồm nhiều cái, mà thiết-nghĩ muốn xét riêng từng cái không gì bằng xét theo đường *hoạch-tuyến*, vì không gì dẫn-dị và xuất-hiện ra phân-minh trong trí bằng cái đường vạch thẳng ; nhưng muốn xét gồm nhiều cái làm một thì phải cần dùng mấy chữ số rất dẫn-dị

mới có thể thuyết-minh được.(1) Cứ như cách ấy thì tôi lợi-dụng được cả những điều hay của hai khoa kỷ-hà-học và đại-số-học, mà tôi lại tránh được những sự khuyết-điểm của hai khoa ấy, lấy đằng nọ bổ cứu đằng kia.

Quả như thế, tôi cứ theo đúng như mấy cái phép-tắc tôi đã định trên kia thì thấy phàm những vấn-đề thuộc về hai khoa-học ấy phân-giải được dễ lắm, dụng công xét có trong hai ba tháng, bắt đầu tự những điều dản-dị dễ hiểu trước nhất, tìm được cái chân-lý nào thì dùng làm phép-tắc để lại tìm cái khác, cứ như thế không những là tôi giải được nhiều cái vấn-đề trước tôi vẫn cho là rất khó, mà đến những cái tôi không biết nữa tôi cũng có thể lượng nên dùng cách gì mà biết được, cùng biết được đến chừng nào. Nếu các ông thử xét rằng phàm sự-vật gì cũng có một cái chân-lý mà thôi, ai đã tìm được cái chân-lý ấy tức là biết được khắp, cũng ví dụ như một đứa trẻ con giỏi về toán-pháp, biết làm một cái tính cộng phải phép, thì cái số cộng được ấy, đứa trẻ con cũng tìm được đúng chẳng kém gì ông bác-học : nếu xét như thế thì tất các ông không cho tôi là người tự-phụ ; vì cái phương-pháp của tôi dạy rằng phàm xét sự gì cũng phải theo thứ-tự, phải kiểm-điểm cho đích-sác, như thế thì có khác gì phép làm tính vậy.

Nhưng mà trong cái phương-pháp ấy có một điều tôi lấy làm bằng lòng hơn cả, là nhờ đó mà về việc gì tôi cũng có thể dùng được nhẽ phải của tôi, không dám nói rằng dùng được hết, nhưng cái sức đến đâu được cũng có thể tới được; không kể rằng trong khi tôi dùng cái phương-pháp ấy thấy trong trí tôi dần-dần biết quan-niệm phân-minh rõ ràng về các sự-vật hơn trước ; lại cái phương-pháp ấy tôi không định đặt riêng về một môn gì, nên tôi mong còn đem dùng rộng ra các khoa học khác được, không những một khoa đại-số mà thôi vậy. Không phải rằng tôi dám đem cái phương-pháp ấy mà xét hết thẩy các khoa-học đâu, vì thế thực là trái với thứ-tự trong phương-pháp ; nhưng tôi đã từng xét phàm nguyên-lý của các khoa-học ấy đều do triết-học mà ra cả, mà nguyên-lý của triết-học thì tôi chưa thấy được cái nào là chắc-chắn, nên tôi tưởng rằng trước nhất phải đặt cái nguyên-lý ấy đã, mà việc đó là việc quan-trọng nhất ở đời, rất là không nên vội-vàng hấp-tấp ; vả tôi bấy giờ mới có hai-mươi-ba tuổi, phải đợi cho đến ngày đứng tuổi hơn mới có thể khởi công làm cho trọn được, trước phải dùng nhiều thì giờ mà tự luyện-tập đã, một là gột rửa hết những ý-kiến sẵng trong trí tôi đã nhận được ở ngoài từ xưa đến nay, hai là kinh-nghiệm cho thật nhiều để làm cái tài-liệu mà suy-lý, bao giờ cũng theo cái phương-pháp tôi đã định, cho mỗi ngày một vững thêm lên.

(Chương thứ ba đến kỳ sau)

⁂

NHỜI BÀN CỦA NGƯỜI DỊCH — *Người ta thường gọi cái triết-học của ông Descartes là triết-học « phá-hoại »(2), hay là triết-học « hoài-nghi »(3). Người ta lại thường ví cái phương-pháp của ông như một bộ máy. Đọc chương thứ hai này thì mới giải rõ được mấy câu ấy.*

---

(1) Đoạn này là bàn về số-học, nhời văn khi trúc-trắc khó hiểu. Đại-khái nên nhớ rằng ông DESCARTES muốn đem những phép-tắc của số-học để xét rộng ra các sự-vật. Trong số-học thì ông chuyên-trị hai khoa kỷ-hà-học (*géométrie*) và đại-số-học (*algèbre*). Kỷ-hà-học thì so-sánh các hình-tượng, nên lấy cái « hoạch-tuyến » (*la ligne*) làm cốt ; muốn xét tách-bạch ra từng phần phải mượn đến phép của kỷ-hà-học. Đại-số-học thì so-sánh các số-hiệu, nên dễ tinh ít nhiều hơn kém ; muốn xét tổng-hợp lại làm một, phải mượn đến phép của đại-số-học.

(2) *Philosophie de la table rase.*

(3) *Philosophie du doute.*

Gọi là « phá-hoại » thì cái tên khi dữ đội, nhưng xét kỹ chẳng qua là một sự thành-thực đối với mình, đối với sự tư-tưởng vậy. Nhà triết-học có cái thành-thực ấy ở trong lòng thì mới thực là đáng tên triết-học. Vì triết-học là gì ? Là xét cái lý-do của muôn sự muôn vật. Vậy thì phàm sự gì chưa giải được lý-do chưa nên nhận là phải vội. Như thế thì trong óc ta biết bao nhiêu là ý-kiến ta nhận được ở ngoài từ thủa nhỏ bởi sự giáo-dục, bởi thói quen trong xã-hội, v. v, mà ta chưa từng giải được cái lý-do nó thế nào. Những ý-kiến ấy lâu ngày tích-lũy thành một cái vỏ dầy nó che lấp mất cái trí sáng của ta ; bởi thế nên tuy người ta ai cũng có nhẽ phải mà sự xét-đoán thường hay sai nhầm. Muốn cho xét-đoán được sáng-suốt, thế-tất phải bãi-bỏ hết những ý-kiến mập-mờ ấy đi, phải phá-hoại cái vỏ dầy những thiên-kiến của đời mà phát-biểu cái nhẽ phải thiên-nhiên ở mọi người. Vậy thì sự « phá-hoại » ấy thực là một việc cần của các nhà triết-học. Chỉ khác là ông Descartes lấy việc ấy làm việc cốt-yếu hơn cả, là ông có ý phản-đối với cái tư-tưởng áp-chế của đời Trung-Cổ, bấy giờ vẫn còn ảnh-hưởng trong học-giới Âu-châu. — Song ông lại từng nhận rằng không thể bãi-bỏ hẳn, phá-hoại hết được. Vì như cái nhà sây không hợp cách, muốn phá đi mà sây lại ; nhưng phá rồi cần phải giữ lấy những vật-liệu còn dùng được, không nên bỏ đi cả. Bởi thế, phàm những ý-kiến nhận được ở ngoài, ông khuyên không nên tận-tin, nhưng ông cũng không khuyên nên bác hẳn, ông muốn bình-tâm mà sát-hạch trước đã, nếu hợp với nhẽ phải thì lại nhận, nếu quả là không hợp thì mới đành bỏ. Nên cái triết-học của ông còn gọi là cái triết-học «hoài-nghi», nghĩa là nhất-thiết tư-tưởng không nên tin vội, phải ngờ trước đã, nếu xét thực là sác-nhiên bấy giờ hẳng nên tin. Bởi vậy phải là người có cái nghị-lực phi-thường mới có thể thành-thực mà can-đảm đến bực ấy vậy.

Nhưng thành-thực can-đảm cũng chưa đủ, phải biết cái phương-phép nên theo mới được.

Ông bình-sinh chuyên trị số học mà từng nhận rằng trong các khoa-học không khoa nào có cái tính-cách sác-nhiên bằng số-học. Hai với hai là bốn thì dẫu đứa trẻ con hay ông bác-học cũng phải chịu như thế. Cái chân-lý cũng vậy : cái chân-lý có một mà thôi. Nếu biết phép tìm thì dẫu ai tìm cũng có thể thấy được. Bởi vậy ông muốn phỏng theo những phép-tắc của số-học để dựng ra một cái phương-phép có thể dùng mà tìm chân-lý trong các khoa-học. Theo phương-pháp ấy thì phàm xét một cái vấn-đề nào phải chia nhỏ nó ra mà xét từng bộ-phận một, xét cho rất kỹ, khiến cho không còn nghi-ngờ một chút nào nữa, rồi mới tổng-hợp lại mà kết-luận vậy. Như thế thì không thể nào nhầm được. Nên người ta vì cái phương-phép của ông như một bộ máy, trước phải tháo ra từng mảnh, rồi sau mới lắp lại thành bộ. Ta cũng có thể vì thô-lược như một bài tính cộng : trước phải liệt hết các số ra, biên cho thực đúng, rồi mới cầm bút cộng lại, nếu trong khi làm tính không sai-nhầm, không quên sót tí nào thì cái số cộng được ấy thực là nhất-định mà sác-nhiên vậy.

TRIẾT-HỌC CỦA SỰ CHIẾN-TRANH

Phàm việc gì sảy ra, dù nhớn dù nhỏ, quan-hệ đến nhân-loại, đều có một cái nghĩa sâu ngụ ở trong. Phát-biểu cái nghĩa sâu ấy ra, tức gọi là xét cái triết-học *của việc ấy.* Triết-học *đây là gồm những nguyên-nhân sâu, kết-quả xa của một việc, dương khi việc ấy xuất-hiện ra ít người xét đến, nhưng cần phải hiểu mới biết được cái chân-tướng của nó cùng địa-vị nó trong lịch-sử thế-giới. Cuộc chiến-tranh ngày nay thực là một việc to nhất trong lịch-sử thế-giới vậy. Cái* triết-học *nó thế nào ? Một nhà tư-tưởng có danh-tiếng ở nước Pháp,* GUSTAVE LE BON *tiên-sinh mới xuất-bản một quyển sách đề là « Âu-chiến tâm-lý luận »* (Enseignements psychologiques de la Guerre européenne. — *Paris, 1916*), *đề giả nhời cái vấn-đề ấy: Xin dịch một đoạn kết-luận như sau này.*

Âu-châu ngày nay dương chống-đối với cái mưu bá-quyền của Đức, dù kết-cục đắc-thắng đến đâu cũng không mong là quyết được. Cái mê-mộng đi sâm-đoạt thế-giới là một cái mê-mộng thuộc về thần-bí, không phải là nhất-đán mà phá-đổ ngay được.

Một dân tự cho là Thiên-chúa sai riêng đề đi chinh-phục hoán-cải thế-giới, thì dân ấy không dễ mà chịu bỏ một cái thiên-chức cao như thế ! Nước Đức có lũ chiến lũ bại mới tỉnh cái mê-mộng ấy vậy.

Các nước văn-minh ngày nay mất của cải, hại nhân-tài, không bằng phải lo nhiều điều nguy-hiểm hơn nữa. Là sợ rằng bất-nhật sẽ tiêu-tán đi mất cả những cái đức-tính đã lâu năm mới thành được, xưa nay làm vẻ-vang phong-thú cho cuộc văn-minh. Vì hiện nay ai có những đức-tính ấy là phải chịu hiểm-nghèo, tất những đức-tính ấy không thể sống lâu được nữa.

Lòng thành-thực, chính-trực, lòng nhân-nghĩa, trung-tín, sự tôn-trọng nhời hứa nhời ước, bấy nhiêu cái đức-tính đều do một chữ danh-dự mà ra cả ; nay trong cuộc cạnh-tranh những dân nào có cái lòng danh-dự ấy lại thành ra vì đấy mà phải kém những dân khác công-nhiên phản-bội lòng danh-dự, thì những đức-tính kia xem ra khó lòng mà bảo-tồn được. Nhưng mà vì vạn-nhất có ngày những đức-tính ấy bị mai-một đi cả, mà cái võ-lực vô-tri vô-giác làm chủ-động cho thế-giới, thì đến ngày ấy nhân-loại sẽ bị rật lùi về đời giã-man, mà nơi trung-tâm của cuộc văn-minh sẽ bị điên-đảo vậy.

Có nhà bác-học danh-tiếng nhất của nước Đức đã từng xướng lên rằng những lý-tưởng như tự-do, bình-đẳng, bác-ái, làm chốt cho các xã-hội ta ngày nay, phải nên bỏ cả đi, mà lấy cái lý-tưởng « sinh-tồn cạnh-tranh », « ưu-thắng liệt-bại » thay vào. Các nhà làm sách Đức gọi cái lý-tưởng ấy là « sinh-vật-học chi công-lý » (*la justice biologique*).

Cái « công-lý » lạ ấy dù có nữa cũng là ở trong loài cầm-thú mà thôi, mà chính các nhà sinh-vật-học cũng chưa dám chắc rằng có hay không ; nhưng từ xưa đến nay cả công-phu học-thuật của người ta chỉ là đề tránh cho loài người khỏi cái công-lệ tàn-ác của tạo-vật ấy, mà che-chở cho cái sức yếu-đuối của người ta.

Ta có nên cam-tâm mà chịu bỏ cả cái công-phu học-thuật ấy đề cho nhân-loại đến vô-cùng không khỏi cái tai-nạn những sự chiến-tranh sầu-thảm, gặt xác cả bọn thanh-niên trong một nước, tàn phá từng châu từng quận, hủy-hoại những công-trình tuyệt-tác của đời trước đề lại ; ta có nên cam-tâm như thế không? Cái võ-lực tàn-bạo

có thể lại làm chúa-tể thế-giới như đời xưa được nữa không? Các dân-tộc có thể tự-cam chịu cái giã-man vô-hạn, bắt những dân yếu-hèn phải nô-lệ đến vô-cùng không? Không ai là người dám quyết như thế vậy.

Tài-trí người ta đã bấy nhiêu lâu thắng đoạt được tạo-vật, nếu phải kết-cục đến bực ấy, thì cũng nên chán thay cho cái tài-trí con người ta. Nếu phàm những sự làm cho đời người được tốt đẹp mà bị bỏ đi cả, lấy những lối cạnh-tranh giã-man mà thay vào, lúc ngơi việc cạnh-tranh thì sống kham-khổ trong hang-hốc tối-tăm, nếu đến như thế thì cái tương-lai của loài người ta cũng đáng thương lắm vậy thay!

Nhưng không thể nào đến thế được, vì chí ta quyết không muốn như thế. Phép thiên-nhiên của Tạo-vật là mạnh thực, nhưng cái học-thuật của người ta để đoạt phép thiên-nhiên cũng là mạnh lắm vậy.

Vả cũng không nên nói đến phép tạo-vật lắm, vì ta chưa biết rõ phép tạo-vật là thế nào. Ta hay gọi đến tên tạo-vật, mà tạo-vật thực là huyền-bí. Cái nhẽ phải của tạo-vật không phải là nhẽ phải của ta, tạo-vật không từng đo bằng cái thước của người ta. Ta chỉ biết cái nhất-thời, tạo-vật chỉ chủ sự thiên-niên. Những việc tai-biến rất dữ-dội của ta đối với tạo-vật chẳng qua là cái ngấn nước trên mặt bể mênh-mông. Tạo-vật biến cái chết làm cái sống, tạo-vật gây-dựng những hình-tượng nhất-thời bằng cái sức-mạnh thiên-niên.

Nhà học-giả có thể thấu qua cái ảo-tượng bề ngoài mà phát-minh cái chân-tưởng ở trong, nhưng chưa ai đến được cõi u-âm là nơi tạo-vật cấu-tạo ra nguyên-lý của vạn-vật.

Vậy ta đừng nên thất-vọng mà nên mong có ngày ra khỏi được buổi thảm-sầu này. Thế-giới ngày nay biến-hóa cực nhanh, sự tương-lai thường trái với các định-lý nhất thời của ta.

Ta lấy cái quan-niệm nhà triết-học mà xét việc hiện-thời; song ta cũng không nên quên những sự nguy-hiểm đương bây giờ. Giữa lúc tôi viết này, mấy châu-quận giầu có nhất trong nước ta đương bị tàn phá, quân-đội nước Nga đương bị thoái-khước, đất Ba-lan (Pologne) đã bị mất, thành-quách đô-thị phải đốt phải hàng.

Dù vậy, nếu cái chí ta quyết đánh được, thì những sự tai-hại ấy cũng chẳng vào đâu. Chinh-phục được đất một nước chưa đủ, muốn đoạt được nước ấy phải chinh-phục cái quốc-hồn nó mới được.

Ngày xưa Cát-thát (Carthage) đánh nhau với La-mã (Rome), tướng Cát-thát là ANNIBAL diệt được quân La-mã ở Cannes, đã tưởng đoạt được hẳn nước La-mã, nhưng cái chí người La-mã quyết không chịu thua, đến sau thành ra nước Cát-thát phải biến mất trên cuộc thế-giới.

Trong mấy dân bị nước Đức sâm-lược, chưa dân nào từng thấy nhụt chí, thà rằng chết còn hơn là chịu lụy.

Có cái nghị-lực ấy là đủ vậy. Ngày nay không có vua áp-chế nào đủ sức mạnh mà đoạt được một nước không muốn chịu lụy mình. Xem truyện Nã-phá-luân chinh-phục nước Tây-ban-nha (Espagne) thì biết. Hạ được đô-thành, phá được quân-đội, thân là bực anh-hùng đệ-nhất trong lịch-sử, mà cũng không sao phục được người dân.

Sự tương-lai là tùy ở cái chí kiên-nghị của ta. Cái phương-châm của các dân-quốc bị nước Đức mưu chiếm-đoạt, phải gồm lại trong một câu này: một là thắng, hai là chết, không bao giờ cam chịu. Cái chí cương-cường, nhẫn-nại thì không gì địch nổi, tạo-vật cũng không địch nổi, người ta cũng không địch nổi, mà đến cái vận-mệnh cũng không địch nổi được. Tôi đã từng nói đi nói lại điều ấy nhiều lần. Nay tôi lại nhắc lại một lần nữa.

Pu Q. *dịch.*

. . . Les premiers jours, il semble qu'il survive un peu de nos morts dans l'herbe murmurante, dans les fleurs visitées des abeilles sous lesquelles ils dorment leur sommeil. . . Mais avec le temps, le doux, l'illusoire sortilège s'use. La terre, impassible et changeante, oublieuse de ce qui a vécu, n'apparaît plus que comme le champ de bataille indifférent des hivers et des printemps. Elle reprend, détruit, transforme ; elle abolit jusqu'à la poussière de ce que nous avons aimé !...

GEORGES RIVOLLET

*

* *

Những ngày đầu, nhìn đám cỏ xanh, cụm hoa nở trên nấm mộ, tưởng như hồn người chết vẫn còn phảng-phất đâu đấy... Nhưng dần dần cái ảo-tượng êm-ái ấy cũng mỗi ngày một mòn-mỏi đi. Cái đất vốn nó vô tình, nó hay biến-đổi, không hề nhớ đến kẻ đã sống qua trên mặt đất. Rồi trông cái đất chẳng qua cũng như một nơi chiến-trường hỗ-hẳng của đông-tuyết với xuân-phong. Nó thu-thập lấy, nó phá-hoại đi, nó biến-hóa lại ; nó tiêu-diệt đến cả cái bụi của kẻ ta đã thương-yêu !...

KHOA-HỌC BÌNH-LUẬN

MÁY BAY TẦU BAY (1)

(Bài nối)

II

Kỳ trước đã bàn qua về lối khí-cầu ngày xưa, vì tầu bay ngày nay thực là phát-nguyên tự đấy mà ra. Tuy lối khí-cầu về sau cải-lương mãi, trước còn phải tùy hướng gió mà bay, sau đặt bánh-lái chân-vịt khiến đi được, nhiều lần đã đem ứng-dụng về việc quân, song từ mươi năm nay các nước thi nhau mà chế tầu bay, không còn đâu dùng đến khí-cầu nữa. Vậy ta không kể làm gì những kiểu khí-cầu chế ra về sau, mà bàn ngay về lối tầu bay bây giờ. Trước khi kể cái hình-thức cơ-quan của tầu bay, hẳng nói qua mấy nhời về cái lịch-sử nghề tầu bay.

Thực ra thì cái lịch-sử ấy không có mấy, không lên khỏi mươi mười lăm năm về trước, vì tuy nghề bay bằng khí-cầu có đã lâu, nhưng nghề bay bằng máy bay như ngày nay thì thực là một nghề tối-tân vậy.

Trước khi hai anh em người Mĩ tên là Wright sang bay thử ở bên Pháp năm 1908, thì nghề bay ở nước Pháp hầu như không mấy người biết. Trừ có mấy lần thí-nghiệm cũng không được kết-quả gì to, — như năm 1906, Santos-Dumont bay ở Bagatelle cao được có 220 thước, — còn thì ở nước Pháp trước khi hai anh em Wright sang, chưa ai tin rằng cái lối máy bay có thể thực-hành được, vẫn còn cho là một sự mộng-tưởng mà thôi. Song đương khi bấy giờ đã có nhiều nhà chế-tạo chú-ý vào cái vấn-đề ấy, mà chắc rằng thế nào cũng giải-quyết được.

Khi hai anh em Wright mới bắt đầu bay thử ở trường thi ngựa Auvours, thì họ Blériot ngày 13 tháng 10 năm 1908, rồi kế ngay đến họ Farman ngày 30 tháng 10 năm ấy, mỗi người cũng vừa mới chế xong một kiểu máy riêng, hai cái đều khác kiểu của người Mĩ cả, mà khởi-hành bay thử tự tỉnh nọ sang tỉnh kia. Tuy bay không được lâu, không được nhanh bằng hai anh em Wright, nhưng được một cái ưu-điểm hơn, là khi khởi-hành, khi hạ xuống, muốn ở chỗ nào cũng được, không cần phải bắc sàn đặt giống như kiểu máy Mĩ. Vả kiểu máy ấy về sau rồi cũng bỏ dần không dùng nữa.

Hai anh em Wright chế ra kiểu tầu bay trước nhất, cũng là theo mẫu của người Pháp tên là Chanute đã vẽ ra từ trước. Nên nghề tầu bay thực là khởi-điểm tự nước Pháp, rồi sau phát-đạt to cũng là ở nước Pháp hơn cả.

Từ bấy đến nay người Pháp chế ra không biết bao nhiêu là kiểu máy mới, khó lòng mà kể cho hết được; cũng không thể nhớ hết được tên những người cưỡi thử các máy ấy. Cứ xem từ tháng chạp năm 1909 đến tháng chạp năm 1912, nghĩa là có trong khoảng ba năm mà cái máy bay hiệu Latham trước mới bay cao được 453 thước tây, máy bay hiệu Garros sau bay được đến 5610 thước. Bấy nhiêu lần bay thử đều là công-nhiên ai cũng

(1) Xem *Nam-Phong*, số 3, trang 175-178.

biết, các nước khác đều lấy làm kinh-ngạc. Kịp đến ngày 25 tháng 7 năm 1909 thì BLÉRIOT cưỡi máy bay đi được qua bể Manche, cách nước Pháp với nước Anh. Từ đấy thiên-hạ mới công-nhận máy bay là có thể thực-dụng được.

Các nước khác trông thấy thế đã bắt đầu sợ cho cuộc tự-do của mình. Trên cạn đã có lục-quân, dưới nước đã có hải-quân, thì trên không cũng phải có cách gì mà giữ lấy bờ-cõi mới được. Nay nước Pháp đã chế được lối tầu bay, vậy cũng lại phải chế tầu bay mà đối lại, vì ngoài cách ấy không có cách nào giữ đường trên không như đường dưới đất dưới nước được. Từ đấy cái mộng-tưởng về « hạm-đội trên không » (*la flotte aérienne*) mới dần-dần thành sự thực. Các liệt-cường đều đua nhau mỗi nước chế lấy một đội tầu bay, để cố giữ lấy cái chủ-quyền trên không.

Sự chinh-phục trên không-giới thực là cái chiến-thắng cuối cùng của người ta đối với tạo-vật. Nhưng cái chiến-thắng ấy đã tổn mất bao nhiêu công của!

Một nhà làm thơ tây đã có câu rằng:

« Con đường lên không đầy những mả, nhưng người ta cứ đi, càng đi càng tiến. Đánh nhau với tạo-vật khó nhọc bao nhiêu, thì chiến-thắng lại càng được vẻ-vang bấy nhiêu. Ai ôi, xin cố gắng, cuộc toàn thắng sắp đến ngày!... »

Song mà người nào dám cả gan ra quyết-đấu với cái trọng-lực, cái trọng-lực thường lắm khi nó đè bẹp. Trong lịch-sử nghề bay, biết bao nhiêu là người hi-sinh như thế!

Từ đấy các nước đặt thưởng, thi bay, thì các nhà chế-tạo ganh nhau mà chế mỗi ngày một khéo, nhất là ở nước Pháp. Các nước ngoài thì cũng tập kiểu tầu bay của Pháp mà bắt chước. Nước Đức, nước Anh, nước Nga, trước còn mua máy của Pháp, sau mới nghĩ chế kiểu riêng.

Sau này ta kể hình-thực cơ-quan của cái máy bay, rồi nói đến nhiệm-vụ tầu bay trong cuộc chiến-tranh này.

III

Trong một cái máy bay có hai phần chính: một là phần dùng để đứng trong không-khí, tựa vào không-khí, hai là phần dùng để tiến lên. Phần thứ nhất thì có cánh và bánh lái, để mang bổng cái máy bay lên, giữ cho nó đứng ngang và đi thẳng; lại có những cơ-quan phụ vào nữa, cái « thùng » để người cưỡi máy ngồi, nhiên-liệu,[1] khí-cụ, quân-giới, cùng những đồ để đỡ cho cái máy khi bay lên khi đổ xuống. Phần thứ nhì thì có cái động-cơ (*moteur*) và cái chân-vịt, là hai cơ-quan để chuyển-động cho cái máy tiến lên.

Ta hãng xét trước phần thứ nhất vận-động ra làm sao. Ai cũng biết cái cánh tầu bay là những mảnh mỏng, phẳng, hình chữ nhật, hơi nghiêng về bên trên (tức là đằng sau ra đằng trước), bề trường hơn bề khoát nhiều, như cái cánh con chim vậy. Động-cơ quay chân-vịt, đẩy cái cánh tiến lên trong không-khí, cũng như cái chân vịt ở dưới nước đẩy nước cho tầu chạy. Cái cánh khi tiến lên thì mặt dưới nó đập mạnh vào không khí, không-khí ấy bị ép vào cánh, muốn giữ cho không tiến lên được; nhưng nó không ép ở trên mà lại ép ở dưới cánh, nên tuy vẫn ngăn không cho tiến mà thực là nâng cho bổng lên vậy. Một đằng thì vì cớ ấy ở mặt trên không-khí giảm bớt đi, vì mặt ấy quay về đằng sau, mà khi cái cánh tiến lên thì không-khí không kịp rồn vào đằng sau cho đầy ngay được. Song cái phần không-khí giảm bớt đi ấy cũng không mấy khi được nhiều lắm, đã tính cứ như cái lối máy bay ngày nay thì mỗi một phân tây vuông (*centimètre-carré*) trên mặt cánh ước được năm mươi *grammes*; nếu mà

(1) Nhiên-liệu là dầu, than, vật dùng để đốt.

không-khí rút được hết hẳn thì có thể mạnh được đến gấp hai mươi lần hơn.

Song cánh vốn đặt hơi nghiêng-nghiêng, đã nghiệm ra cái áp-lực của không-khí ở mặt dưới cánh hễ máy chạy càng nhanh, không-khí chuyển-động càng mạnh, thì áp-lực ấy cũng càng tăng lên. Thành ra nếu tăng cái tốc-độ lên thì cái sức đề-kháng (*force de résistance*) của không-khí đủ mạnh mà mang nổi được cái cánh; lúc bấy giờ thì cái sức đẩy của không-khí cũng ngang bằng trọng-lực của cả tầu bay vậy.

Ở các nhà cà-phê thường thấy người ta chơi lấy quân bài mà ném tự bên này sang bên kia buồng. Quân bài mỏng nhẹ như thế mà ném đi được là bởi tay người cầm lúc ném ra cầm cái mặt trước nó hơi chênh-chếch về đằng trên. Cái cánh tầu bay lúc tiến lên cũng như thế, chẳng khác gì. Cánh phải nghiêng về chiều ấy, chớ không nghiêng về chiều khác được, cũng ví dụ như khi mình vuốt ngược lông con mèo thì lông nó dựng lên mà khi mình vuốt suôi thì nó dẹp xuống. Không-khí đối với cánh tầu bay cũng thế; cái sức đẩy nó có đưa ngang vào cánh thì mới đương được cái trọng-lực của cánh, nếu đưa suôi thì nó lướt đi mà không có hiệu-lực gì cả.

Nay ta lại thử xét một cái mảnh mỏng, phẳng và hình chữ-nhật như cái cánh tầu bay, hay quân bài to đương khi bay trong không-khí thì cái áp-lực của không-khí ở mặt trên và mặt dưới nó thế nào. Nghiệm ra thì cái áp-lực ấy tùy ba điều như sau này: 1° là sức chuyển nhanh chậm; 2° là diện-tích to nhỏ; 3° là giác-độ (*angle*) đối với hướng chạy, tức là cái mặt nghiêng về trên nhiều hay ít.

1° Sức mang nổi cái cánh lên là bởi áp-lực của không-khí ở mặt dưới cánh và « khuyết-lực » (*dépression*) ở mặt trên, chạy càng nhanh thì càng tăng lên, tăng bằng gấp tư cái tốc-độ. Như một giờ chạy được 50 cây-lô-mét thì giảm cái trọng-lực của tầu bay được 300 cân tây; nếu một giờ chạy được 100 cây-lô-mét thì tất giảm được đến 1200 cân. Đến khi trọng-lực của tầu bay kém sức nâng của không-khí thì cái tầu bay tự bồng mà bay lên.

2° Lấy hai cái cánh khoát bằng nhau mà trường khác nhau, thì nghiệm ra cái sức đẩy của không-khí tùy bề trường mà thay đổi.

Như chạy cùng một tốc-độ thì một cái cánh 2 thước khoát, 20 thước trường được sức đẩy của không-khí bốn lần mạnh hơn là một cái cánh cũng bấy nhiêu khoát mà trường có 5 thước thôi.

Nếu lại đem hai cái cánh trường bằng nhau mà khoát khác nhau, thì nghiệm ra cái sức đẩy của không-khí không tùy bề khoát mà thay đổi; không những thế mà nếu bề khoát to quá thì cái sức ấy có nhẽ lại giảm bớt đi nữa. Người ta đã tính bề khoát cứ trung-bình 1 thước tây là vừa. Nên cái tầu bay nào cũng vậy, cánh trường đến đâu, khoát cũng sâm-si như thế vậy.

3° Cái sức mang của không-khí tùy « giác-độ » của cái cánh khi bay lên mà hoặc tăng hoặc giảm. Giác-độ ấy tức là cái cánh chênh ít hay chênh nhiều vậy. Nếu cái giác-độ ấy không có tí nào, nghĩa là cái cánh cứ để thẳng, không chênh tí nào, thì cái áp-lực ở trên với ở dưới cánh không khác gì nhau nữa, nhưng cái đề-kháng lực của không-khí lại giảm đi nhiều. Tức là cái cánh tuy không được sức của không-khí nâng lên, nhưng cũng lại không cần phải sức mạnh lắm mới chuyển động được. Như thế thì nếu hơi chênh-chếch cái cánh lên một tí, không-khí tất có sức mà nâng lên, lại nhờ cái đề-kháng-lực yếu, tốc-độ có thể tăng đến cực-điểm, thì sức nâng của không-khí ấy cũng tùy tốc-độ mà

tăng lên gấp tư, như đã nói trên kia. Nhưng nếu cái giác-độ cũng lại đem đến cực-điểm mà ngang bằng thước-thợ (*angle droit*), nghĩa là nếu cái cánh đứng dựng hẳn lên, thì cái đề-kháng-lực tất tăng lên quá chừng, vì không-khí ép vào cả mặt cánh mà ngăn-trở sự chuyển-động ; cái sức nâng của không-khí bấy giờ cũng không có gì nữa. Như thế thì cái giác-độ tuyệt-nhiên không có cũng không được, mà đem đến cao quá cũng không được, thế tất phải lấy cho trung-bình mới được. Thường ra thì cái giác-độ ấy không bao giờ hơn 20 độ.

Những nhẽ thuộc về vật-lý-học ấy thực là khó lòng mà diễn ra cho cực dễ hiểu được. Nhưng nếu không biết những nhẽ ấy thì không thể giải được vì cớ gì mà cái tầu bay vận-động được trên không-khí. Nên chúng tôi đã hết sức mà lược dịch ra, có hơi chúc-chắc khó hiểu, tưởng các nhà đọc báo cũng lượng cho.

IV

Nay xét đến sự ích-lợi của nghề bay trong cuộc chiến-tranh bây giờ.

Trước khi chiến-tranh không ai tin nghề bay có thể ứng-dụng về việc quân được. Ngày nay những người rất hoài-nghi thì xưa lại thành ra rất súng-bái tầu bay, vì tầu bay thực là có ích-lợi cho việc chiến-tranh vô cùng vậy.

Đánh nhau ngày nay là thuần đánh nhau bằng đại-bác cả. Hai bên địch-quân, bên nào cũng dùng đại-bác để ngăn nhau không tiến được ; vậy thì bên nào có cách phá-hoại được thực nhanh và thực nhiều đại-bác của địch-quân là bên ấy được chiến-thắng.

Cái cự-li-độ của đại-bác ngày nay rất là xa, khó lòng mà giò được súng để chỗ nào. Phải dùng tầu bay mà làm việc đó ; bay lên trên quân địch, chinh-sát cho thật đúng chỗ các pháo-đội địch đóng, rồi về báo cho pháo-binh mình biết để cứ phóng-pháo vào đấy mà phá-tan đại-bác của địch.

Tầu bay ngày nay chỉ dùng nhiều nhất về việc ấy, mà việc ấy không phải là không khó-khăn nguy-hiểm. Phải bay cho cao để khỏi vào độ súng của quân địch, nhưng cũng không nên bay cao quá, vì nếu cao quá thì không trông thấy gì nữa, mà quân địch thường hay khéo che lấp các pháo-đội của mình.

Trong tờ báo Thụy-sĩ tên là « Thế-giới chiến-tranh-báo » (*La guerre mondiale*), in tại Genève, có một bài kể rất tường về cảnh-huống một cái tầu bay đi chinh-sát sang quân định, xem đấy thì biết gian-nan mà mạo-hiểm là chừng nào. Xin trích-dịch một đoạn như sau này :

« . . . Bay sang hàng quân địch phải bay cao. Bay dưới 1 nghìn 8 trăm thước thì nguy, nhiều lần đã bị hại vì thế. Cao-độ trung-bình phải 2 nghìn thước, mà lắm khi cũng chưa đủ, vì quân Đức có thứ súng riêng bắn tới đấy được.

« Mới bắt đầu bay thì lên ngay đến 1 nghìn thước, nhưng đến đấy mà lên nữa đã thấy khó, thấy chậm, vì không-khí trên ấy loãng hơn dưới này. Cái tầu bay bấy giờ bay liệng trên đồng-điền, dần-dần cao mãi lên. Nhưng không được nhanh như trước nữa, hoặc là cái động-cơ chạy kém, hoặc là gió thổi ngược, hoặc là mây mờ ám, xương mù che lấp mặt đất.....

« Nhưng nếu cái động-cơ chạy vẫn tốt, giời sáng sủa thì trông cái « cao-độ-biểu » (*altimètre*), tức là cái đồng-hồ đo cao, đã thấy lên được quá 1 nghìn 8 trăm thước ngay. Bấy giờ người cầm máy mới hỏi người « giám-thị » (là người cầm ống dòm trông) :

« — Ta vào chứ ?

« Người kia đáp :

« — Cứ việc !

« Người vặn máy vặn thẳng vào đường quân địch.

« Đứng trên ấy mà trông xuống thì thấy thế-giới thực là cỏn-con. Đồng-điền phẳng-lì, không có núi non gì nữa, chỉ thấy những nét vạch ngang vạch giọc, tức là đường cái đường con như mắc cửi vậy.

« Các thôn-lạc thì lấm-chấm như sao trên giời, đường thung-lũng chằng-chịt, chỗ nào có rừng cây thì là một đám tối; phải quen lắm, cẩn-thận lắm mới tìm được phương hướng. Vả tầu bay không phải là cái nào ngồi trong ấy trông ra cũng dễ đâu; có cái trông rõ như một, có cái trông đằng trước, đằng sau, bên cạnh cũng không được cả. Có khi đi qua cái cảnh nên nhận mà đi nhanh quá, phải vặn quay giở lại. Có khi gặp đám mây vô-tình, che lấp không trông thấy đồng điền, phải hạ thấp xuống. Người « giám-thị » ngồi đấy cúi mặt xuống đất, cố nhận từng tí một, mở địa đồ ra xem, nhìn miên-man, biên từng tí. Này đây là chiến-tuyến của địch-quân. Đường hầm hố như kẻ ngang cánh đồng, lại những ngõ-ngách chằng-chịt. Trên trông xuống như một đàn kiến đen lúc-nhúc, không rõ hình, đoán chừng mà biết quân Đức; phải dùng đến ống kính, nhưng gió to, máy rung, bắc kính cũng khó.

« Này nữa, đây là pháo-đội của quân-địch, trông nó sây đắp chung quanh thế kia là nhận ngay được. Phải lấy cho đúng mục-tiêu nó, vì mình đứng trên này thì trông thấy được, nhưng pháo-binh Pháp ở dưới kia thì bị che lấp không thấy, nếu mình báo được đúng chỗ nào thì cứ việc phóng-pháo vào đấy là phá tan được.

« Chỗ kia lại thấy cái ụ đất to nữa. Nhìn kỹ thì nhận ra bốn đống chôn bốn chiếc đại-bác thật sâu; đó là trọng pháo (*artillerie lourde*) với cữu-pháo (*mortiers*). Lại trong làng kia có một đống xe như nằm yên vô-sự lắm. Trên đường cái có một đoàn xe tri-trọng đi về phía tây. Lại có một giây xe lửa chạy trên đường ấy, một giây, lại một giây nữa, đều đi về phía tây cả. Chỗ này thì có những nhà màn sắc vàng căng trong đám cỏ xanh: tức là đám xe nhà thương, xe làm bánh, xe đồ ăn.

« Đằng xa kia có đám khói trắng lốm-đốm trên cánh đồng; đó là súng đạn-lựu (*shrapnels*), hai bên đương áp-chiến nhau. Động-cơ chạy phành-phạch, tiếng om-sòm, không nghe thấy tiếng đánh nhau dưới đất. Người ngồi trong tầu bay chỉ biết ở dưới nó bắn mình thôi, vì nghe thấy tiếng đạn tanh-tách nổ quanh mình.

« Này đây nữa tức là một đô-thị nhỏ, đương bị quân Đức chiếm-cứ. Trông thấy nhà thờ, trại lính, nhà ga. Đó là một nơi trọng-yếu của quân địch, nơi trung-tâm của mấy con đường cái, mấy con đường xe lửa. Người « giám-thị » đã được lệnh phải phá-hoại những đồ vận-tải của quân-địch.

« Lúc này mới là lúc trịnh-trọng thay. Trước mặt có ba quả phá (*bombes*) còn để trong túi da; lấy ra một quả, nạp tọng đâu đấy, cầm bên tay trái, chực ném xuống. Nhưng biết ném vào đâu cho được? Cũng khó nghĩ thay! Phải ném cho trúng vào quân địch, mà không hại đến những nơi nhà cửa sin sít kia là chỗ đồng-bào mình ở.

« Người « giám-thị » bảo cho người cầm máy biết định đi vào đâu. Phải hét to lên mới nghe tiếng, vì máy chạy liên-thanh. Bay liệng vào phía nhà ga. Người « giám-thị » cúi đầu xuống, mặt chiếu vào ống dòm, đợi đến đúng tận nơi. Tay phải làm hiệu cho người cầm máy biết đường, tay trái vẫn cầm quả phá. Vừa đến nơi, buông tay ra, quả phá rơi....

« Trước còn chạy soay một lúc, mắt trông tường lắm, rồi sau đâm thẳng mà rơi xuống đất. Bấy giờ không trông thấy nữa, nó nhỏ quá, nhanh quá. Nhưng cứ nhìn kỹ cái chỗ rơi xuống thì được ít lâu — cao 2 nghìn thước

thì phải 20 giây đồng-hồ, — thấy dưới đất có đám khói trắng, . . . thế là ném trúng vậy . . .

« Bỗng đằng xa có một vật gì chuyển động: một cái tầu bay nữa!

« Người « giám-thị » còn nhìn dưới đất, người cầm máy trông trên giời thấy thế chỉ tay cho người kia biết. Hai người bàn nhau.

« — Không biết ai thế?

« Cái tầu bay đương chạy, chạy nghiêng, cùng cao bằng mình thì khó lòng mà nhận được là tầu bên nào. Trong giữa khoảng giời đất mênh-mông trông nó như một nét chấm vậy. Song mắt sành, nhìn kỹ thì cũng biện-biệt được. Người cầm máy nói:

« — Thằng Đức đấy, anh ạ.

« Đã nhận được là quân địch rồi, người « giám-thị » bấy giờ mới sắp kế phòng-bị. Trong tầu dộn-dịp để vào áp-chiến, nạp đạn vào súng, vặn súng cơ-quan, định phương-hướng mà bắn. Ai nấy cởi thắt lưng ra, không ai nghĩ đến giữ mình nữa, dành phải liều vậy. Đánh vật nhau trên không, thực là cái cảnh tượng gớm-ghê ghê-gớm, mạo-hiểm không biết chừng nào mà kể được. Nhưng đặt thân vào cái cảnh-ngộ ghê-gớm ấy, không ai biết rằng mình mạo-hiểm nữa.

« Thực-thế. Trong cuộc chiến-tranh này, không có người « anh-hùng », chỉ có cái « cảnh-huống anh-hùng » mà thôi. Ai đã đắm mình vào trong cảnh-huống ấy cũng như bị cuốn vào trong đám gió lốc, tức là người anh-hùng vậy. Anh em trông thấy làm được những thủ-đoạn như thế, nhìn mà cảm-phục, lại có ý ghen, nói:

« — Bao giờ đến lượt ta? »

Đoạn văn ấy thực là cực tả cái cảnh-huống gian-nan, cái đảm-lược anh-hùng của những người vị nước mà liều thân trên chiếc bách lơ thơ, giữa bể không vô-hạn vậy.

. . .

Xem như thế thì sự dùng tầu bay để lấy mục-tiêu cho pháo-binh thực là một sự quyết-đấu, bên nào chạy nhanh, bay cao, báo được tin cho pháo-binh mình trước khi bên kia đuổi kịp là bên ấy được. Nhưng tầu bay không những dùng một việc ấy. Còn dùng để hàm-chế sự vận-động của địch-quân, như chẩy quân, tải xe lương-thực đạn-dược, đứng trên mà tưới đạn bắn tên xuống.

Làm việc ấy cũng phải khéo tay lắm mới được, một quả phá ném trúng có thể hại được nhiều lắm. Vả cũng phải biết rằng quả phá tự trên tầu bay ném xuống không có rơi thẳng mà nổ ngay dưới chân đâu. Mới ném ra nó còn theo cái hướng chạy của tầu bay một lúc, rồi đến khi cái hấp-lực ấy hết đi, chỉ còn có cái trọng-lực thôi, bấy giờ mới rơi thẳng xuống.

Cái nhiệm vụ của tầu bay lại còn phải phá-hoại các đường sắt, cầu cống, trại lính, nhà ga, đều là những việc rất nguy-hiểm mà rất quan-trọng, nhưng thành công thì ảnh-hưởng cho việc hành-chiến không biết bao nhiêu mà kể. Vả khi nào quân-địch được tin báo có tầu bay thì nó dùng hết cách để che lấp cả đi cho không trông thấy gì. Tức trong nhà quân gọi là lối « vẽ hề », quân thì ẩn vào dia rừng, đường xe đi thì đổi phương-hướng, pháo binh thì thôi bắn, che lấp đi.

Sau nữa, tầu bay lại còn phải đánh nhau trên không. Từ trước khi mới đem ứng-dụng tầu bay ra việc quân, chỉ chủ có một cái nhiêm-vụ ấy thôi. Nhưng ngày nay sự đánh nhau như thế không thường có, chỉ họa là mà thôi.

Trước có người dự-định sau này sẽ có từng hạm-đội tầu bay áp-chiến nhau trên không. Nhưng cứ xét một chiếc tầu bay kinh-phí đến 2 vạn quan tiền tây, mà mỗi cái chỉ mang được hai

người, có khi một người mà thôi, như thế đem độ một tiểu-đội quân lên giao-chiến trên không, tổn-phí biết là bao nhiêu! Vả đánh nhau là để chiếm lấy đất. Đánh trên không thì có quan-trọng gì. Một địch-quốc đoạt được chủ-quyền trên không-giới, khi tầu bay mình lượn trên trận-địa bên kia cũng không tránh khỏi súng-đạn của địch quân bắn lên.

Song cũng lắm khi tầu bay đương đi chinh-sát gặp một cái tầu bay khác của địch quân, hai bên phải đánh nhau bằng súng tay hay súng cơ-quan. Nhưng thường đã nhận tầu bay của Đức ít khi chịu ra giao-chiến, làm xong việc chỉ chăm chạy về cho nhanh. Là vì cái lối đánh nhau trên không ấy cũng chẳng khác gì như đánh vật vậy, nhất là khi trong tầu mỗi bên chỉ có một người, lại kịch-liệt lắm.

Một nhà làm báo ở trận-tiền về có thuật lại đầu đuôi truyện một cái tầu-bay Pháp đánh nhau với tầu bay Đức như thế này :

« Tôi mới ở chiến-hào về được tin có hai viên quân-quan ta mới đánh đổ được một cái tầu bay Đức.

« Tôi vào nhà Tư-lệnh-bộ thì gặp một ông quan đương hỏi một viên đội :

« — Tùy ý thầy : muốn lấy Bắc-đẩu-bội-tinh hay Quân-công-bội-tinh cũng được.

« Thầy đội đáp : — Tôi xin lấy Quân-công bội-tinh.

« Ông quan bấy giờ mới giới-thiệu cho tôi biết thầy đội ấy, thì chính là nhà quân anh-hùng đã đánh đổ tầu bay của Đức.

« Tôi nói với thầy ấy kể lại đầu đuôi cái chiến-tích hiển-hách ấy để về đăng báo. Thầy ấy kể cho nghe, nhưng cố dặn tôi đừng đăng lên để cho cha mẹ ở nhà khỏi biết mà lo con phải mạo-hiểm như thế.

« Thầy ta nói :

« — Tôi đánh được cái này là cái thứ hai. Nhưng lần sau này thực là nguy-hiểm hơn trước nhiều.

« Hôm ấy là sáng ngày thứ tư, 26. Tôi trông thấy một chiếc tầu bay ở hàng quân Đức bay lên, đi về hướng thành Laon.

« Lập tức tôi chạy đuổi.

« Nó bay vào 2 nghìn 6 trăm thước. Tôi bay lên cao hơn, đến 3 nghìn thước mà đuổi theo nó. Cái máy của tôi nhanh hơn, đuổi kịp ngay, hai bên giao-chiến.

« Quân Đức bắn trước. Một viên đạn siên ngang ghế ngồi của viên « giám-thị » đi với tôi, là quan một X.., quan một liền bắn lại luôn mấy phát.

« Lúc bấy giờ thì chúng tôi cách quân Đức có 10 thước. Máy chạy đương hăng, chúng tôi đi vượt qua chúng nó, một viên đạn sướt qua vai tôi, cũng không đau mấy, nên tôi vẫn cầm máy được.

« Quân Đức muốn đánh tháo chạy đâm thẳng xuống. Tôi liệng trên đầu chúng nó. Bấy giờ vào giữa chỗ sáng, mặt giời trói-lọi. Dễ bên chúng nó một thằng đã bị thương, vì tôi trông thấy vết máu đỏ trên vỏ máy bay. Bỗng hai bên đứng ngang mặt nhau, quan một tôi bắn luôn một hồi.

« Thấy cái máy của chúng nó quay lơ một cái, rồi đâm thẳng rơi tự 2 nghìn thước cao xuống.

« Chúng tôi cúi xuống xem, thì thấy lúc đến gần đất nó như quay tròn lại, theo giốc một cái đồi con, rồi nhảy lên mấy cái, như con thỏ đương chạy mà bị bắn.

« Chúng tôi cũng bay soáy tròn ốc xuống. Thì thấy tên cầm máy Đức bắn ra ngoài máy, nằm cách đấy mấy thước.

« Tên « giám-thị » thì bị dẻ ở dưới máy động-cơ, nát như cháo. Người ta đến xem từ phía ; khám trong người nó thì thấy có giấy tùy-thân tên là

thiếu-uý Ông-Bối-lộ (Von Bulow), thuộc về quân vệ-binh Đức.

« Viên đội kể đến đấy tôi bèn hỏi :

« — Ông thấy thảm-trạng như thế, thì cái cảm-giác ông thế nào ?

« Thầy tả nhìn tôi con mắt lạ, rồi đáp :

« — Thực trông thế tôi cũng lấy làm thương-tâm. Tối buồn lắm, buồn lắm. Nhưng đến sau mọi trong máy bay ra bỗng thấy 10 quả phá và đến 40 quả-lựu, thì tôi lại lấy làm thỏa dạ quá, đương buồn mà đổi ra vui, vì tôi biết rằng thế là cứu được sinh-mệnh cho bao nhiêu kẻ vô-cô, thằng Đức này định giết-hại....

« Ký-giả xin nói thêm rằng viên đội vừa kể truyện ấy cùng viên thiếu-uý đi một chuyến tầu bay ấy là thuộc về tiểu-đội tầu bay « khu-trục » (*escadrille de chasse*), hiệu M. S., số 12, đội ấy mới lập ra, toàn những người trẻ tuổi, mà đến nay đã được ngoại chục cái thủ-đoạn như thế ».

Tầu bay lại còn một lối bắn nữa, là phóng-pháo vào các đô-thị, gọi là lối bắn « thị-uy » (*bombardement pour intimidation*). Lối ấy là một lối chuyên-môn của quân Đức. Quân Đức chỉ thích bắn những đô-thị không có phòng-bị hơn là những nơi có pháo-đài, có thành-quách. Tầu bay ném quả phá thường bạ đâu ném đấy. Rơi vào phố-xá, vào đền-đài, vào nhà tư, giết hại đàn-bà con trẻ. Quyết không phải là họ định bắn các pháo-đài trại lính mà bắn nhầm, vì nếu bắn nhầm như thế thì chẳng là vụng lắm dư ?

⁂

Đạn được để ném từ trên tầu bay xuống, thì quân Đức dùng hai thứ quả phá đựng thuốc đạn *picrate*, với một thứ quả cháy, tức là lối quả nổ trên có bầu đựng dầu hỏa.

Người Anh thì dùng quả phá hiệu Marten Hale, mỗi quả nặng 10 cân tây; vỡ ra đến hơn 2 trăm mảnh.

Người Pháp thì dùng ba thứ quả phá đựng thuốc đạn *mélinite*; thứ nhất khẩu kính 155 li, nặng 43 cân ; thứ nhỡ 99 li, cũng kiểu ấy, thứ nhỏ nhất thì nặng 14 cân, 8 cân là *mélinite*. Những quả ấy vỡ ra phá-hoại dữ lắm.

Từ khi khai-chiến, các nhà cưỡi máy bay Pháp lại còn dùng một thứ tên bằng thép nữa. Tên dài 12 phân tây, khẩu-kính 8 li, nặng 20 grammes, đầu nhọn, phần trên hình tròn, phần dưới hình chữ thập. Những tên ấy cứ ném từng năm chục cái một, đầu nhọn để ngược lên, đến khi rơi xuống tự nó quay lại, cái nọ chạm vào cái kia bắn tứ tung ra. Đến đất thì cái đầu nhọn đã chúc xuống. Chạy nhanh mỗi giây đồng-hồ là 1 trăm thước, như thế thì sức đâm thủng ước được 2 trăm cân tây. Bị thương bằng tên ấy thường là chết. Mũ bằng sắt, bằng da nấu chín, tên ấy cũng đâm thủng được. Có một viên tướng Đức bị cái tên đâm suốt qua sọ, đến tận cổ họng.

Năm nghìn tên như thế nặng 1 trăm cân tây. Viên thiếu-uý Mezergues cưỡi tầu bay, có trong một ngày ném đến 5 nghìn 5 trăm cái tên và 18 quả phá.

Quân Đức nhặt được những tên ấy, bắt chước cũng làm giống như thế, cho tầu bay ném giả quân Pháp. Mỗi cái tên của Đức ấy có đề mấy chữ viết tắt : INV. FR. FAB. ALL. (Invention française, fabrication allemande) nghĩa là : Pháp phát-minh, Đức chế-tạo.

⁂

Đứng dưới đất mà bắn lên tầu bay thì cực là khó, có trúng được cũng là ngẫu-nhiên mà thôi.

Trước khi phóng-pháo vào tầu bay, bất cứ dùng thứ súng gì, phải tính cho đúng cái cự-li-độ với cái giác-độ. Tính cự-li-độ cũng chưa có cách gì tiện, vì hiện chưa có thứ máy đo đường (*télémètre*) riêng. Tính giác-độ lại khó nữa, phải lấy mục-tiêu luôn, vì

mục-tiêu nó không nhất-định. Như một cái tầu bay đương bay đường thẳng ước 1 nghìn thước cao, mỗi giờ nhanh 105 cây-lô-mét, vụt trong khoảng 2 phút dưỡi đi tự giác-độ thứ 12 đến giác-độ thứ 80, thành ra mỗi phút dịch đi đến hơn 30 độ. Như thế mà tính cho đúng được cũng khó lòng lắm.

Như khi bắn bằng súng tay thì thường người ta bắn từng hồi một, chia ra làm mấy bọn, mỗi bọn bắn một độ cao khác nhau. Vả đạn bắn có vào chỗ hiểm trong máy bay thì mới hại nó được. Có lắm cái tầu bay đi trận về, hai cánh lỗ-chỗ những vết đạn như tổ ong, nhưng chẳng có viên nào trúng vào người vặn máy, người « giám-thị », cũng chẳng viên nào vào máy chân-vịt, máy động-cơ, thùng chứa dầu hay là máy chỉ-huy cả. Ông thượng-nghị-viên Reymond bị hại trong khi cưỡi tầu bay đi việc quân, có một lần về bị một viên đạn đánh bẹp cái thùng chứa dầu, mà may sao không thủng. Như thế thì dẫu bắn trúng nữa, nhưng thành công hay không thành công cũng là ở cái may rủi vậy.

Dùng súng đại-bắc mà bắn thì hơi dễ hơn một tí, nhưng muốn lấy mục-tiêu cho thật đúng cũng không thể được. Dễ là vì đạn đại-bác khi nổ vỡ ra từng mảnh, nên tuy không bắn trúng vào tầu bay cũng mong có mảnh trúng được. Lại được một điều lợi nữa, là dù không trúng tí nào, nhưng một viên đại-bác nổ gần cái tầu bay cũng đủ quấy dối không-khí chỗ ấy lên mà làm cho tầu bay bạt đi mà ngã xuống được. Người ta đã từng trông thấy có cái máy bay của Đức toặc mất một mảnh cánh, điên-đảo lựng-vựng mãi mới về được hàng quân mình. Có cái bị bạt đi mấy trăm thước, rồi mới đứng vững lại được.

Bên Đức họ có chế một kiểu đại-bác hiệu Krupp riêng, tự 65 đến 75 li, đặt lên xe « ô-tô », cùng một thứ đại-bác bắn ngược để bắn tầu bay. Ở bên Pháp thì súng 75 li bắn tốt lắm, nhiều lần pháo-binh Pháp « hạ » được máy bay Đức bằng súng ấy.

Hiện nay người Pháp đương thử dùng một thứ đại-bác riêng 37 li để mang đi cùng với máy bay. Kiểu ấy thực là kiểu tối-tân vậy.

Ph. Q.

Il y a des gens
qui sont maîtres
de leurs impressions
et de leurs souvenirs.
Je les admire et je les envie
Mais je ne puis les imiter.
A tout moment,
des hôtes que je n'avais point priés et que je ne saurais
congédier, viennent s'asseoir,
ou souriants ou moroses,
à la table de ma pensée.

E. M. DE VOGÜÉ

Ce n'est pas en surface,
ce n'est pas en largeur
que la vie compte,
mais en profondeur.

J. M. GUYAU

Không phải là rộng,
không phải là dài,
mà đời người có giá-trị;
cái giá-trị ở sự thâm-trầm vậy.

Có người cầm giữ được
cái cảm-giác,
sự ký-ức của mình.
Tôi phục mà tôi thèm những người ấy,
nhưng tôi không thể bắt-chước họ được.
Lúc nào tôi cũng thấy
những người khách tôi không mời mà đến,
Tôi đuổi cũng không đi,
khi tươi-tỉnh, khi u-sầu,
lại ngồi với tôi ở bàn tư-tưởng.

VĂN-UYỂN

THƠ VĂN CÁC CỤ

Cụ Yên-đổ

Cụ Tam-nguyên Yên-đổ Nguyễn Tất-Thắng, *sau đổi là* Nguyễn Khuyến, *người làng Yên-đổ, huyện Bình-lục, tỉnh Hà-nam. Đỗ đệ-nhị-giáp tiến-sĩ khoa* tân-vị, *năm Tự-đức thứ 24. Giải-nguyên khoa thi hương năm* ất-vị, *tuổi 37. Cụ sinh ra ông phó-bảng* Nguyễn Hoan, *mà là chắt cụ Cố-Lê tiến-sĩ* Nguyễn Lệ. *Thực là một nhà thế-khoa vậy. Đỗ tiến-sĩ rồi cụ được bổ chức trực-học-sĩ, quyền sung Sơn-Hưng-Tuyên tổng-đốc. Sau cáo hồi về nhà dạy học, mông thưởng hàm tham-tri. Cụ có để lại bộ* Quê-sơn thi-tập, *vừa thơ nôm, vừa thơ chữ. Cụ có tiếng hay nôm ; thơ văn nôm của cụ có khí-vị vui vẻ, biểu cái « lạc-quan chủ-nghĩa ». Thực là một bực tổ trong nghề văn-chương nôm vậy.*

Ông Nguyễn Mạnh-Bổng *có sưu-tập được một ít thơ văn của cụ, gửi cho bản-báo. Nhưng bản-báo còn muốn rộng cầu ở các bạn đọc báo ông nào thuộc được bài gì của cụ xin cứ gửi lại cho. Nước ta ngày xưa nghề xuất-bản không thịnh-hành, nên thơ văn cũ mất đi nhiều lắm, hiện nay có ai nhớ được ít nào là còn mà thôi. Thực là đáng tiếc thay ! Cái tinh-thần của tổ-tiên mai-một đi cũng vì đấy. Bản-báo muốn lấy làm một việc nghĩa-vụ mà cứu vớt lấy những tàn-biên đoạn-giản của đời trước. Mong các bạn đọc báo giúp cho.*

Ph. Q.

* * *

I

Vịnh ông tiến-sĩ bằng giấy

Khéo chú hoa man khéo vẽ trò,
Bỡn ông mà lại dứ thằng cu.
Mày râu vẻ mặt vang trong nước,
Giấy má nhà bay đáng mấy su.
Bán tiếng mua danh thấy lũ trẻ,
Bằng vàng bia đá vẫn nghìn thu.
Hỏi ai muốn ước cho con cháu,
Nghĩ lại đời xưa mấy kiếp tu.

II

Giời tự-thuật

Cao cao nghìn trượng ấy là cao,
Dẫu bắn thăng thiên chẳng đến nào.
Nhắn bảo trần-hoàn cho nó biết,
Tháng ba tháng tám tớ mưa rào.

III

Chợ giời Hương-tích

Ai đi Hương-tích chợ giời đi,
Chợ họp quanh năm cả bốn thì.
Đồi chác người tiên cùng khách bụt,
Họp hàng gió chị lại giăng gì.
Yên oanh chào khách nhà mây tỏa,
Hoa cỏ bày hàng điểm cỏ che.
Giá áo, lợn tằm, tiền, gạo đủ,
Bán mua mặc ý muốn chi chi.

IV

Vịnh Kiều

Thằng bán tơ kia rở mồi ra,
Làm cho bận đến cụ viên già.
Muốn xong thì phải ba trăm lạng,
Không có sau này một chiếc thoa.
Nối tiếng mượn mầu son phấn mụ,
Đem thân chuộc lấy tội tình cha.
Có tiền việc ấy mà xong nhỉ,
Đời trước làm quan cũng thế a ?

V

Ông Phỗng-đá

(*Bài hát cô-đầu*)

Câu miễu. — Người đâu tên họ là gì,
Khéo thay chích chích chi chi nực cười.
Giang tay ngửa mặt lên giời,
Hay là còn nghĩ sự đời chi đây ?

Ông phỗng đá lạ lùng muốn hỏi, cớ làm sao len lỏi đến chi đây? Hay tưởng trông cây cỏ nước non này, chí cũng rập đua chân vào hội lạc? *Vân sơn tự-tiêu đầu tương hạc, thương-hải thùy chi ngã diệc âu!* Thôi cũng đừng chấp chuyện đâu đâu, túi vũ-trụ mặc đàn em sau gánh vác. Duyên hội ngộ là duyên tuổi tác, chén chú chén anh, chén tôi chén bác, cuộc tình say say tình cùng nhau. Nên chăng đá cũng gật đầu!

(NGUYỄN MẠNH-BỒNG *phụng sao*)

NGHE ĐÀN

Nghe đàn há phải là một việc dễ dàu! Truyện Bá-Nhã Tử-Kỳ là câu mĩ-đàm của đời xưa để lại. Nhưng đời nào là chẳng có Tử-Kỳ mà chẳng có Bá-Nha, có Bá-Nha tất có Tử-Kỳ. Nếu có Bá-Nha mà không có Tử-Kỳ thì thế-giới chẳng thành một nơi sa-mạc dư! Đọc bài « Nghe đàn » của ông Nguyễn Đàm-Xuyên sau này, tưởng-tượng như ông muốn làm bạn Tử-Kỳ cho khách Bá-Nha nào vậy. Khách ví biết chẳng nên cảm bụng ông lắm dư?

* *

Sau ngày dầm tháng bẩy, giời mới sang thu, nóng còn đang dữ. Tôi ngồi buồn một mình, một tay cầm cái quạt lông cốc, một tay cầm quyển báo *Nam-Phong*, mắt nhìn tay phẩy, miệng đọc chân rung, đắc ý càng ham, bất-giác quên không biết nực. Hồi năm giờ chiều, bỗng có một ông khách lại, vỗ vai rằng: « Giời ơi! giời nóng như thiêu, bồ hôi như tắm thế vậy, ngô-huynh ngồi yên xem sách, thế mà chịu được dư? » — Tôi vội vàng đứng dậy chào, trông xuống ghế thì quả-nhiên chỗ ngồi bồ hôi vỡng như đổ nước vậy. Chưa kịp nói truyện, thì ông khách đã giắt tay giục-giã đi chơi; tôi vội xếp quyển báo, sắp khăn áo, theo ông khách lên xe. Xe chạy như bay, tới thẳng Hồ Tây. Chỉ thấy dưới hồ thời nước im phăng phắc; trên hồ thời cây đứng chong chong. Kẻ lại người qua, đi như mắc cửi. Rừng người huyên-náo, khí nóng càng xông, so với lúc ngồi xem sách ở nhà, tự-hồ nhiệt-độ trong mình lên quá đến 38, 40 độ vậy. Tinh-thần bực bội, ngồi đứng không yên, tôi và ông khách lại giủ nhau đi, thong dong sẽ bước, chơi rào quanh hồ, theo bóng liễu hỏe, lần xem phong cảnh. Khi đó ác vàng gác núi, bóng tôi nhá nhem; thỏ bạc lưng giời, gương tròn thấp thoáng; bụi trần vắng ngắt, gió địch hiu hiu. Ông khách trông tôi mà cười rằng: « Hôm nay chúng ta chơi đây, tôi tưởng cũng không khác gì ông Tô Thức khi chơi Xích-bích vậy. » Tôi cũng cười mà đáp rằng: « Phải, giăng cũng giăng này, gió cũng gió này, mùa cũng mùa này, mà ngày tháng cũng là ngày tháng này, nhưng giá được gặp ông khách thổi sáo nữa, thời mới được hợp cảnh. »

Đi và bước, văng vẳng thấy tiếng đàn từ đàng xa đưa lại, tiếng vảng tiếng sắt, như oán như sầu, nghe chẳng khác gì khúc *Bạch-tuyết*, *Dương-xuân*, giọng không kém gì điệu *Cao-sơn*, *Lưu-thủy*; tôi lắng tai nghe một lát, bảo ông khách rằng: « — Ngài thử nghe, tiếng đàn hay sao! Không biết khúc này ở đâu mới xuất-hiện ra, mà êm ái như rót vào tai vậy. »

Tới một chỗ, mấy cây cổ thụ giườm già, và nóc nhà gianh sờ sạc, giăng soi thấp thoáng, nơi tỏ nơi mờ, người đứng vòng quanh, súm đông súm đỏ, dòm vào thấy có hai người ngồi bên gốc cây, mỗi người ôm một ngọn đàn, kẻ xướng người họa, cung nam cung bắc, sát dịp đồng thanh, giây nhỏ giây to, như in một điệu, coi ra tựa hồ như đắc ý lắm..... Tôi càng nghe càng thích, càng thích càng mê, lại càng tần ngần đứng mãi; nghe thấy những người đứng nghe quanh đó, thì thào nói truyện, kẻ thì chê rằng giọng sầu não nuột, làm cho người ta buồn bụng mất vui, người thời kêu là gẩy khúc lạ lùng, khiến cho người ta lạ tai khó hiểu, kẻ chê người bác, gíu gít bên tai, mà hai người vẫn ngồi im tự-nhiên đánh đàn như cũ vậy.

Ông khách thấy vậy, có ý tức thay, ngành lại hỏi tôi rằng: « — Ngô huynh nghe thế nào? » Tôi chưa kịp thưa, ông khách lại bảo tôi rằng: « — Này ngô-huynh! phàm những người đánh đàn, cốt là để cho người ta cùng nghe, buồn thì người ta không ưa, lạ thì người ta không hiểu, tôi thiết tưởng điệu cao khó họa, mấy mặt tri-âm, nếu cứ gẩy những khúc cao điệu mới như vậy, thì dẫu mâm ngọc lấy châu, ngón tay rỏ máu, dễ ngồ cùng ai, ; tôi thấy những người nghe đàn, mà tôi lại tiếc thay cho người đánh đàn. »

Tôi cười mà đáp rằng: « Chết nỗi! Sao quan anh vội nóng như vậy. Quan anh muốn cho tai ai cũng như tai Chung-Tử, tình ai cũng như tình Kim-Trọng hay sao? Nếu vậy, thì đàn Bá-Nha khả-dĩ bất-tất phải đập vỡ để tạ kẻ tri-âm, mà đàn Thúy-Kiều cũng khả-dĩ bất-tất phải cuốn giấy để chờ người tri-kỷ.

« Xem thế, thì biết là cầu được một vài người ưa, năm ba người hiểu, cũng đã khó, huống là muốn cho trăm nghìn người cũng ưa, muôn ức người cùng hiểu, lại chẳng khó lắm dư? Nay quan anh ngại rằng buồn thì người ta không ưa, lạ thì người ta không hiểu, ý chừng quan anh muốn cho người đánh đàn phải giáng cách đổi điệu, để cho người ta ưa, người ta hiểu chăng? Nếu thế, thì lại không tin cho người đánh đàn lắm.

« Đã đành rằng nắn giây lựa khúc, vẫn muốn cho cùng được nghe chung, nhưng làm cho nhỡ dịp ngang cung, đâu há nhẽ đổi sang lối khác? Ai không biết, hát câu cách cú, thích ý bà già, kẻ giọng đò đưa, vui tai con trẻ. Song người biết đánh đàn, đâu nỡ dám bắt chước những điệu ấy cách ấy, để làm cho người ta mê thần rồi chí nữa sao? Thế hóa những

người biết đàn chỉ biết hết cái trách-nhậm của mình đánh đàn mà thôi, chớ còn như miệng thế khen chê, thời người đánh đàn có sá chi vậy.

« Than ôi ! yến-sào tước-trà, ăn thấy gì ngon, quan-quế nhân-sâm, uống đâu có ngọt ; bằng ở miệng người khen chê, thì dẫu tay khéo nấu, thầy thuốc hay cũng không thể sao cãi được. Nhưng rồi mà quê mùa lạ miệng, ăn lâu cũng phải biết mùi, tật bệnh trong mình, uống mãi mới hay tài bổ. Đến lúc bây giờ một người biết thành r : năm bảy người biết, rồi mà thành ra trăm nghìn vạn ức người biết, thì cái giá-trị lại càng quí trọng biết có ngần nào ?

« Thôi thôi ! Xin quan anh cũng chớ lo chi, mà cũng chớ ngại chi ; dẫu rằng nghìn vàng dễ kiếm, tri-kỷ khôn tìm, một tiếng cùng than, nghìn xưa cũng vậy, kể ra cũng đáng lo và đáng tức thật, nhưng đã gọi là người đàn hay, thì tôi chắc rằng dẫu người này không tri âm, tất cũng có người khác tri âm, dẫu đời này không có người tri âm, tất đời sau cũng có người tri âm, chứ có nhẽ nào mà lại mai-một đi được ? Xem như Đức thánh Khổng ở đời Chu mạt, biết bao kẻ chê bai, mà đến nay thì muôn đời sùng bái ; ông Lư-Thoa ở nước Đại-Pháp, biết bao nhiêu người chê bác, mà bây giờ thì muôn nước hoan nghênh ; thế thời mai sau mà non nước láng tai, âu tất rằng đàn này chẳng có người nghe ra mà phả vào Nhạc-phủ ! »

Ông khách cười rằng : « Có thể du ! Có thể du ! Quan anh nói cũng có nhẽ. »

Nói dứt truyện, ngửng lên thì bất giác giăng vừa đóng đầu.

Đàm-Xuyên NGUYỄN-PHAN-LÃNG

THƠ

Bản báo mới tiếp được bài thơ của cụ lớn Hiệp-tá-đại-học-sĩ, lĩnh Lại-bộ-thượng-thư kiêm chưởng Hộ-bộ, quản Văn-thân-phò-mã, sung Cơ-mật-viện-đại-thần, Phúc-môn Bá, NGUYỄN-HỮU-BÀI *đại-nhân gửi ra mừng cho bản-báo. Bản-báo lấy làm hân-hạnh lắm, xin đăng ra sau này :*

Tiện hồng ta nhân với Nam-phong,
Phong-hóa êm ngoài bởi âm trong.
Mượn khí thanh hòa mong bổ sức,
Giải cơn phiền não ngỏ an lòng.
Thong dong no đủ nơi nơi thỏa,
Vui vẻ đàn ca chốn chốn đồng.
Gió thổi từ Nam mà đến Bắc,
Đưa hơi nhân-nghĩa thâu Tây Đông.

* * *

Quan Viên-ngoại bộ Công Vũ Hoành *đại-nhân có họa vần bài thơ của cụ* Phúc-môn bá *như sau này :*

Trời nam nay mở ngọn Âu-phong,
Tổ-quốc dân-hồn cốt ở trong.
Ước đặng Ngu-thời thêm mấy khúc,
May ra Sở-cạnh thỏa trăm lòng.
Trăm năm còn có người hưng khởi,
Ngàn dặm nào lo thói bất đồng.
Cổ động hãy theo chiều gió thuận,
Tây trào dần cũng nhảy sang đông.

Đi qua đường Quán-thánh

Chín năm nay lại giạo Hồ-Tây,
Nước đứng xanh dờn gió thổi hây.
Tượng-cổ trông còn nguyên nét mặt,
Cây già đo thử mấy ôm tay.
Bóng chiều ngơ ngẩn chim tìm bạn,
Gợn sóng lau-chau cá nhảy bay.
Một cuộc cờ-đời đi lắm nước,
Chín năm nay lại giạo Hồ-tây.

* * *

Hứng mát trong đền Ngọc-sơn

Trong cõi phồn-hoa, thấy cảnh tiên,
Diễu non là nước nước là sen.
Bên cầu cỏ chắn làn xe ngựa,
Cửa miếu rêu còn dấu bút nghiên.
Mát giợi mùi trần cơn gió thổi,
Trăng phau lòng đạo lúc giăng lên.
Đào-nguyên há phải ngoài dương thế,
Xin khách bôn-ba tạm ghé thuyền.

Tuyết-huy

Thơ gió nồm

I

Ấy có chi chi khỏi nực nồng ?
Giải nồng đã có trận Nam-phong.
Thuận buồm thổi động cây ngàn bắc,
Rợn sóng dàn đưa nước bể đông.

Ngọn lửa Chu-Lang vì đây tiện,
Giọng đàn Đế-Thuấn phải đây không?
Mong cơn gió ấy to to nữa,
Để để dân ta mát mẻ lòng.

II

Ngọn gió từ đâu thổi đến đây,
Hiu hiu mát mẻ một phương này.
Cánh bằng được tiện qua làn sóng,
Tiếng nhạn lừng đưa tít dặm mây.
Ngỡ lối minh-côn vùng bể bắc,
Tưởng chừng tinh-vệ phá non tây.
Nam-huân gió cũ đây chăng tá?
Trần-cầu này mang gió thổi bay.

MAI-KHÔI

Đêm đêm tiếng dế kêu sầu

Thi-khách thường nói: « Tiếng dế kêu, lúc mới nghe thì tưởng là vô nghĩa-lý; nhưng lắng tai cho kỹ, thật là một khúc đàn rất êm-ái, thanh-tao Nhưng thanh-tao hay không là cũng tại người nghe. »

Hư-sinh ở trong trường, nhân lúc đêm khuya, nghe dế kêu văng vẳng ở bên dậu, cạnh hồ, mới sẽ ra cửa sổ lên tiếng hỏi rằng: « Cớ sao mà đến dĩ thâu canh? » Vừa rứt nhời, thoang thoảng hình như có tiếng trả lời... Được lúc cảm-hứng nên tạm viết vài hàng để đọc-giả xét cho. Sau này dế có nói với hư-sinh điều gì, thì hư-sinh lại xin nhờ ngọn gió « Nam-Phong » *báo với các ngài. Trẻ người non dạ, có điều gì sai nhầm cũng xin các ngài bỏ quá cho kẻ mới học làm văn.*

NGUYỄN sinh *bái*

* *
*

Cạnh hồ Tây, đêm khuya nghe dế,
Gì gì kêu than kể nỗi mình:
« Từ em vào cõi phù-sinh,
« Ngày đêm luồng nấp bờ gianh than đời.
« Nghe thấy nói loài người tinh quái,
« Muốn thập thò cho chải một phen;
« Thì ra cũng tiếng hư-truyền,
« Một vùng cát-bụi mà nên truyện trò!

« Xem hình-tượng người to ta bé,
« Thoạt mới nhìn ngỡ vẻ kỳ-khôi.
« Suy ra kết lại trận cười,
« Em cười, em lại đem nhời thở than.
« Suốt hè khác-khoải canh tàn,
« Rạt mình mới rõ mơ màng dưới giăng.
« Ta bé mọn chị Hằng có thấu ?
« Khiến tâm can nung nấu ngày đêm.
« Buồn vì đã chịu phận hèn,
« Cớ sao lũ trẻ còn tìm khắp nơi ?
« Em cùng họ khác loài khác thể,
« Họ là người ta để đã đành.
« Cớ sao đem chuyện ghét ganh,
« Bới hoạ, bới cỏ ra tình lôi-thôi.
« Vốn cũng biết cùng người riêng hội,
« Để em yên em đội ơn sâu.
« Kẻo đêm khác khoải kêu sầu,
« Giọng to, giọng nhỏ vang đầu nhức tai. »
Khen cho dế có tài biện-bác,
Nói những câu đích sác lạ thường,
Ẩn mình, giả tiếng náu nương,
Ngậm ngùi ngán phận mà thương cho đời.

Học trò trường Bảo-hộ
(năm thứ hai, ban A)

THƠ VĂN ĐÀN-BÀ

Bản-báo mới tiếp được một ít thơ văn của mấy bực tân nữ-sĩ đã có lòng tin ngọn Nam-Phong *mà gửi mang chút tâm-sự bồi-hồi. Vậy xin đăng vài bài sau này, để đẹp lòng các bạn khuê-phòng. Các bạn chắc cho rằng hễ bản-báo tiếp được bài nào có cái cảm-hứng đặc-biệt, sẽ sẵn lòng hoan-nghênh một cách xứng đáng.*

Vậy xin nhắc lại câu sau này trong bài Luận-thuyết trên kia, nói về cái công vun-giồng cây văn nôm trong vườn Nam-Việt ta : « Cái óc khô-khan « của đàn ông vun-giồng mãi chưa thành, có nhẽ cái tình đượm-nhuận của « đàn-bà tẩm-tưới mà nên chăng? Bởi thế mà ta rất là mong-mỏi ở bọn tân « nữ-sĩ sau này vậy. »

Lòng hi-vọng ấy nên hay chăng, xin để các bạn quyết-định.

Gái đêm thu

Khuya sớm thành-thơi miền khuê các,
Những mong ràng gánh vác cùng ai.
Cho cam chữ « gái tham tài »,
Bõ công kim chỉ dùi mài bấy niên.

Đêm khuya vắng tiếng quyên ra-rả,
Tâm-sự này biết ngả cùng ai ?
Vần-vơ một bóng một người :
Người than xâu sô, bóng cười vô-duyên.

Lần bên án thổi đèn mông-chính,
Tựa dưới màn đốt đỉnh trầm-hương.
Trơ-trơ một ảnh một giường,
Buồng không lạnh ngắt, mùi hương ngạt-ngào.

Sực thoảng thấy như bào gan ruột,
Nỗi niềm này đau buốt đến xương.
Gớm thay một mối tơ vương !
Cầu Ô bao bắc? Mạch Tương lệ tràn.. .

Thôi nhắm mắt buông màn cho rảnh !
Bâng-khuâng nằm một ảnh một màn.
Ngậm-ngùi vắn thở dài than. . .
Bỗng đâu trận gió bay màn thoảng qua.

« Hỡi hỡi gió, tình ta có thấu ?
« Ruột gan này nung-nấu từ ngày.
« Bữa nay bác tới qua đây,
« Đã lòng hạ cố niềm tây một nhời.

« Sao con Tạo sinh giời sinh đất,
« Sinh cỏ cây, sinh vật có đôi ?
« Ngán thay cái kiếp làm người !
« Tài-tình chi lắm cho giời đất ghen ?

« Hay là vì duyên hèn phận bạc,
« Biết bao giờ cho tác thành đôi ?
« Nghĩ đời ngán nỗi cho đời !
« Biết liều mà phấn có rồi mày xanh ?

. . . . . .

« Kia ! bác gió qua mành rồi nọ ! »
Hé cửa màn thì gió đã xa.
Bước ra chợt thấy bóng nga :
« Chị Hằng ơi hỡi ! cho ta hỏi cùng :

« Giời xanh khéo má-hồng ghen-ghét,
« Chữ ái-tình thêu dệt ra chi ?
« Ngày xuân một bước một đi . . .
« Giăng long tóc bạc còn gì nữa đâu ? »
. . . . . .
Kìa mảnh Nguyệt đã đầu non gác,
Ngọn cỏ cây dọt bạc điểm trang.
Chùa đâu chuông khánh kêu vang,
Vừng đông đã tỏ nét vàng hôm qua . . .

TRẦN KHÁNH-PHONG

* * *

Thơ gửi thăm chị

Tuần giăng mấy độ vơi đầy,
Mây tuôn ngoài cõi như lay tấm lòng.
Biết bao công-nghĩa nghìn trùng,
Thái-sơn còn thấp, bể đông chưa tầy.
Nhớ khi mai trúc xum vầy,
Cùng nhau đội đức cao dầy ở chung.
Trên đường hai cõi huyên thông,
Ngoài sân hoa cỏ một vùng tốt thay.
Giầu sang là số dủi may,
Giáng sinh nhân thế nhờ tay mụ bà.
Xưa nay trong cõi người ta,
Chữ Trung chữ Hiếu ai là kém ai ?
Đã sinh ra kiếp nữ-hài,
Ngây thơ nào dám khoe tài vẻ-vang.
Tiếng hay trong nước ngoài làng,
Nhờ tay kim-ngọc mở đàng mới xong.
Tuy rằng phận gái chữ tòng,
Bao giờ cũng nhớ đến giòng Hoàng-gia.
Mai sau có đất nước nhà,
Có anh em đó chắc là có phen.
Nhân khi nhàn tưởng chị em,
Bút hoa mới thảo dưới đèn vài câu.
Tiện đưa quí-đệ lên tầu,
Thơ này xin gửi sang hầu chị xem.

HOÀNG HẠ-UYÊN.

TẠP-TRỞ

VỀ LUẬT MỚI

Bộ luật mới của Bắc-kỳ ta, Hoàng-thượng cùng quan Toàn-quyền SARRAUT *đã tuyên-bố ở Kinh ngày 16 tháng 7 trước* [1], *bắt đầu từ ngày 1 tháng giêng năm 1918 sẽ thi-hành trong toàn-hạt Bắc-kỳ. Sách luật vừa pháp-văn, lại vừa dịch quốc-ngữ, dịch chữ nho, đóng làm một quyển, hiện đã in xong ở hiệu Đông-kinh-ấn-quán, có nhẽ đến khi số báo này ra thì cũng cùng xuất-bản.*

Bởi vậy nhân trong báo Revue Indochinoise *có một bài kể đầu đuôi việc cải-định pháp-luật cho xứ Bắc-kỳ cùng giải cái tôn-chỉ của bộ luật mới, xin dịch ra sau này, để các ngài trước khi đọc luật mới xem mà biết đại-ý thế nào.*

* * *

Từ khi đặt tòa Thượng-thẩm theo chỉ-dụ quan Giám-quốc ngày 1 tháng 11 năm 1901 và ngày 31 tháng 8 năm 1905, cử quan Tây sung vào để kiểm-soát các tòa Nam-án xứ Bắc-kỳ, chính-phủ Bảo-hộ đã lưu-tâm đến sự cải-định pháp-luật trong bản-xứ theo chương-trình mới, cho hợp với tình-thế ngày nay.

Chủ-ý nhà-nước đặt ra tòa Thượng-thẩm để các quan chuyên-môn trông nom là muốn bổ-cứu lại những điều khuyết-điểm của pháp-luật cũ nước Nam. Những điều khuyết-điểm ấy bên Mẫu-quốc thường cáo-giác ra mà trách chính-phủ bên này, nhưng không biết rằng luật-lệ nước Nam rất là phiền-phức, không thể nhất-đán chưa nghiên-cứu kỹ mà đã cải-cách ngay được.

Tòa Thượng-thẩm mới bắt đầu làm việc từ năm 1905, phải để cho thực-nghiệm ít lâu, rồi lấy án-vựng của tòa ấy mà làm tài-liệu cho việc cải-cách về sau. Vả từ khi tòa án tây can-thiệp đến việc nam-án ở xứ Bắc-kỳ thì mới xuất-bản ra quyển mục-lục cho bộ *Hoàng Việt luật-lệ*, mới bắt đầu dịch ra chữ Pháp những chiếu-dụ từ vua Minh-mạnh giở xuống, cùng tuyên-bố ra mấy đạo nghị-định của quan Thủ-hiến tòa án ngày 12 tháng 9 năm 1906 và ngày 27 tháng 3 năm 1910, tức là những bản sơ-thảo của bộ luật mới sau này vậy.

Kịp đến năm 1913 quan Toàn-quyền SARRAUT, thấy nhiều người kêu về những sự tệ-lạm trong lối xử án của các quan An-nam, ngài bèn truyền cho quan Thủ-hiến tòa án khởi-hành việc cải-định cả các luật-lệ trong xứ Bắc-kỳ. Ngài lại nói rằng việc ấy ngài muốn cho chóng xong, vì thi-nghiệm nghiên-cứu đã đến mười năm giời, tài-liệu tất đủ cả rồi.

Tòa án bèn bắt đầu khởi-thảo bộ luật mới, rồi đệ ra cho mấy hội-đồng xét.

Hội-đồng xét bộ luật Hình-sự-tố-tụng thì có những quan như sau này :

Quan RICHARD, đồng-lý phủ Thống-sứ ;
— CAMPAGNOL, trưởng tòa Thượng-thẩm ;
Cụ-lớn HOÀNG-CAO-KHẢI ;
Quan THÂN-TRỌNG-HUỀ, sung tòa Thượng-thẩm ;

---

(1) Xem *Nam-Phong*, số 2, trang 139.

Quan NGUYỄN-VĂN-BÀN, sung tòa Thượng-thẩm.

Hội-đồng xét bộ dân-luật thì có những quan như sau này :

Quan Công-sứ TISSOT ;
— LEMAIRE ;
— DUVAL DE ST CLAIRE ;
Quan Thượng HOÀNG-TRỌNG-PHU ;
— THÂN-TRỌNG-HUỀ ;
Quan Tuần TRẦN-VĂN-THÔNG.

Hội-đồng Hình-luật xong việc tự tháng chạp năm 1913 ; hội-đồng dân-luật cũng đến ngày 24 tháng giêng năm 1914 thì xong. Bấy giờ quan Toàn-quyền SARRAUT về Pháp có việc, quan VAN VOLLENHOVEN quyền chức, ngài bèn nghĩ kế để thực-hành sự cải-cách ấy thế nào cho phải phép.

Cứ điều-ước ngày 6 tháng 6 năm 1884 của nước Pháp với nước Nam, cũng theo phép chính-trị thường thì trong địa-hạt nước Nam chỉ có Hoàng-thượng nước Nam mới có quyền đặt pháp-luật ; vậy không thể đem luật mới mà thay ngay vào luật cũ được. Nhưng chợt sẩy ra việc chiến-tranh, trong mấy tháng quan Toàn-quyền nhiều việc cần-cấp hơn, không kịp lưu-tâm đến việc luật.

Mãi đến ngày 6 tháng 2 năm 1915, phủ Toàn-quyền mới gửi cả mấy bộ luật vào cho quan Khâm-sứ Kinh, truyền cho phải đệ Hoàng-thượng ngự-lãm.

Phủ Phụ-chính xin cho đem dịch ra chữ nho mới có thể xét được. Quan Khâm-sứ tư trình về phủ Toàn-quyền như thế, lại nói thêm rằng hiện ở tòa sứ trong Kinh không có ai dịch nổi.

Phủ Thống-sứ Bắc-kỳ cũng lấy một cớ như thế mà chối không chịu nhận việc dịch chữ nho.

Quan quyền Toàn-quyền tự nghĩ rằng cớ đó không đủ ngăn-trở việc làm, bèn truyền cho quan Thủ-hiến tòa án phải hợp-đồng với ông trưởng ti Chính-trị về việc dịch chữ nho ấy.

Đến cuối năm 1915 thì dịch xong cả.

Ngày 16 tháng 2 năm 1916, quan Toàn-quyền ROUME đi qua Huế, thân đem bộ luật cùng bản dịch vào đệ phủ Phụ-chính (xem biên-bản kỳ hội-đồng phủ Phụ-chính ngày 18 tháng 2 năm 1916). Ngài làm thế là có ý kính-trọng cùng tỏ cho các quan Phụ-chính biết rằng chính-phủ bảo-hộ coi sự cải-cách pháp-luật ấy là một việc quan-trọng.

Đồng-thời phủ Toàn-quyền cũng gửi sang quan Thống-sứ cùng quan Thủ-hiến mỗi bên một bản, vừa chính-văn vừa dịch-văn.

Ngày 8 tháng 8 năm 1916, quan Thống-sứ trình quan Toàn-quyền rằng các quan thống-sứ trước đã ưng-nhận bộ luật mới rồi, thì về phần riêng ngài cũng không có điều gì dị-nghị ; vậy đại-khái xin nhận cả, chỉ trừ mấy điều nhỏ, sau này sẽ thương-thuyết riêng với ti chính-trị ; ngài lại nói thêm rằng xin tùy ý quan Toàn-quyền định cho bao giờ thi-hành cũng được.

Phủ Toàn-quyền ghi nhớ lấy mấy nhời bàn riêng của quan Thống-sứ, để khi nào Chính-phủ An-nam xét xong thì sẽ châm-chước sửa định lại nhân thể.

Mãi đến ngày 28 tháng 2 năm 1917, các quan Thượng-thư mới tư trình quan Khâm-sứ Kinh rằng các ngài ưng-nhận bộ luật mới, chỉ xin sửa đổi một đôi ti thôi.

Quan Toàn-quyền bèn định rằng những chỗ nào sửa đổi thì xin làm ra một tờ trình, ngài sẽ sẵn lòng xét. Tờ trình ấy mãi đến đầu tháng 7 mới xong, quan Toàn-quyền bèn phái một ông quan trên phủ ngài vào Kinh để cùng với các quan Thượng-thư thương-thuyết. Đại-khái thì những sự sửa đổi ấy là thuộc về hình-thức cả mà chủ bảo-tồn quân-quyền. Còn đến nghĩa luật thì các quan đều đồng ý cả. Bởi thế việc thương-thuyết cũng dễ.

Hoàng-thượng đã truyền các quan Thượng-thư nên xét cho cẩn-thận, các

quan cũng đều sẵn lòng châm-chước nên không mấy nỗi mà xong cả. Hồi quan Toàn-quyền SARRAUT về qua Huế thì luật mới đã thành, có thể đem ra tuyên-bố được ngay.

Hiện đã tuyên-bố được bốn bộ, sẽ bắt đầu thi-hành từ ngày 1 tháng giêng năm 1918. Bốn bộ ấy là những bộ này :

1) Luật xếp-đặt các tòa án ;
2) Luật dân-sự tố-tụng ;
3) Luật hình-sự tố-tụng ;
4) Luật hình.

* *

LUẬT XẾP-ĐẶT CÁC TÒA-ÁN. — Luật này cứ y cái thể-chế cũ mà sếp-đặt lại. Nguyên các tòa nam-án vẫn có ba bực ; vậy phải định cho rõ chức quyền của ba bực ấy thế nào cùng ba bực quan-hệ với nhau thế nào.

Trước hết định quyền xử án của các Phủ, Huyện, Châu, quyền ấy trong luật An-nam khi xưa không có phân biệt rõ ràng. Từ nay trở đi, tòa án của các phủ, huyện, châu tức gọi là tòa án đệ nhất cấp (*tribunal du premier degré*).

Thuộc về đệ-nhất cấp thì không tất nhiên là phải phân ra quyền giữ án với quyền cai-trị. Ở nước Nam xưa nay, theo lệ tục cũ vẫn là một người kiêm hai quyền ấy : quan phủ, quan huyện, quan châu, vừa là quan cai-trị vừa là quan coi án ; trong luật mới cũng giữ lệ cũ như thế, vì tòa-án đệ nhất cấp tức là tòa-án hòa-giải (*justice de paix*) theo pháp-luật tây. Nhưng trong điều thứ 3 lại định rằng trong những hạt nào to mà một ông quan không thể kiêm được hai việc thì có thể đặt riêng một viên quan tòa người An-nam để coi về việc án. Như thế thì quan Thống-sứ được có quyền tùy nghi tùy tiện mà xếp-đặt.

Các điều luật thuộc về chức-quyền tòa-án đệ-nhất cấp đều giữ một cái tôn-chỉ như trong luật cũ An-nam. Cái tôn-chỉ ấy là lấy sự hòa-giải làm cốt.

Trong sách ông LURO bàn về phép chính-trị cũ nước Nam có nói rằng :

« Ở nước Nam ngày xưa, những việc thuộc về dân-sự đều lấy phép hòa-giải mà xử cả, trước thì người trưởng-tộc xử, không xong thì đến những kỳ mục đàn anh trong làng, rồi đến chánh phó tổng.

« Việc đem đến phủ huyện cũng vẫn còn là việc dân-sự mà xử bằng phép hòa-giải. Nhưng nếu quan đã xử mà một bên không chịu, thì việc dân-sự thành ra việc hình-sự. Vì rằng một bên đã không thuận thì cho là bên kia phạm hại đến mình, hoặc là phạm nặng hoặc là phạm nhẹ, v. v....

« Việc xử hòa-giải thì do một bên đầu đơn thưa. Quan phủ quan huyện xét đơn rồi xử thế nào biên ngay vào đơn. Nếu hai bên không chịu mà kiện nữa thì bên nào thua bên ấy phải tội....

« Cái lối xử kiện như thế là do nhà làm luật ở nước Tầu nước Nam không ưa mà muốn ngăn-ngừa những sự tố-tụng lôi thôi . . . »

Xét như thế thì phàm mọi sự tố-tụng phải xử bằng phép hòa-giải trước nhất (xem điều thứ 11 và 99 trong luật dân-sự tố-tụng).

Không những thế, mà phàm việc hòa-giải phải làm tờ biên-bản (*procès-verbal*). Trong luật muốn cho người đương sự (tức là người có việc kiện) biết tờ hòa-giải làm theo pháp luật là cũng có giá-trị, nên đã định rõ ràng rằng những tờ hòa-giải ấy tức là tờ án-văn đích thực, không khác gì.

Cái số tiền những việc thuộc về chức-quyền tòa sơ-cấp là đã hỏi ý tòa Thượng-thẩm cùng các quan an-nam mà định.

Theo lối xử án hiện bây giờ thì các án-kiện dù nhớn dù nhỏ phải trình quan Thủ-hiến duyệt-y. Xét sổ tòa-án trong năm 1916 các tỉnh đệ lên đến hơn ba nghìn việc án, phần nhiều là những việc không quan-hệ gì. Trong

số ấy thì hơn một nghìn năm trăm việc xin kháng-cáo tại tòa Thượng-thẩm. Một năm mà xét đến bấy nhiêu việc thì thật nhiều quá ; cần phải cho các tòa án dưới được quyền chung-thẩm những việc nho nhỏ thì mới vợi bớt đi được. Vả trong Trung-kỳ từ năm 1915 cũng đã làm như thế rồi.

Thiên định về chức-quyền tòa án đệ-nhị-cấp (tức là tòa án tỉnh) có một sự cải-cách trọng nhất trong luật mới. Sự cải cách ấy là lấy quan công-sứ đầu tỉnh làm trưởng tòa-án tỉnh. Quan tỉnh an-nam được quyền bàn định, nhưng trong khi quyết-nghị phải theo ý-kiến quan công-sứ. Điều đó là định tạm thời mà thôi, để đợi đến khi nào lập thành được một ngạch quan tòa án an-nam thì bấy giờ sẽ cải-định. Hiện nay thì trong tòa án tỉnh vẫn có quan an-nam làm phụ-thẩm, nhưng không phải giữ trách-nhiệm về việc án.

Sự cải-cách ấy, Hoàng-thượng cùng các quan Cơ-mật đều lấy làm ưng ý lắm, vì Triều-đình vẫn biết xưa nay rằng cái cách các quan an-nam xử án một mình không có người kiềm chế, thì dễ sinh ra những-lạm nhiều lắm. Ai cũng nhớ hồi tháng tám năm 1916, đức Khải-định có xướng tờ dụ rất nghiêm để mắng các quan đã bỏ mất lòng liêm-sỉ, không am-hiểm việc chính-trị, thi-hành những cách hối-lộ tham-tàn. Hoàng-thượng nhớ đến công-nghiệp của đứng Hoàng-khảo là vua Đồng-khánh khi xưa, hồi năm 1888 có đặt ra các tòa án vừa quan tây vừa quan an-nam để xét mấy việc đại-hình thời bây giờ, nên Hoàng-thượng thấy ngày này Chính-phủ bảo-hộ lại đặt tòa án tỉnh theo lối các tòa án ấy thì lấy làm mừng lắm.

Điều khuyết-điểm to nhất của lối xử án cũ ở xứ Bắc-kỳ là các quan thường không hiểu nhẽ luật, lại dùng những cách giả-trá mà kết án, vì từ khi có chỉ-dụ quan Giám-quốc đổi lại việc án ngày 31 tháng 8 năm 1905 thì các quan an-nam được quyền tự-do xử án, quyền ấy không có gì hạn chế nữa.

Khi xướng ra chỉ-dụ năm 1905 ấy là có ý cho các quan an-nam có quyền tự-chủ mà kết án, không để các quan công-sứ can-thiệp vào, tưởng rằng một tòa Thượng thẩm kiểm soát cũng đủ giữ được các tòa nam-án khỏi lạm phép luật. Ngày nay những người nào biết đều công nhận rằng tuy các quan án an-nam có được quyền tự-chủ thật, nhưng cái phẩm-cách cũng không thấy hơn tí nào, có phần lại kém đi, mà sự giám-đốc của tòa Thượng-thẩm thì chỉ thuộc về pháp-luật, không kịp đến thực-tế. Tòa Thượng-thẩm hằng ngày tiếp được những án khéo điên-đảo giả-trá, những người làm chứng hoặc ăn tiền mà nói sai, hoặc sợ mà không giám nói thực, những bút-lục cố ý khiếm-khuyết. Thành ra không thể nào mà phát-minh được sự thực, chỉ biết tiêu án nọ tha người kia, mà đến cái cốt việc cũng không rõ, cũng không chắc rằng có sửa lại được một sự nhầm, cứu lại được một điều ác không.

Vả cũng phải biết rằng các quan An-nam thường hay hết sức ngăn-ngừa cho người đương-sự không dám lên kháng-cáo tận tòa Thượng-thẩm, mà dẫu lên được nữa, tòa Thượng-thẩm thẩm-định thế nào giao về thi-hành, cũng khó mà được thi-hành hoàn-toàn ; lại thêm một điều nữa là các quan án An-nam không chịu đặt phiên tòa công theo ngay giờ nhất-định.

Như thế thì cái tệ thực là sâu lắm vậy. Muốn chữa lại cái tệ ấy, chỉ có một cách, là giao cho quan tây quyền xử các việc quan-trọng, đợi cho đến ngày phong-hội tiến-hóa, trình-độ dân đã cao cao, có thể giao quyền tư-pháp cho người bản-xứ được.

Các quan tây chủ-trương việc tra án tất lấy sự thẳng làm cốt, mà án văn thì

chính tay quan tây làm, như thế thì tòa Thượng-thẩm, hoặc cũng có phải sửa lại những điều xét nhầm sai luật, nhưng không phải như trước mà bao giờ cũng nơm nớp sợ hoặc mình không biết rõ mà che chở cho những án rất trái nhẽ công bằng.

Trong luật mới có một viên quan coi việc thẩm cứu. Quan ấy tức là các viên án-sát ngày nay. Như trong ý luật thì viên án-sát phải giúp ông trưởng tòa-án (tức là công-sứ) trong việc tra cứu, nhưng phải đem nha-môn sang tòa sứ, để quan công-sứ giám-đốc. Sự đó là quan-trọng lắm, vì nếu cứ để cho quan án tra án trong nha riêng mình, thì thiệt thòi cho người đương-sự nhiều lắm, vào đến mặt quan, phải qua mấy chặng lính, mấy từng lại. Cũng vì nhẽ ấy mà phòng lục-sự của tòa án tỉnh cũng phải đặt ở tòa sứ để quan công-sứ giám-đốc.

Sự dùng các viên án-sát làm quan thẩm-cứu là chỉ riêng những tỉnh nhớn ở trung-châu, người dân thuần là người An-nam ; không phải là đặt chung cho cả toàn-hạt Bắc-kỳ. Còn tòa án các tỉnh ở miền trung-du thì sẽ để quan Thống-sứ tùy nghi mà xếp đặt.

Xét cái thể-chế mới ấy thực là hợp nhẽ mà thực là uyển-chuyển, lợi dụng được những cơ-quan hiện có mà hạn chế được những tệ tập xưa nay.

Cách xử án ở các tòa án tỉnh thì vẫn dùng tiếng bản-quốc tức là chữ quốc-ngữ. Chắc rằng dùng chữ quốc-ngữ thì không khỏi phải dịch ra chữ tây, phải dùng thông-ngôn, cũng là một điều bất-tiện, nhưng xét cho kỹ cũng không phải là một sự đáng ngại. Hiện ở tòa Thượng-thẩm cũng đã phải làm như thế rồi.

Có một điều nên chú ý là án-văn bao giờ cũng phải do tay quan trưởng-tòa làm. Như thế thì nguyên văn tất bằng chữ pháp rồi mới dịch ra chữ quốc-ngữ để đọc hôm phiên tòa.

Làm án-văn bằng chữ Pháp thực là được nhiều sự tiện lợi to. Có thể mới khỏi được những cái án kỳ-quặc, do tay các quan An-nam múa bút mà vẽ ra, không biết đầu đuôi ngành ngọn thế nào, lắm khi nhời kết-luận trái hẳn với tiền-đề.

Thiên thứ ba trong luật nói về chức-quyền tòa Thượng-thẩm ở Hà-nội, vẫn y theo các nhời chỉ-dụ nghị-định lập ra tòa ấy.

Sự cải-cách các tòa án An-nam ở xứ Bắc-kỳ được một điều hay là cực giản-dị, rõ ràng, mà lại rất là uyển-chuyển, khiến cho Chính-phủ được tự-do, tùy nghi mà châm chước. Lại được một điều lợi nữa là đem ra thi-hành không cần phải đặt ngay một ngạch quan-lại mới. Thực là thích hợp với sự yếu cần ngày nay, thích hợp với sự tiến hóa của các chế độ dân An-nam từ nay nhờ văn-hóa nước Pháp mỗi ngày một thay đổi ; lại mở đường cho sự cải-cách về sau nữa.

LUẬT DÂN-SỰ TỐ-TỤNG VÀ LUẬT HÌNH-SỰ TỐ-TỤNG. — Hai luật ấy cứ y theo hai đạo nghị-định của quan Thủ-hiến tòa-án ngày 17 tháng 3 năm 1910 và ngày 7 tháng 12 năm 1912, bổ-khuyết một đôi chỗ và xếp-đặt lại cho có thứ-tự. Không có thay đổi gì cái lối tố-tụng hiện đã dùng tự năm năm nay, quan tòa cùng người đương sự đều đã quen cả.

Luật tố-tụng về dân-sự thì không có bắt-chước lối tố-cáo trong luật Đại-Pháp. Người đương-sự đầu đơn lên quan trưởng tòa án, rồi chính quan trưởng tòa án cứ theo phương-pháp đã định mà đốc-xuất việc tra-án cho đến ngày kết án. Những người phụ-biện về việc án (như mõ tòa, v.v.), thường sinh phiền-phí cho người đương-sự, không được dự vào các tòa án đệ-nhất đệ-nhị-cấp.

Nhân nói về những người phụ-biện nên nhận rằng Chính-phủ Bắc-kỳ sẽ có

phép hạn-chế cái số những người làm phụ về việc cảnh-sát của các tòa án tỉnh, để trừ-cách cái tệ những sai-nha sai-lệ của các quan, thường về chốn nhà quê mà những-nhiều người dân. Ai cũng biết những bọn nha-lệ ấy thực là cái ác-ma của người dân, tạ sự đi bắt đi khám vào nhà người ta mà quấy nhiễu hành-hạ đủ điều. Theo luật hình-sự tố-tụng mới thì các quan công-sứ đầu tỉnh phải đặt lệ cấm phàm tên nào không do tòa sứ ưng-nhận thì không được đi khám-nã việc gì trong địa-phận các làng. Như thế tưởng cũng có thể cứu khổ được cho dân nhiều vậy.

Không những thế, đại-để trong luật mới phàm việc gì cũng chủ giữ cho người dân được chắc bằng mà đặt kỷ-luật rất nghiêm cho những viên-chức giữ việc án, các việc tố tụng, cho đến việc kết án nữa, đều do người đại-biểu của nhà nước Bảo-hộ là các công-sứ đầu tỉnh kiểm soát giám đốc.

Luật-hình. — Sự bỏ các hình-tội cũ của luật An-nam mà lấy hình-tội trong luật Đại-Pháp thay vào đã làm xong tự năm 1901. Nhà nước Bảo-hộ đã cấm các nha-môn không được thi-hành những lối nhục-hình như xưa, thế mà chưa đổi lại luật-hình, vẫn để cho các quan An-nam lợi-dụng điều luật cũ, mỗi điều như nhắc lại những lối hành-hình đời cổ xưa, như thế thì chẳng phải là trái ngược lắm dư?

Luật-hình mới này tức là theo hình-luật trong bộ *Hoàng-việt luật-lệ*, nhưng phân-loại xếp đặt theo lối hình-luật của Đại-Pháp; chỉ trừ các tội khinh-trọng thì châm-chước như luật cũ.

Trong toàn-bộ luật mới thì phần luật hình là phần kém mới hơn cả, nhưng sự cải-cách lại cũng là có ích-lợi lắm.

Phần dân-luật thì sẽ trích ở các bộ-luật cũ trong nước (như *Hoàng-việt luật lệ*, *Hội điển*), hiện chưa xong, chưa có thể xuất hiện cùng với mấy phần trên được.

Mới có thiên thứ nhất thuộc về nhân-sự là định-cảo xong.

Đức Khải-định muốn cho sự cải-cách pháp-luật ở Bắc-kỳ một mai cũng có thể khoáng-trương ra Trung-kỳ được, nên ngài có dặn phải lưu-tâm về bộ dân-luật, khiến cho luật ấy thành rồi có thể đồng-thời tuyên-bố trong hai xứ được.

Bởi thế mới đặt ra một hội-đồng gồm cả các quan đại-biểu của phủ Toàn-quyền, của quan Thống-sứ Bắc-kỳ, quan Khâm-sứ Trung-kỳ cùng của Triều-đình An-nam để cùng bàn mà quyết-định bộ dân-luật mới.

Hội-đồng lập như sau này:

Quan Nam-án thủ-hiến hay một viên quan tòa thay mặt.....	*Chủ Hội-đồng*
Quan Giám-đốc tòa Chính-trị ở phủ Toàn-quyền....	*Chân Hội-đồng*
Hai quan Cai-trị do quan Thống-sứ Bắc-kỳ và quan Khâm-sứ Trung-kỳ bổ sung.....	
Ba quan đại-thần An-nam do Triều-đình bổ sung..	
Một viên đường-quan An-nam do quan Thống-sứ bổ sung và một viên dự-thẩm An-nam ở tòa Thượng-thẩm	
Quan Trưởng ti Chính-trị ở phủ Toàn-quyền.....	*Thư-ký*

Bộ dân-luật mới dự chia ra làm ba phần: một phần về nhân-sự (*personnes*), một phần về tài-sản (*biens*), một phần về khế-ước (*contrats*).

∴

Sự tuyên-bố luật mới cho xứ Bắc-kỳ là mở đường cho nhiều việc cải-cách

về sau này sẽ tùy thời tùy nghi mà thực-hành, nhưng đều là khuynh-hướng về một mục-đích ; mục-đích ấy là cho các chế-độ về chính-trị, về pháp-luật trong ba cõi nước Nam, Bắc-Trung-Nam-kỳ, đều được nhất-chí. Trong bài diễn-thuyết tại Kinh ngày 16 tháng 7, quan Toàn-quyền SARRAUT cũng đã ngỏ ý rõ ràng như thế.

Hiện nay trong ba xứ, luật-lệ mỗi xứ một khác, thực là trái với phép chính-trị hợp-nhất. Không những thế, sự bất đồng ấy nếu để lâu mà không chữa lại có thể sinh ra nhiều việc phiền nhiễu về sau.

Chính-phủ Đông-dương ngày nay quyết-bỏ hẳn cái chính-sách do-dự ngày xưa, mà muốn thi-thố theo một chính-kiến nhất-định, đặt mục-đích rõ ràng phân-minh. Nếu làm mọi việc cho có phương-pháp, nếu dụng-công xuất-lực mà biết kiên-nhẫn, nếu cái phương-trâm vững-vàng không thay đổi, thì sự ngăn-trở gì mà chẳng đoạt được, phương chi sự ngăn-trở thường lại là hư mà không thực. *Như trong phép chính-trị các dân An-nam, cái mục đích đã là hợp với lợi dân, lại không trái với quyền nhà-nước bảo-hộ, cái kế-sách để đạt tới mục-đích ấy cũng là thành-thực phân-minh, thì phàm sự trở-ngại tất tự tiêu-ma đi, mà cái uy-quyền của nhà-nước thì tăng tiến lên vậy.*

Muốn xét nhân-tài cao thấp, phải biết cái chí-thú trong người. Chí-thú thấp thì đành theo cái khuôn-phép hẹp-hòi của kẻ phàm-tục, mà mỗi ngày một ô-hạ ; chí-thú cao thì hay mộ những đường lối rộng-dãi của người hiền-triết, mà mỗi ngày một cao-minh.

Mặt giời đã lên thời sế, mặt giăng đã đầy thời hao. Cho nên thơ cổ có câu: Hoa chưa nở hết giăng chưa tròn. *Người quân-tử lấy thế là trí đạo. Tôi từ khi hành quân đến nay, mỗi lần trong bụng chăm-chăm lo lắng, nghĩ-ngờ không biết được hay thua, thì về sau thường lại được to ; hoặc đương lúc đắc chí mãn-ý, trước đã được nhiều, quan quân chễ nải, thì về sau thường vì nhễ ngoại-ý mà thành ra thua.*

Người ta ở đời giữ mình phải biết kỉnh-trọng, đãi người phải biết dung-thứ. Biết kỉnh-trọng thì trong lòng bao giờ cũng chăm chăm, việc không cứ to nhỏ, không dám sao nhãng. Biết dung thứ thì xử với người thường rộng-dãi, có công không hưởng lấy một mình, có lỗi không suy nguy cho người khác.

TĂNG QUỐC-PHIÊN

TIỂU-THUYẾT

TRUYỆN CÁI DẤU ĐỎ (1)

Tiểu-thuyết Pháp của ALFRED DE VIGNY

PHẠM QUỲNH *dịch ra quốc-ngữ*

CHƯƠNG THỨ NHÌ

(*Tiếp theo kỳ trước*)

Tôi làm hiệu cho anh ta lại nói truyện với tôi ở mặt sau tầu. Chị ta ngoảnh lại. Tôi không biết mặt tôi bấy giờ thế nào, mà hắn trông thấy hốt-hoảng đánh dơi cái thùng xuống, nắm mạnh lấy cánh tay chồng, bảo rằng :

« Đứng lại, trông mặt ông ấy sám lắm. »

Cũng có nhẽ mặt tôi sám thật, mà không phải là vô-cố mà mặt sám. Song hắn ta cũng lại gần tôi ở mặt sau tầu. Chị ta thì đứng tựa vào cái cột buồm nhớn mà nhìn hai người. Tôi với hắn ta cứ đi bách-bộ mãi không nói gì. Tôi thì hút một điếu thuốc-lá thấy đắng miệng nhổ xuống nước; hắn ta nhìn theo tôi. Tôi bèn cầm lấy cánh tay hắn ta. Bấy giờ trong người tôi như ngạt hơi không thở được nữa, quả thế, không nói sai.

Sau tôi mới bảo hắn ta rằng : « — À nào ! bác thử kể đầu đuôi truyện bác cho tôi nghe. Bác làm gì mà năm « thằng khuyền-nho ngồi chềm-chềm như năm mảnh vua » (2) ấy, xem ra nó muốn thù bác dữ ? Cũng buồn cười thật ! »

Hắn ta đưa vai lên, cúi đầu xuống (giáng người rất là thùy-mị, thương thay thân con trẻ !) mà bảo tôi rằng :

—Giời ôi ! thưa ông có gì đâu ; chỉ có ba bài hi-hịch về Giám-quốc-phủ, thế mà thôi.

Tôi nói : — Không có nhẽ thế !

Hắn ta đáp rằng : — Giời ôi ! Quả thế. Mà mấy bài ca ấy cũng không lấy gì làm hay. Tôi phải bắt ngày 15 tháng 9, điệu đến nhà tù *Phật-ti*, ngày 16 phải làm án, trước kết xử-tử, sau được đặc án xử đi đầy.

Tôi nói : — Cũng buồn cười ! Mấy anh giám-quốc ấy thực là lạ lùng thay. Trong cái thư bác đã biết ấy, chúng nó truyền cho tôi phải bắn bác. »

Hắn ta không giả nhời, cười nhạt mà không biến sắc, kể con người mới có mười chín tuổi mà gan được như thế cũng đáng khen. Chỉ nhìn vợ và chùi trán có những giọt mồ-hôi dơi xuống. Mà tôi thì trên mặt tôi cũng có đến bấy nhiêu giọt mồ-hôi, trong mắt lại còn những giọt nước khác nữa.

Tôi lại nói :

« Xem chừng mấy bác đồ ấy không muốn liệu việc bác ở trên cạn, tưởng làm ở đây cho nó ổn hơn. Nhưng mà về phần tôi thì tôi lấy làm buồn quá, vì bác tuy là con người khá, song tôi cũng không thể tránh được cái việc

(1) Xem *Nam-Phong*, số 3, trang 193 - 196.

(2) Chỉ năm viên trong Giám-quốc-phủ thời bấy giờ, nhời nói có ý khinh-bỉ.

đó. Cái án xử-tử đã đâu vào đấy rồi, lệnh thi-hành đã ký tên, phê hiệu, đóng dấu, không thiếu gì cả. »

Hắn ta cúi xuống trước mặt tôi có phép lắm, mặt hơi đo-đỏ có ý thẹn-thùng, giọng cứ êm ái như thường mà nói rằng :

— Thưa ông, tôi không dám xin gì sốt ; nếu vì tôi mà khiến cho lỗi cái chức-trách của ông thì tôi lại lấy làm phiền lòng vậy. Tôi chỉ xin nói với vợ tôi vài câu. Tôi tưởng tôi chết thì vợ tôi không còn sống được nữa, hoặc mà còn sống lại sau tôi thì nhờ ông trông nom cho.

Tôi nói : — Cái gì, chớ cái ấy thì lọ là bác phải nói. Nếu bác ưng như thế thì đến khi về Pháp tôi sẽ đưa bác gái về nhà bác ấy, tôi trông nom cho kỹ đến lúc bác ấy không cần đến tôi nữa. Nhưng cứ như ý tôi thì chắc rằng bác ấy không hồi lại được cái sự sét đánh như thế ; thương thay !

Hắn cầm lấy hai tay tôi, nắm chặt lấy mà nói rằng :

— Ông quả là người có bụng thật. Tôi xem ông lại đau lòng hơn tôi vì cái việc ông sắp phải làm đây. Nhưng sao được ? Thôi thì tôi xin cậy ông tôi có tí gì ông giữ cho vợ tôi, ông che-chở cho nó, nó có người mẹ già sau này có để lại cho tí gì thì ông trông nom cho nó được cái của ấy để có cái nuôi thân, mà giữ lấy danh-tiết, có phải không ? mà cũng để cho người ta khỏi bắt nó xông pha khó nhọc — Hắn ta lại nói nhỏ với tôi rằng : — Tôi quên không nói với ông rằng người nó yếu đuối lắm. Thường phải đau ngực đến nỗi mỗi ngày ngất đi mấy lượt ; phải che đắp cho ấm-áp luôn mới được. Thôi thì xin ông tận-lực mà thay cha nó, mẹ nó, thay tôi cho nó, có phải không ? Bà nhạc tôi có cho nó mấy chiếc nhẫn, nếu giữ được thì tôi cũng thỏa lòng. Nhưng nếu cần phải bán thì phải bán vậy. Ôi ! La-lôi-đức ta ôi ! thương thay ! Ông trông nó có mĩ-miều khả-ái không, hỡi ông ? »

Nghe chừng câu truyện đã ra chiều thương yêu quá, tôi bèn ra mặt tức mình, cau lông mày lại. Tôi đã lấy cái giọng vui mà nói với hắn để cho khỏi động lòng ; nhưng đến bấy giờ tôi cũng không giữ cái giọng ấy nữa. Tôi bèn nói : « Thôi, thế cũng đủ ! Người trượng-phu với nhau nói ít hiểu nhiều. Bác ra nói truyện với bác gái đi ; nhanh-nhanh lên, nhé ! »

Tôi bắt tay hắn ta ra tình bè-bạn ; hắn ta không buông tay tôi ra mà nhìn tôi, cái sắc mặt lạ. Tôi bèn dặn thêm một câu rằng : « À mà ! tôi tưởng nên khuyên bác một điều, là chớ có nói truyện ấy với bắc gái. Ta sẽ điều-đình việc đó không để cho hắn biết, mà chính bác nữa cũng không được biết. Bác cứ an-tâm. Việc đó là về phần tôi. »

Hắn nói : — À phải, tôi lại nghĩ thế kia, tôi không biết . . . Thế này còn hơn, thật . . . Vả cái nông-nỗi biệt-li li-biệt nó dễ khiến cho trong lòng cảm-động.

— Phải, phải, chớ nên làm trẻ con, thế là hơn. Tôi bảo đừng nên hôn nhau nữa, có thể đừng được thì chớ nên hôn nhau nữa, không thì bại sự mất. »

Tôi bắt tay hắn rồi để hắn đi. Trong bụng tôi bấy giờ khổ thật.

Nghe như hắn ta cũng giữ kín cái việc đó ; vì tôi trông thấy hai vợ chồng khoác tay nhau đi đi lại lại trong một khắc đồng-hồ, rồi lại về chỗ bờ tầu lấy cái thùng và cái áo đánh dơi lúc nãy, một tên thủy-thủ đã vớt lên cho.

Đương lúc bấy giờ thì giời vụt tối. Tôi đã định đến lúc ấy thì hạ thủ làm. Mà cái lúc ấy đến ngày nay vẫn hãy còn, suốt đời tôi còn đeo-đẳng một cái lúc ấy, như đeo một hòn đạn nặng vậy.

(Còn nữa xem kỳ sau)

THỜI-ĐÀM

(Từ ngày 20 tháng 9 đến ngày 20 tháng 10)

VIỆC THẾ-GIỚI

Việc chiến-tranh

Trong thời-kỳ tháng mới rồi bên Âu-châu có hai việc quan-trọng nhất. Một là việc Giáo-Hoàng mưu điều-đình sự nghị-hòa mà không xong, các nước Đồng-minh, nước Pháp, nước Anh, nước Mĩ nhất-tâm công-bố cho thế-giới biết rằng hễ nước Đức có xin bồi thường hết tổn-hại cho liệt-cường, giả lại nước Pháp hai châu Á-tản, Lô-liên, thì Đồng-minh mới chịu giảng-hòa.

Hai là sự chiến-thắng của quân Pháp-Anh ở hàng trận Tỉ, về phía đông thành Ý-bối-nhĩ (Ypres). Hồi tháng 10 năm 1914, đã đánh nhau ở trên sông Y-tắc-nhĩ (Yser) một trận rất dữ, quân Đức thua không biết bao nhiêu mà kể. Trận hiện đương đánh bây giờ cũng vào một vùng ấy, cả ba quân Pháp, Anh, Tỉ, hiệp-lực nhau mà cùng công-kích, đàn áp quân Đức đủ mọi bề; quân Đức cũng đã hết sức chống lại, nhưng chỉ dủ hoại mất vô-số quân-lính mà thôi. Quân Đồng-minh thì cứ mỗi ngày một tiến lên, chiếm cứ được nhiều trận-địa trọng yếu, bắt được đến 2 vạn chiến-tù, tuy gặp giời mưa cũng có ngăn-trở việc hành-quân một đôi chút, mà quân vẫn cứ tuần tự tiến. Có thể đoán trước được rằng cái kết-quả của trận này là có nhẽ lấy lại được một phần đất Tỉ, nhất là phần bờ bể nước Tỉ dùng làm nơi căn cứ cho tầu ngầm Đức, mà nhân đấy đánh áp được vào hữu-dực quân Đức, quân Đức tất phải lui. Cái chiến-tích to nhất là trận đánh ở Ti-đạt-đăng (Staden) ngày 5 tháng 10. Trận ấy đánh có mấy giờ đồng hồ mà quân Anh chiếm được nhiều làng, phá được mấy sư-đoàn của Đức, bắt được 3 nghìn chiến-tù.

Ở các hàng trận khác bên Âu-châu thì cái tình-thế trong tháng mới rồi vẫn y-nguyên như trước, chỉ trừ về mặt Nga, ngày 15 tháng 10 có tin nói rằng hạm-đội Đức đương vận động trong vũng bể Lý-khắc (Riga) để tìm đường đem quân đăng-lục, tiến lên phía nam Nga-kinh. Cứ như thế thì cái tình-hình nước Nga về đường quân-sự cũng khả nguy vậy.

Ở Mĩ-tô-ba-đạt-mễ (Mésopotamie) thì cuối tháng 9 quân Anh đánh với quân Thổ một trận đại-chiến, hiện nay chiếm cứ được già nửa đất Tiểu-Á tế-á (Asie mineure). Lại bắt được ở Lạp-mã-ni-sĩ (Ramanich) 1 vạn 3 nghìn chiến-tù Thổ, cùng viên thống-tướng các quân đội Thổ nữa.

* * *

Tình-hình nước Pháp về đường quân-sự tài-chính. — Ông nghị-viên Pháp André Tardieu, trưởng một phái-bộ sang nước Mĩ, hồi tháng 7 mới rồi có viết một cái thư cho lục-quân tổng-trưởng Mĩ Baker, kể tình-hình nước Pháp về đường quân-sự tài-chính. Xem thư ấy thì biết cái thế-lực nước Pháp vẫn còn vững bền là chừng nào. Xin dịch toàn văn như sau này:

Ngày 30 tháng 7 năm 1917

Mĩ-quốc Lục-quân tổng-trưởng Baker đại-nhân các-hạ,

Mấy lần tiếp truyện ngài mới rồi, tôi có nói với ngài rằng tôi lấy làm lạ các báo nước Mĩ bàn về hiện-tình Âu-châu,

nhất là hiện-tình nước Pháp thường hay sai nhầm nhiều lắm.

Vậy tôi thiết nghĩ không gì bằng nhân việc đó lục ra đây mấy con số để ngài so-sánh thì tất thấu được cái chân-tình ở nước tôi. Ngài xem đấy thì biết nước tôi tuy đã trải ba năm chiến-tranh lao-khổ mà thế nước vẫn còn mạnh-mẽ hùng-cường như xưa.

Quân-lực. — Số người hiện ở hàng trận thì từ khi khởi chiến chưa từng bao giờ được nhiều bằng ngày nay. Số ấy đến ngót 3 triệu người, hơn cái số lúc bắn đầu 1 triệu, ấy là không kể những lính ở hậu quân cùng lính đóng các thuộc-địa.

Chúng tôi chắc rằng số ấy còn giữ được lâu như thế, vì quân trừ-bị ở bản-quốc cùng các thuộc-địa còn có thể cung-cấp được nhiều.

Xét ra từ khi khai-chiến số hao-tổn trong các quân-đội (như bị giết, bị thương, bị bắt), mỗi ngày một giảm bớt đi, là bởi cách cầm quân luyện binh mỗi ngày cũng một sảnh ra vậy.

Số hao-tổn chiếu theo số-ngạch các quân-đội

Trận Charleroi và trận sông Marne (năm 1914), tổn hại mất.	5.41[1]
Sáu tháng đầu năm 1915...	2.39
Sáu tháng cuối năm 1915...	1.68
Sáu tháng đầu năm 1916...	1.47
Sáu tháng cuối năm 1916...	1.28

Muốn biết cái giá-trị của những quân-đội ấy về đường công-thế thủ-thế, thì lại xin xét mấy số như sau này:

Hàng trận về mặt tây (tức là mặt Pháp) dài 739 cây-lô-mét. Trong số ấy thì quân Tỉ giữ 27 cây-lô-mét; quân Anh giữ 138 cây-lô-mét, mà quân Pháp thì giữ 574 cây-lô-mét.

Như thế thì ra một mình quân Pháp giữ chia ba hai phần hàng trận tây, mà hàng trận tây là mặt quân địch đánh dữ nhất.

Lại xét đến tháng 6 năm 1917 thì hiện các quân-đội của Đức bầy trận như thế này: đối với quân Anh 42 sư-đoàn (*divisions*) mà đối với quân Pháp thì 81 sư-đoàn.

Một sư-đoàn của Đức giữ được một hàng trận trung-bình là 4.700 thước, một sư-đoàn của Pháp giữ được 5.500 thước, nghĩa là chia sáu 1 phần hơn.

Pháo-binh dụng-cụ. — Từ khi khai-chiến, quân Pháp có rất là nhiều súng 75 li, từ đấy đến nay cũng mỗi ngày một chế thêm mãi ra, để cung-cấp cho đủ sự cần-dùng.

Về trọng pháo thì hồi *tháng 8 năm 1914* có 300 khẩu xếp theo từng đại-đội (*régiment*); đến *tháng 6 năm 1917* thì hiện có 6000 khẩu, rặt kiểu mới cả.

Trong mấy lần đánh công-thế mới rồi, cứ tính trung-bình là 26 thước có một khẩu trọng-pháo.

Nếu tổng-cộng cả giã-pháo (*artillerie de campagne*) với trọng-pháo (*artillerie lourde*) thì cứ cách 8 thước là một khẩu.

Đến như đạn-dược thì tháng 8 năm 1914 các xưởng chế cứ tính theo số trung-bình là 1 vạn 3 nghìn « phát » súng 75 li một ngày; hiện nay tăng chế đến 25 vạn một ngày; trọng-pháo thì 10 vạn viên một ngày.

Muốn cung-cấp được đủ cái số đạn-dược nhiều rất dữ như thế, nước Pháp tuy một phần đất đương bị chiếm-cứ, tuy đương khổ-hại về việc chiến-tranh mà cũng tận-lực mở ra các công-nghệ, các xưởng-thợ mới, để khuynh-hướng cả về việc chế-tạo quân-nhu.

Nay lại thử xét ra một phương-diện khác mà tính cái số nặng những đạn bắn trong một trận đánh công-thế mới

(1) Tức là một trăm phần mất 5 phần ngót dưới.

rồi thì thấy mỗi thước đất là dơi xuống bây nhiêu cân đạn :

Giã-pháo (*artillerie de campagne*)...	407 cân
Chiến-hào-pháo (*artillerie de tranchée*)	2[illegible]3 —
Trọng-pháo (*artillerie lourde*).....	704 —
Quá-trọng-pháo (*artillerie extra lourde*).....	128 cân
Cộng là.....	1.442 cân

Lại tính tiền kinh-phí mỗi một tháng về đạn-dược cho súng 75, thì thấy :

Tháng	7 năm 1916..	6 triệu	40 vạn	phật-lăng
—	9 — 1916..	7 —		—
—	10 — 1916..	5 —	50 —	—

Hồi một trận đánh công-thế mới rồi, tổng-cộng tiền kinh-phí về đạn-dược cho các hạng súng nhớn nhỏ là 12 triệu phật-lăng.

Lại phải nhận rằng pháo-binh đạn-dược của quân Tỉ, quan Tắc, quân Hi-lạp, phần nhiều là một mình nước Pháp cung-cấp cả.

Còn trọng-pháo của nước Pháp cung cấp cho các nước Đồng-minh khác hơn 8 trăm khẩu.

Tài-chính. — Tài-chính thực là quan-hệ với quân-sự ; hai đằng không thể xét dời nhau được.

Lại xin kê ra mấy số như sau này.

Từ khi khai-chiến nước Pháp kinh-phí mất mỗi năm, tổng-cộng là :

Năm	1914	8 nghìn	40 triệu	phật-lăng
—	1915	2 vạn 2 nghìn	8 trăm triệu	—
—	1916	3 vạn 2 nghìn	6 trăm 40 triệu	—
—	1917	1 vạn 9 nghìn	1 trăm 67 triệu	—
Cộng là...		8 vạn 2 nghìn	6 trăm 47 triệu	—
		(82.647.000.000)		

Nước Pháp nhận được các nước ngoài từ ngày 1 tháng 8 năm 1914 đến ngày 1 tháng 1 năm 1917, cả thảy là 6 nghìn triệu (6.000.000.000) phật-lăng.

Cũng trong thời-kỳ ấy cho vay các Chính-phủ Đồng-minh tổng-cộng là 4 nghìn triệu (4.000.000.000).

Một mình nước Pháp, dân số chỉ có 38 triệu người, lại mấy châu quận giầu có đông người nhất bị quân giặc chiếm cứ, mà đủ sức đương được những tiền kinh-phí ghê-gớm như thế, là bởi đã khéo biết đặt phương-pháp chỉnh-đốn trong việc tiêu dùng tài-sản. Thực là một cái minh-chứng rằng nghị-lực trong nước còn bền vậy.

Ấy đại-khái tình-hình nước tôi như thế. Cái quốc-nạn có to, mà quốc-hồn thực là mạnh bội-phần vậy.

Hiện nay chỉ còn phải đánh một phen quyết-chiến là xong ; nước Mĩ sẽ hết sức mà giúp nước tôi trong cuộc quyết-chiến ấy.

Nhưng mà giữa lúc quân-đội nước Mĩ bước chân sang đất nước tôi, cần phải cho ai nấy đều biết rõ rằng ngày nay cũng như từ khai-chiến đến giờ, cái công khó nhọc nhất trong cuộc quyết-đấu với Đức-tặc vẫn là về phần nước Pháp phải chịu. Một nước đã kiên-nghị nhẫn-nại được đến thế, đã giữ được bền cái nhuệ-khí như thế thì sớm trưa cũng tất phải thắng vậy...

Ký tên : ANDRÉ TARDIEU

Lục-quân Tổng-trưởng nước Mĩ nhận được thư ấy có xin ông ANDRÉ TARDIEU cho phép đăng vào Công-báo để cả quốc-dân Mĩ đều biết cái tình-hình chân-chính ở nước Pháp. Bởi thế thư ấy mới công-bố ra khắp thế-giới, đâu đâu cũng biết mà cảm-phục cái công nhớn-nhao của nước Pháp trong cuộc chiến-tranh này vậy.

* * *

Tình-thế nước Đức. — Những sự thất-bại của quân Đức ở hàng trận Pháp cùng hàng trận Tỉ, thực là có ảnh-hưởng đến nội-tình nước Đức nhiều. Hiện trong nước dân-gian mỗi ngày một khổ, mỗi ngày một thêm ngã lòng, mà oán-phẫn bọn qui-tộc làm cho dân phải lầm-than cực-nhục để cố cứu-vớt lấy một cái chính-thể chuyên-chế áp-ức. Mới được mấy hôm nay bọn thủy-thủ ở chiếc tuần-dương-

hạm (*croiseur*) Đức hiệu *Nurenberg* khởi-loạn lên, giết các quân-quan trong tầu, rồi tìm đường trốn về bờ-bể nước Na-uy (Norvège). Mấy chiếc ngư-lôi-đĩnh (*torpilleur*) chạy đuổi theo mới bắt được tầu về cảng. Đức-Hoàng muốn đem bắn hết những tên khởi-loạn, nhưng mấy viên thượng-thư cố xin, sợ rằng nhân việc đó mà kích-thích cả các quân-lính cùng đồng lòng nổi loạn chăng. Đức-hoàng sau phải chịu : xem thế thì đủ biết cái đế-quyền đã suy, không đủ khiến cho bề tôi sợ nữa. Viên Hải-quân tổng-trưởng thì thấy tình-thế nguy mà trách-nhiệm trọng đã xin từ chức.

Mọt đảng thì ở Nghị-viện đảng xã-hội công-kích thủ-tướng Mễ-trại-lí-ti (Michaelis) một cách rất kịch-liệt, nói rằng chính bởi cái chính-sách « Đại-Đức-quốc chủ-nghĩa » (*politique pangermaniste*) của thủ-tướng, mà khiến cho nước Đức không sao điều-đình được việc nghị-hòa, để các nước Đồng-minh nhất-quyết không chịu nghe. Thủ-tướng nay mai thế nào cũng đến phải từ-chức mà thôi.

Lại thêm khoản lương-thực thiếu-thốn, nên cái tình-thế ở nước Đức nước Áo lại càng khốn-nạn lắm nữa. Cái phong-trào chủ-hòa mỗi ngày một thịnh, có thể nguy đến việc quân-cơ. Cái nguy ấy chỉ có càng ngày càng tăng lên mà thôi. Ta cũng nên mong nhân tình-thế nguy ấy mà sự chiến-tranh sẽ được chóng kết-cục.

* * *

Tình-thế nước Nga. — Ở nước Nga thì sau khi cái mưu khởi-loạn của tướng Cách-ni-la-phu (Korniloff) dẹp xong, nội-tình đã khá hơn trước. Thủ-tướng Kiệt-lăng-ti-cơ (Kerensky) thực là tay cứu-thế cho nước Nga mới này, vẫn giữ quyền nhất-thống trong nước, hiện đã lập được một tòa Nội-các gọi là « Quốc-dân hiệp-lực Nội-các » (*ministère de concentration nationale*). Lập-hiến quốc-hội (*Assemblée constituante*) thì đến mùa đông này mới họp hội-đồng, để quyết-nghị về việc tổ-chức cái cộng-hòa-chính-thể mới. Hiện đã đặt kế để tăng cái sức thủ-thế của các quân-đội, khiến cho có thể chống-cự lại cái áp-lực của quân Đức. Như mới hạ-lệnh triệt bớt quân lính về, vì quân ở hậu-quân nhiều quá. Thực là một sự lạ thay : các nước lo thiếu quân, mà nước Nga thì lại sợ nhiều quân quá, khó lòng cung-cấp lương-thực, quần-áo, súng-đạn cho được đủ khắp cả.

Việc Á-đông

Việc nước Tầu. — Nội-tình nước Tầu đã ràng-rạng. Những đám mây u-ám che góc giời Tây-nam (loạn Vân-nam, Tứ-xuyên) đã tản đi gần hết, cái gió hòa-bình thổi khắp trong nước, mát-mẻ lòng người mà trong-sạch không-khí.

Báo *Bắc-kinh chính-văn* nói rằng : « Những nhà ái-quốc ở nước Tầu cũng nên mừng rằng các việc đã điều-đình gần được ổn-thỏa. Người ta thường nói nước Tầu là nơi cổ-địa của đạo « trung-dung », không phải là nói ngoa, vì phàm những sự nguy-biến sẩy ra rất dữ-dội rồi sau cũng đến hòa-giải cả. »

Tuy hiện nay ở tỉnh-thành Quảng-đông vẫn có cái « Lâm-thời nghị-viện » của một bọn xuần-động muốn tự sưng làm chính-phủ nước Tầu, nhưng có ai coi cái nghị-viện ấy vào đâu, vì người đứng đầu đảng xuần-động ấy đối với quốc-dân đã mất danh-dự nhiều lắm rồi. Người ấy tức là Tôn Đạt-Tiên. Không phải rằng trong đảng quốc-dân không có nhiều người công-bằng chính-trực, nhưng những người ấy mà đi theo một người lĩnh-tụ như Tôn thực là mất danh-giá đi vậy. Tôn tuy trước đã nhận được tiền của người

Đức để quấy dối trong nước, nhưng hiện nay tiền ấy đã tiêu hết, thiết-tưởng cái thế-lực cũng sẽ nhân đấy mà tiêu-tán đi vậy.

Đại-tướng Lục Vinh-Đình đã quyết ra tay phá đám phường chèo ấy, tất không để cho Tôn có đường trốn được. Nhưng túng-sử có cách trốn, cũng không biết trốn vào đâu cho được, Chắc là không có một nước Đồng-minh nào dung-túng mà cho ở nhờ nữa, mà đường sang nước Đức thì xa, lại trăm nỗi hiểm nghèo! Có nhà báo tây đã gọi mỉa Tôn Dật-Tiên là « chú-lái-buôn nghề cách-mệnh, đội lốt Đại Nguyên-súy ». Thực thì Tôn xướng ra sự xuần-động này đã mất danh-diện nhiều mà chỉ đủ làm trò cười cho thiên-hạ. Vả mới rồi trung-ương-chính-phủ cũng đã hạ-lệnh tầm bắt Tôn cùng đồng-đảng rồi.

Vậy thì sự vận-động để phân lìa với chính-phủ Bắc-kinh mà đặt thành một dân-quốc phía Nam thực đã thất-bại vậy. Vả phàm người Tàu thực biết yêu nước cũng không ai ưng cái mưu phân lìa như thế. Dư-luận trong nước từ trước vẫn biết rằng mưu ấy là bởi sự cạnh-tranh riêng của một bọn tham-lam vô-sỉ, nên chẳng mấy người lưu-tâm đến. Nay thấy mưu ấy đồ-địa thì ai cũng buồn cười vậy.

Hiện bây giờ thì cái quyền làm minh-chủ để điều-đình mọi việc là ở trong tay Lục Vinh-Đình, Lưỡng-Quảng tuần-duyệt-sứ.

Xem ý ra thì Lục muốn thông-đồng với tổng-thống Phùng Quốc-Chương mà phá đổ thủ-tướng Đoàn Kỳ-Thụy. Hai người thấy thủ-tướng thế-lực mỗi ngày một mạnh có ý ghen. Chưa biết hai bên sau này sung-đột nhau ra thế nào.

Hiện nay Chính-phủ Tầu còn có một cái vấn-đề khó giải nữa, là cái vấn-đề về hiến-pháp. Nên theo hiến-pháp cũ hay nên đặt hiến-pháp mới? Chính-phủ Bắc-kinh thì muốn đặt mới, đảng dân-quốc thì muốn khởi-phục lại hiến-pháp cũ năm 1913: Chính-phủ vẫn được phần hơn, nhưng chưa biết có thành công không.

VIỆC ĐÔNG-DƯƠNG

Hội-đồng Chính-phủ sẽ họp tại Sài-gòn tháng sau này. Vậy phàm những việc quan-trọng trong bản-xứ phải đợi đến khi hội-đồng xong mới biết được. Kỳ sau bản-báo sẽ thuật tường các việc.

Hiện trong tháng mới rồi thì chỉ có mấy việc như sau này:

Dự-định đặt một đội thương-thuyền cho Đông-dương;

Bắc-kỳ Thương Nghị-viện họp hội-đồng tại Hà-nội;

Trường Đại-học đã bắt đầu mở mấy lớp học.

Cái dự-án về việc đặt một đội thương-thuyền cho Đông-dương là khởi-xướng tự quan Toàn-quyền Sarraut. Đông-dương ta từ xưa đến nay giao-thông với Đại-Pháp, với nước ngoài đều do mấy công-ti tầu bể lĩnh-chưng việc vận-tải. Từ khi chiến-tranh đến giờ, nghề đi bể thành ra nguy-hiểm, giá vận-tải mỗi ngày một cao, Đông-dương ta phải thiệt-thòi nhiều lắm. Không những thế lại còn lo có ngày không đủ tầu mà giao-thông với mọi nơi, đem gạo, đem đồ hàng ra bán ngoài. Cuộc kinh-tế tất bị ngăn-trở vì đấy. Vì sau khi chiến-tranh, các nước lại càng cần đến tầu để nhập-cảng các đồ cần-dùng, mà số tầu thì bấy giờ tất ít không được bằng ngày nay, giá-ngạch tăng lên quá chừng, sự thiệt-hại không biết bao nhiêu mà kể. Hiện nay vì giá vận-tải cao, nên số xuất-cảng đã giảm đi nhiều lắm. Xứ ta là một xứ sống về gạo, nếu

gạo không bán được thì sự kinh-tế tất quẫn. Nhưng giá vận-tải ra ngoài cứ mỗi ngày một cao thì dẫu được mùa đến thế nào cũng không lại được. Như xưa một tạ gạo chở từ Sài-gòn ra Tân-gia-ba (Singapour) hay ra Hương-cảng (Hong-kong) tiền cước có 0$18 đến 0$25 mà thôi ; bây giờ tăng đến 1$00, 1$20. Một tấn (*tonne*) gạo từ Sài-gòn về Marseille (Pháp) trước tiền cước có 20 đến 25 quan tiền tây, nay tăng đến 1000, 1200 quan. Mà những giá ấy chỉ có nhẽ mỗi ngày một tăng lên, không có giảm đi. Muốn phòng sự nguy hiểm ấy nên Toàn-quyền mới định gọi vốn các nhà tư-bản trong bản-xứ, lấy tiền của công-khố giúp vào, mà lập ra một hội chế tầu riêng cho xứ Đông-dương. Những tầu ấy sẽ cắm cờ Đông-dương mà đương việc giao-thông vận-tải của bản-xứ với các nước ngoài. Tháng trước có hội-đồng những nhà buôn-bán nhớn ở Sài-gòn, ai cũng vui lòng mà tán thành vào cái ý tốt ấy. Mới rồi quan Toàn-quyền ở Bắc-kỳ, xuống hội-đồng các nhà buôn-bán ở Hải-phòng thì nhiều người cũng cổ-võ mà nhận xuất-vốn. Mong rằng cái công-trình nhớn nhao của quan Toàn-quyền ta chóng thành-tựu, dân ta tất được nhờ nhiều.

Tòa Bắc-kỳ Thương Nghị-viện họp tại Hà-nội thượng-tuần tháng này. Các ông Nghị-viện năm nay chỉ phải xét sổ chi-tiêu mà thôi, nên công việc chóng xong. Khi Hội-đồng giải-tán thì ông Nghị-trưởng cùng mấy ông phái-viện lên chào mừng quan Toàn-quyền để tỏ lòng trung-thành với Nhà-nước. Quan Toàn-quyền diễn-dụ lại mấy nhời rất ôn-tồn.
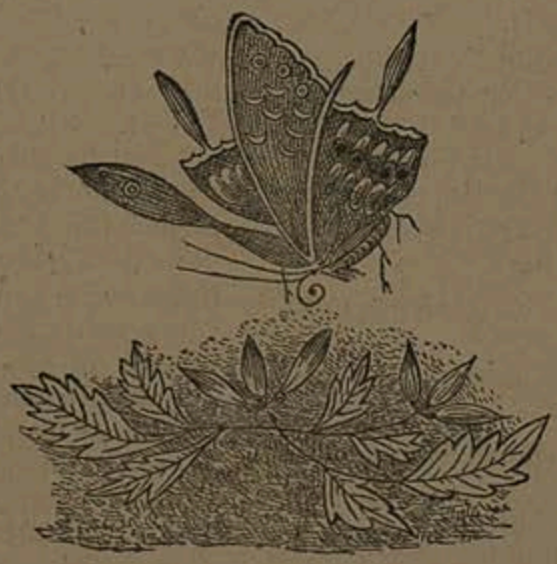
Trường Đại-học thì hiện chương-trình chưa công-bố. Nhưng đã có mấy lớp bắt đầu học rồi. Lớp dạy cách-trí (vật-lý học, hóa-học, bác-vật học) đã mở từ ngày 10 tháng này. Trường sư-phạm cũng đã học rồi. Nghe đâu trường Pháp-chính sẽ khai-mạc nay mai.